

## HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

Chủ tịch: TS. Bùi Thế Đức  
Các Ủy viên:  
Nhà báo Hà Đăng  
TS. Vũ Ngọc Hoàng  
GS.TS. Phùng Hữu Phú  
TS. Trương Minh Tuấn  
PGS.TS. Nguyễn Thế Kỷ  
ThS. Lâm Phương Thanh  
PGS.TS. Nguyễn Hồng Vinh  
PGS.TS. Đào Duy Quát  
GS.TSKH. Phạm Mạnh Hùng  
TS. Trần Doãn Tiến  
ThS. Lê Huy Nam  
(Thường trực)

## TỔNG BIÊN TẬP

ThS. Lê Huy Nam  
Điện thoại: 08045108

## PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Hàm Vụ trưởng:  
TS. Nguyễn Thành Vinh  
Điện thoại: 08044373

ThS. Nguyễn Thị Minh Huế  
Điện thoại: 08045691

TS. Văn Thị Thanh Mai  
Điện thoại: 08044986

## THƯ KÝ TÒA SOẠN

ThS. Bùi Thị Thu Thanh  
Điện thoại: 08045232

Ảnh bìa: Sinh viên trường Đại học  
Nguyễn Tất Thành TP. Hồ Chí Minh  
trong giờ thực hành  
Ảnh: N.HÙNG

Giá: 12.000đ

# Tuyên giáo

TẠP CHÍ CỦA BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG

## TRONG SỐ NÀY

### ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO

**3** | □ **VÕ VĂN THƯỜNG**  
SỨC SỐNG BỀN VỮNG CỦA TUYÊN NGÔN  
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

**8** | □ **TẠ NGỌC TẤN**  
NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC LÝ LUẬN  
HIỆN NAY

**13** | □ **BÙI THANH**  
NGHỊ QUYẾT 27 VỀ TRÍ THỨC - ĐÚNG VÀ TRÚNG  
NHUNG GIAN NAN THỰC HIỆN

**20** | □ **VŨ ĐĂNG MINH - THU THANH**  
THU HÚT TÀI NĂNG TRẺ CẦN CÓ CƠ CHẾ ĐẶC THÙ

### BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

**26** | □ **NGUYỄN HỒNG HÀI**  
MÂY ĐEN SAO CHE NỔI MẶT TRỜI

### Nghiên cứu - Trao đổi

**30** | □ **HOÀNG VĂN CƯƠNG - PHẠM PHÚ MINH**  
KINH TẾ TƯ NHÂN - ĐỘNG LỰC QUAN TRỌNG THÚC ĐẨY  
PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM

**35** | □ **ĐÀNG KIM SƠN**  
CÔNG ĐỒNG NÔNG THÔN - NGUỒN LỰC QUAN TRỌNG  
ĐỂ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

### HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

**39** | □ **NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA**  
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ  
LÀ THƯỚC ĐO CỦA HỌC BÁC

**43** | □ **NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN**  
"ĐỐI VỚI NHÂN DÂN PHẢI KÍNH TRỌNG, LỄ PHÉP"

## TÒA SOẠN

49 Phan Đình Phùng,  
Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: 08044374  
Fax: 08045416

## ĐẠI DIỆN MIỀN NAM

- Cơ quan Thường trực  
Ban Tuyên giáo Trung ương  
tại TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 08087979
- Văn phòng Ban Tuyên giáo  
Thành ủy TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 028.39349141

## ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

- Cơ quan Thường trực  
Ban Tuyên giáo Trung ương  
tại TP. Đà Nẵng  
ThS. Phan Xuân Thủy

Số 1 Quang Trung, TP. Đà Nẵng  
Điện thoại: 08051145  
Di động: 0986099599

## ■ ĐƠN VỊ KHAI THÁC VÀ TIẾP NHẬN QUẢNG CÁO TẠI PHÍA NAM:

Công ty Cổ phần Truyền thông  
Phan Quang  
355/43 Sư Vạn Hạnh, Phường  
12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 028.54052777 -  
028.62649264

## TRÌNH BÀY

An Bình

## IN TẠI

Công ty cổ phần in và dịch vụ  
thương mại Phúc An

## ĐẠI DIỆN MIỀN NAM

- Cơ quan Thường trực  
Ban Tuyên giáo Trung ương  
tại TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 08087979
- Văn phòng Ban Tuyên giáo  
Thành ủy TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 028.39349141

## THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

- 48** |  **PHẠM VƯƠNG**  
LÀM GÌ ĐỂ GIÁNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ HIỆU QUẢ
- 51** |  **NGÔ TUẤN NGHĨA**  
PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG  
Ở VIỆT NAM

## VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

- 56** |  **NGUYỄN VĂN DÂN**  
TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI -  
HIỆN THỰC VÀ HU CẤU
- 60** |  **NGUYỄN HỮU THỨC**  
TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ LỄ HỘI DÂN GIAN

## NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI

- 65** |  **NGUYỄN VĂN TUẤN**  
DU LỊCH VIỆT NAM HƯỚNG TÓI MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN  
BỀN VỮNG
- 70** |  **KIM PHƯỢNG**  
CÔNG BẰNG, CHIA SẺ VÀ BAO PHỦ TOÀN DÂN  
LÀ ĐÍCH ĐẾN CỦA BẢO HIỂM XÃ HỘI

## CÙNG SUY NGÂM

- 74** |  **THIỆN VĂN**  
QUAN TÂM (!)

## NHỊP CẦU TUYÊN GIÁO

- 75** | **HỎI - ĐÁP**
- 75** | **HỘP THƯ TÒA SOẠN**
- 76** |  **THẾ VINH**  
VỀ CUỐN SÁCH "CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO  
TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI"

# SỨC SỐNG BỀN VỮNG CỦA TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

□ VÕ VĂN THƯỞNG

Tại Hội thảo khoa học quốc tế kỷ niệm 170 năm ra đời tác phẩm Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (24-2-1848 – 24-2-2018), đồng chí Võ Văn Thưởng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương đã có bài phát biểu khai mạc. Tạp chí *Tuyên giáo* trân trọng đăng bài phát biểu quan trọng này.

Cách đây 170 năm, Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản do C.Mác và Ph.Ăngghen soạn thảo, được xuất bản lần đầu tại Anh. Đây là tác phẩm có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế nói riêng, đối với sự phát triển của thế giới, sự tiến bộ của nhân loại nói chung; là “tác phẩm phổ biến hơn cả, có tính chất quốc tế hơn cả, trong tất cả các văn phẩm xã hội chủ nghĩa, đó là cương lĩnh chung của hàng triệu công nhân tất cả các nước...”<sup>(1)</sup>

Sự ra đời *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là bước ngoặt quyết định đối với sự phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; đánh dấu sự hình thành về cơ bản lý luận của chủ nghĩa Mác. Đó là kết quả của sự kết hợp giữa thành quả nghiên cứu khoa học với việc tổng kết thực tiễn phong trào cách mạng của giai cấp công nhân châu Âu giữa thế kỷ XIX



của hai nhà tư tưởng vĩ đại C.Mác và Ph.Ăngghen.

Sau khi được công bố, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* với tư cách là Cương lĩnh của Liên đoàn những người cộng sản quốc tế, đã nhanh chóng đi vào quần chúng và trở thành một văn kiện mang tính lý luận, định hướng cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, một trong những tác phẩm kinh điển quan trọng

nhất của chủ nghĩa Mác nói riêng, chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung.

Thời gian đã lùi rất xa, song giá trị to lớn và sức sống lâu bền của *Tuyên ngôn* vẫn ngời sáng, bởi nội dung mang tính khoa học, cách mạng và nhân văn sâu sắc.

Trong *Tuyên ngôn*, với thế giới quan duy vật và sử dụng phương pháp biện chứng để nghiên cứu lịch sử nhân loại, C.Mác và

Ph.Ăngghen đã luận giải hết sức cô đọng, khoa học và thuyết phục về quy luật khách quan của sự phát triển xã hội loài người; về quá trình phát sinh, phát triển và sự tất yếu diệt vong của chủ nghĩa tư bản; về vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản; về mục đích của Đảng Cộng sản, mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản với giai cấp vô sản cũng như chiến lược, sách lược của Đảng Cộng sản trong quá trình lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa để tiến tới một xã hội không còn giai cấp, không còn nhà nước - một liên hiệp của người lao động mà ở đó “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”<sup>(2)</sup>. Đúng như V.I.Lênin đã đánh giá, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là tác phẩm “trình bày một cách hết sức sáng sủa và rõ ràng thế giới quan mới, chủ nghĩa duy vật triết để - chủ nghĩa duy vật này bao quát cả lĩnh vực sinh hoạt xã hội, - phép biện chứng với tư cách là học thuyết toàn diện nhất và sâu sắc nhất về sự phát triển, lý luận đấu tranh giai cấp và vai trò cách mạng - trong lịch sử toàn thế giới - của giai cấp vô sản, tức là giai cấp sáng tạo ra một xã hội mới, xã hội cộng sản”<sup>(3)</sup>.

Khi đọc *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* chúng ta tìm thấy ở đó những nguyên lý cơ bản nhất của cả ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác là triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học. Điều đặc biệt là, những nguyên lý ấy, như V.I.Lênin đã đánh giá, “tuyệt nhiên không dựa trên những ý niệm, những nguyên lý do một nhà cải cách thế giới nào phát minh ra. Những nguyên lý ấy chỉ là biểu

**“Tuyên ngôn  
của Đảng  
Cộng sản là  
tác phẩm “trình bày  
một cách hết sức sáng  
sủa và rõ ràng thế giới  
quan mới, chủ nghĩa  
duy vật triết để - chủ  
nghĩa duy vật này bao  
quát cả lĩnh vực sinh  
hoạt xã hội, - phép biện  
chứng với tư cách là học  
thuyết toàn diện nhất  
và sâu sắc nhất về sự  
phát triển, lý luận đấu  
tranh giai cấp và vai trò  
cách mạng - trong lịch  
sử toàn thế giới - của  
giai cấp vô sản, tức là  
giai cấp sáng tạo ra  
một xã hội mới, xã hội  
cộng sản”.**

V.I.LÊNIN

hiện khái quát của những quan hệ thực tại của cuộc đấu tranh giai cấp hiện có”<sup>(4)</sup>.

Phản ánh đúng quy luật phát triển của hiện thực, định hướng cho Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo đấu tranh theo quy luật đó để giải phóng con người, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã trở thành ngọn cờ tư tưởng, lý luận, soi đường, dẫn lối cho phong trào cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức, bóc lột trên phạm vi toàn thế giới đấu tranh

vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Dưới ánh sáng của *Tuyên ngôn*, từ cuối thế kỷ XIX đến những năm 80 của thế kỷ XX, các cuộc cách mạng vô sản dù phải trải qua nhiều cam go, nhưng đã giành được nhiều thắng lợi to lớn. Đó là Công xã Pari năm 1871 - cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới, đã dẫn tới sự ra đời chính quyền của giai cấp công nhân và đã để lại những bài học kinh nghiệm vô giá cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Đó là thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại năm 1917 - cuộc cách mạng đã mở ra thời đại mới trong lịch sử nhân loại - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Đó là thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô; là thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ-Latinh và hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ra đời; là sự phát triển không ngừng của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh cho dân chủ, tiến bộ và hòa bình trên thế giới.

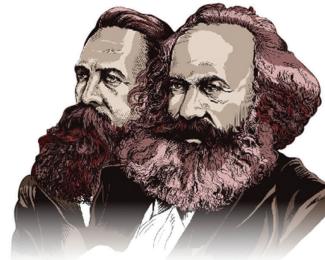
Những thắng lợi to lớn của các cuộc cách mạng vô sản, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã chứng tỏ rằng, thế giới đã có những biến chuyển hết sức to lớn theo hướng mà *Tuyên ngôn* đã dự báo. Tư tưởng *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã trở thành hiện thực sinh động trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng loài người. Tư tưởng của *Tuyên ngôn*, tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin đã vạch ra con đường cách mạng vô sản, đưa hàng tỷ quần chúng lao động, hàng trăm quốc gia, dân tộc thoát

# THE Communist Manifesto



KARL MARX & FREDERICK ENGELS

INTERNATIONAL PUBLISHERS



## TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

### với công cuộc đổi mới

Trong những năm qua, tư tưởng cơ bản của Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (TNĐCS) được vận dụng vào công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thể hiện rõ nhất trên lĩnh vực kinh tế, chính trị và xây dựng Đảng

#### VỀ KINH TẾ



Đảng luôn luôn quán triệt tư tưởng cơ bản của TNĐCS là:

“Trong mọi thời đại lịch sử, sản xuất kinh tế và cơ cấu xã hội - cơ cấu này tất yếu phải do sản xuất kinh tế mà ra - cả hai cái đó cấu thành cơ sở của lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của thời đại ấy”.

Vận dụng quan điểm ấy, Đảng ta xác định, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trước hết và trung tâm là xây dựng, phát triển kinh tế.

Tăng trưởng kinh tế đồng thời với phát triển xã hội, văn hóa, giáo dục, vì mục tiêu phát triển con người, mang đậm bản sắc dân tộc Việt Nam

#### VỀ CHÍNH TRỊ



Xuất phát từ các giá trị lý luận về nhà nước và pháp luật trong TNĐCS và các giá trị phổ quát của nhân loại về xây dựng nhà nước pháp quyền, Đảng chủ trương tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

#### VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG



Đảng ta luôn nhất quán quan điểm sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng và sự lãnh đạo của Đảng là tất yếu trong tất cả các giai đoạn của cách mạng; đồng thời khẳng định vấn đề nâng cao bản chất giai cấp công nhân là tư tưởng xuyên suốt trong công tác xây dựng Đảng để bảo đảm cho Đảng hoàn thành sứ mệnh lãnh đạo.

Sự thống nhất lợi ích của Đảng và giai cấp - Tư tưởng này làm cơ sở cho những chủ trương xóa những đặc quyền, đặc lợi của Đảng.

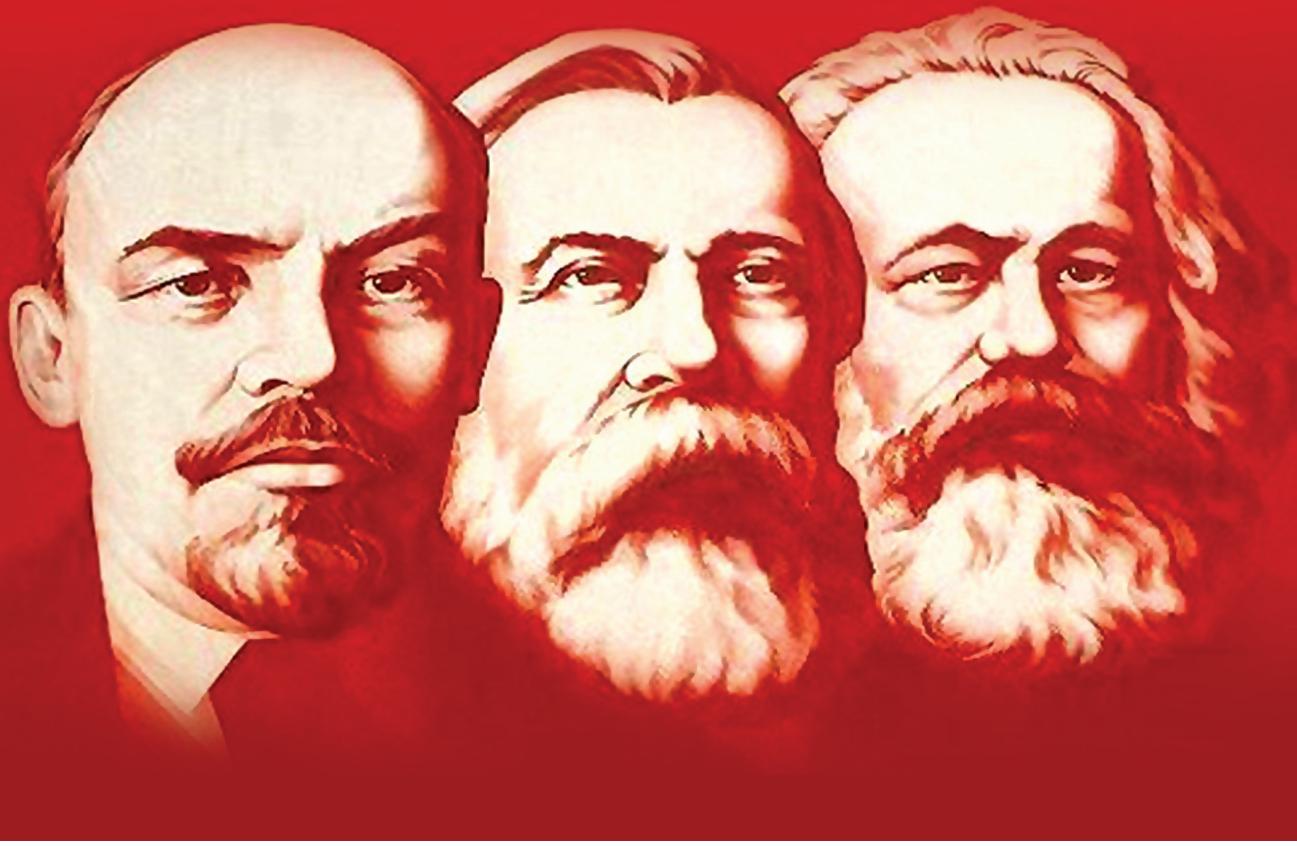
Trong đường lối cách mạng, Đảng ta luôn quán triệt và vận dụng tư tưởng cốt lõi của Tuyên ngôn, coi công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định: “xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức” là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta

Nguồn: Ban Tuyên giáo Trung ương

<http://infographics.vn>

© TTXVN  
Vietnam News Agency



khỏi thân phận bị áp bức, bóc lột, nô dịch vươn tới địa vị làm chủ, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã khẳng định được giá trị to lớn đối với sự phát triển của thế giới, sự tiến bộ của nhân loại.

Song, cũng như C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định, phát triển không diễn ra theo đường thẳng mà là một quá trình quanh co, phức tạp. Sự phát triển của cách mạng vô sản cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Sau nhiều thắng lợi to lớn và thành tựu vĩ đại, từ đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, mô hình xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ. Đây là một tổn thất lớn đối với phong trào cách mạng thế giới. Sự sụp đổ này do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan,

trong đó nguyên nhân chủ yếu là do Đảng Cộng sản ở Liên Xô và Đông Âu khi xác lập mô hình chủ nghĩa xã hội cũng như khi cải tổ, cải cách đã xa rời những nguyên lý cơ bản và chủ đạo của *Tuyên ngôn* nói riêng, của chủ nghĩa Mác - Lê nin nói chung. Đó là sự sụp đổ của một mô hình chủ nghĩa xã hội giáo điều, xơ cứng, chậm thay đổi trước những biến chuyển to lớn của thời cuộc. Sự sụp đổ này không dẫn đến “cái chết của chủ nghĩa cộng sản” như ảo tưởng của các lý thuyết gia tư sản, mà các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay, trong đó có Việt Nam, đã rút ra được những bài học sâu sắc trong việc nhận thức những tư tưởng, những nguyên lý cơ bản, chủ đạo của *Tuyên ngôn* nói riêng, của chủ nghĩa Mác - Lê nin

nói chung để vận dụng đúng đắn, phát triển sáng tạo, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của đất nước, của dân tộc mình và xu thế thời đại như C.Mác và Ph.Ăngghen đã căn dặn: “bất kỳ ở đâu và bất cứ lúc nào việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời”<sup>(5)</sup>.

Những thành tựu to lớn trong công cuộc cải cách, đổi mới ở Trung Quốc, Việt Nam trong vài thập kỷ gần đây và sự vững vàng của Cuba trước sự bao vây cấm vận của Mỹ cùng với sự xuất hiện các trào lưu xã hội chủ nghĩa mới ở các châu lục và ở ngay trong lòng các nước tư bản chủ nghĩa đã minh chứng giá trị lý luận, thực tiễn và sức sống bền vững của *Tuyên ngôn*, của chủ nghĩa Mác - Lê nin.

Thời đại ngày nay - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, đang đổi thay với nhiều biến đổi nhanh chóng, phức tạp và khó lường. Trên thế giới, mặc dù chủ nghĩa xã hội vẫn còn trong giai đoạn thoái trào; chủ nghĩa tư bản còn nhiều tiềm năng, nhưng lý tưởng cao đẹp, xã hội tương lai mà *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* xác định vẫn luôn là khát vọng của nhân loại; quy luật phát triển của xã hội mà *Tuyên ngôn* đã chỉ ra vẫn là hướng đi của lịch sử, theo đó, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản, của công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức, bóc lột trên phạm vi toàn thế giới còn nhiều khó khăn, gian khổ nhưng khi “Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại” thì “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”<sup>(6)</sup>.

Đối với cách mạng Việt Nam, *Tuyên ngôn* của Đảng Cộng sản có ý nghĩa hết sức đặc biệt. Từ bản “Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của Lenin năm 1920 - bản Luận cương phát triển sáng tạo tư tưởng của *Tuyên ngôn* của Đảng Cộng sản trong điều kiện lịch sử mới, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam và đã sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam vào năm 1930.

88 năm qua, được soi sáng bởi tư tưởng *Tuyên ngôn* của Đảng Cộng sản, của chủ nghĩa Mác - Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, huy động được mọi nguồn lực của đất nước, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh thời

đại để giành những thắng lợi vẻ vang và đang vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động của mình. Mục đích cao cả của Đảng Cộng sản Việt Nam hoàn toàn phù hợp với tư tưởng cơ bản và chủ đạo của *Tuyên ngôn*: đó là giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách áp bức bóc lột, thực hiện dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam, nhất là những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước hơn 30 năm qua đã khẳng định con đường cách mạng mà Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam lựa chọn: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là hoàn toàn đúng đắn; đồng thời cũng khẳng định và thể hiện Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên định, trung thành, không ngừng vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của đất nước và xu thế thời đại.

Ngày nay, Việt Nam đang trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội với nhiều thời cơ, thuận lợi và cũng không ít khó khăn, thách thức. Song dưới ánh sáng của *Tuyên ngôn*, của chủ nghĩa Mác - Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh, với tinh thần kiên định - sáng tạo, với truyền thống, phẩm chất và năng

lực của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam tin tưởng rằng, cách mạng Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, giành thắng lợi to lớn hơn; công cuộc đổi mới toàn diện, đồng bộ đất nước Việt Nam nhất định sẽ thắng lợi.

Kỷ niệm 170 năm ra đời *Tuyên ngôn* của Đảng Cộng sản là dịp chúng ta thêm một lần nữa nhận ra sâu sắc giá trị đích thực và sức sống bền vững của những tư tưởng cơ bản trong *Tuyên ngôn*; đồng thời chỉ ra những vấn đề cần bổ sung, hoàn thiện và phát triển những tư tưởng cơ bản đó cho phù hợp với thời đại ngày nay, phù hợp với thành tựu của cách mạng thế giới, thành tựu của khoa học và công nghệ hiện đại, đặc biệt là những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong công cuộc đổi mới, cải cách ở các nước xã hội chủ nghĩa. Đây cũng là dịp chúng ta nhận diện, đấu tranh, phản bác các trào lưu tư tưởng muộn phiến phủ định giá trị, sức sống bền vững và ý nghĩa thời đại của *Tuyên ngôn*, góp phần đấu tranh, xóa bỏ mọi áp bức, bất công, xây dựng một xã hội ngày càng tốt đẹp. □

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 1995, t. 22, tr.98.

(2), (6) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 1995, t.4, tr.628, 613.

(3) V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1980, t. 26, tr.57.

(4) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2002, t.4, tr.615.

(5) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 1995, t.8, tr.128.

# NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC LÝ LUẬN HIỆN NAY

□ GS. TS. TA NGỌC TẤN

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

**1** Báo cáo Chính trị tại Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh: “Tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen; đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới to lớn, phức tạp hơn đối với sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước và bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, đòi hỏi Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải quyết tâm, nỗ lực, nỗ lực phấn đấu mạnh mẽ hơn”<sup>(1)</sup>. Tình hình đó cũng đòi hỏi công tác lý luận của Đảng cần được tiếp tục đổi mới, đáp ứng yêu cầu xây dựng cơ sở khoa học, thực tiễn cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tuy nhiên, để xác định được các nội dung, yêu cầu và giải pháp nhằm đổi mới công tác lý luận, cần thiết phải làm rõ những vấn đề gì đang đặt ra cho lĩnh vực này.

## Vấn đề chất lượng nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI trình Đại hội lần thứ XII của Đảng đã chỉ rõ: “Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận



còn bất cập, chưa làm rõ được một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới để định hướng trong thực tiễn, cung cấp cơ sở khoa học cho hoạch định đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn một số vấn đề cần phải qua tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để tiếp tục làm rõ”<sup>(2)</sup>. Sự bất cập mà Báo cáo Chính trị chỉ ra chính là hạn chế về chất lượng của công tác lý luận, thể hiện ở việc chưa nghiên cứu, tổng kết kịp thời để làm rõ một số vấn đề đặt ra trong thực tế công cuộc đổi mới. Hạn chế về chất lượng công tác lý luận, nhất là hạn chế, bất cập trong tổng kết thực tiễn, là hệ quả tất yếu của những hạn chế về

**Nghiên cứu lý luận là một khoa học đặc thù. Đặc biệt, hoạt động nghiên cứu khoa học về lý luận lại diễn ra trong điều kiện các tiến trình xã hội liên tục vận động, vì thế, việc đưa ra đánh giá về tính chất của thực tiễn xã hội là vô cùng khó khăn”.**

nội dung, phương pháp nghiên cứu lý luận, cách thức đặt hàng, quản lý hoạt động nghiên cứu, từ những hạn chế chất lượng

# ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐẠI HỘI XII



Đại hội XII của Đảng đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ về nội dung, phương thức và các hình diện của công tác tư tưởng, lý luận

các công trình, đề tài nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và cả chất lượng của nhiều hội nghị, hội thảo khoa học lý luận.

**Vấn đề nghiên cứu, tiếp nhận có chọn lọc các thành tựu lý luận, các học thuyết khoa học, các bài học kinh nghiệm về phát triển của nhân loại**

Có một thời kỳ dài, do mặc cảm về ý thức hệ và yêu cầu khắc nghiệt của chiến tranh, hầu như chúng ta đóng cửa với những phát triển lý luận chính trị của thế giới nếu không phải là chủ nghĩa Mác - Lênin. Việc nghiên cứu về chủ nghĩa Mác - Lênin cũng bị ảnh hưởng nhiều bởi những quan điểm chính thống của các nhà nghiên cứu Xô Viết. Trong thời kỳ đổi mới, với tinh thần mở cửa hội nhập quốc tế, chúng ta đã có nhiều đổi mới về nhận thức trong vấn

đề nghiên cứu, chắt lọc những thành tựu nghiên cứu, tổng kết lý luận của nhân loại, nhất là những vấn đề về kinh tế. Đây là xu hướng khách quan, khoa học, theo đúng phương pháp luận Mác xít.

Trong điều kiện ngày nay, khi mà cuộc các mạng khoa học - công nghệ và tiến trình toàn cầu hóa diễn ra vô cùng nhanh chóng, tác động hằng ngày, hằng giờ đến mọi quốc gia, dân tộc, vấn đề nghiên cứu, tiếp nhận có chọn lọc các thành tựu lý luận, các học thuyết khoa học, các bài học kinh nghiệm về phát triển của nhân loại càng cần thiết hơn bao giờ hết. Đó là phương pháp thông minh để phát triển, hay như cách nói khác, “đứng trên vai” của người khác để thực hiện thành công mục tiêu cộng sản chân chính. Tuy nhiên, trên thực tế, vấn đề nghiên cứu, tiếp thu chọn

lọc tinh hoa về lý luận của nhân loại hầu như còn chậm, chưa cập nhật kịp thời nhiều thành tựu nghiên cứu, bài học phát triển của thế giới, chưa theo kịp tiến trình hội nhập quốc tế về kinh tế, chính trị và nhiều lĩnh vực khác của chúng ta.

**Vấn đề đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ nghiên cứu lý luận**

Sau hơn 30 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, thực tế đời sống xã hội đã có nhiều thay đổi to lớn, kéo theo những thay đổi về vị trí lao động, việc làm. Từ vị trí trong top đầu của ưu tiên lựa chọn công việc, ngày nay, công tác nghiên cứu, giảng dạy về lý luận hầu như đã xuống vị trí rất thấp, thay vào đó là các ưu tiên cho ngành nghề, công việc liên quan đến kinh doanh, kinh tế. Tình trạng chung hiện nay



**Nghiên cứu lý luận gắn với tổng kết thực tiễn, luận giải, phản biện, làm rõ vấn đề thực tiễn xây dựng, phát triển đất nước đang đặt ra**

cho thấy, đội ngũ cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về lý luận của Việt Nam thiếu cả về số lượng và chất lượng, nhất là sự thiếu hụt đội ngũ cán bộ đầu đàn, chuyên gia trình độ cao. Cùng với sự thiếu hụt về số lượng, tư tưởng của cán bộ lý luận cũng có vấn đề. Một bộ phận cán bộ nghiên cứu giảng dạy lý luận chính trị nhưng không tin tưởng vào chủ nghĩa Mác - Lê-nin, còn nghi ngờ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đào tạo ban đầu ở trình độ đại học về các môn chính trị cũng có vấn đề, do các chuyên ngành lý luận chính trị không còn sức hấp dẫn đối với thanh niên. Chương trình giảng dạy về chủ nghĩa Mác - Lê-nin ở các trường đại học, cao đẳng đã bị thu hẹp lại. Việc tuyển sinh đi đào tạo ở nước ngoài về lĩnh vực lý luận chính trị chưa chặt chẽ, chưa thống nhất trong cả hệ thống, phụ thuộc nhiều vào học bổng của nước ngoài. Việc tuyển dụng sinh viên các chuyên

ngành lý luận chính trị ra trường vào các cơ quan nghiên cứu, giảng dạy cũng còn nhiều vướng mắc, hạn chế.

Việc sử dụng và dãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận cũng gặp những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện. Việc sử dụng cán bộ nghiên cứu lý luận khi đã hết tuổi lao động theo luật lao động không rõ ràng, không thống nhất về điều kiện, chế độ. Các điều kiện làm việc của cán bộ lý luận còn nhiều hạn chế, nhất là cơ sở hạ tầng thông tin khoa học, chế độ nhuận bút...

#### **Vấn đề cơ chế, chính sách và các điều kiện đảm bảo cho công tác lý luận của Đảng mang lại hiệu quả mong đợi**

Nghiên cứu lý luận là một khoa học đặc thù. Đặc biệt, hoạt động nghiên cứu khoa học về lý luận lại diễn ra trong điều kiện các tiến trình xã hội liên tục vận động, vì thế, việc đưa ra đánh

giá về tính chất của thực tiễn xã hội là vô cùng khó khăn. Khi nói về tính chất, đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong bức thư gửi cho K.Smith, Ph.Ăngghen đã cho rằng, “đó là vấn đề khó khăn nhất trong tất cả các vấn đề, vì *các điều kiện biến đổi không ngừng*”. Mặt khác, việc minh chứng cho sự đúng đắn của các kết quả nghiên cứu lý luận phần lớn phải đòi hỏi có thời gian, thậm chí thời gian khá lâu. Vì thế, hoạt động nghiên cứu lý luận cũng đòi hỏi phải được ứng xử khoa học, phù hợp với tính chất của nó. Nói cách khác, môi trường chính trị - xã hội là nhân tố đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển lý luận. Tuy nhiên, nhận thức về lý luận của nhiều cán bộ, cấp ủy chưa ngang tầm với yêu cầu. Thiếu các cơ chế đánh giá thực sự khoa học, khách quan, các quy định pháp lý bảo đảm về mặt khoa học cho các kết quả nghiên cứu, cũng như

bảo vệ những người nghiên cứu lý luận. Một số kết quả nghiên cứu khoa học, ý kiến phản biện còn bị đánh giá quá khắt khe, nhiều khi có những quy kết có tính chính trị bất lợi cho các tác giả. Đặc biệt là chưa có cơ chế để kịp thời đánh giá, kết luận và đưa các kết quả nghiên cứu lý luận vào đường lối, chính sách. Ngay trong Báo cáo Chính trị của Đại hội XII cũng đã chỉ ra một số hạn chế về công tác xây dựng Đảng, những yếu tố cơ bản quy định công tác nghiên cứu lý luận: “Chậm đổi mới tư duy về công tác xây dựng Đảng... Nhận thức chưa đầy đủ và sâu sắc, có mặt chưa rõ, chưa thống nhất một số vấn đề quan trọng ở tầm quan điểm, chủ trương. Chưa thật sự phát huy dân chủ trong Đảng...”<sup>(3)</sup>.

**2** Từ thực tế và các vấn đề đặt ra trên đây, có thể nêu lên một số giải pháp cơ bản nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lý luận, đáp ứng yêu cầu phục vụ cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn mới.

Một là, đổi mới nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ chiến lược về công tác lý luận.

Việc đổi mới nhận thức về công tác lý luận đặt ra trước hết đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là đội ngũ cán bộ chiến lược, những người đứng đầu các cơ quan đảng, nhà nước trong việc hiểu đúng vai trò, vị trí, tầm quan trọng và tính chất của công tác lý luận trong xây dựng, phát triển đất nước. Đây là điều kiện quyết định không chỉ để có một môi trường tích cực cho

**“ Hoạt động nghiên cứu lý luận đòi hỏi phải được ứng xử khoa học, phù hợp với tính chất của nó. Nói cách khác, môi trường chính trị - xã hội là nhân tố đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển lý luận”.**

việc phát triển lý luận, mà quan trọng hơn là nhằm hai mục đích lớn hơn. Thứ nhất, từ nhận thức đúng đắn về lý luận, đội ngũ cán bộ chiến lược của Đảng sẽ ý thức đầy đủ hơn trong việc học tập, nghiên cứu, nâng cao sự hiểu biết có hệ thống về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng những thành tựu lý luận Mác xít hiện đại. Đến lượt nó, đó chính là cơ sở để củng cố niềm tin, lý tưởng và ý thức chính trị cho cán bộ. Thứ hai, giúp đội ngũ cán bộ chiến lược quan tâm đúng mức đến công tác tổ chức nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tế, tiếp nhận và vận dụng những thành tựu lý luận mới vào thực tiễn công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước.

Hai là, đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn.

Về nội dung, kết hợp tốt 5 phương hướng nghiên cứu: 1)

Tiếp tục đào sâu nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, khẳng định được những giá trị đúng đắn, những vấn đề phương pháp luận cốt lõi, những vấn đề lịch sử đã vượt qua. 2) Mở rộng việc nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc những thành tựu lý luận của nhân loại, những bài học thành công, thất bại của phong trào công nhân, công sản, của chủ nghĩa xã hội hiện thực và những thành tựu lý luận khác của nhân loại, theo phương châm tận dụng tốt nhất những giá trị tích cực của nhân loại phục vụ cho lợi ích dân tộc, cho mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội. 3) Tiếp tục nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, làm rõ hơn và truyền bá sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân những giá trị sáng tạo to lớn của Người về vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam. 4) Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu gắn với tổng kết thực tế, đặc biệt là các mô hình hay, những kinh nghiệm tốt trong việc giải quyết các mối quan hệ lớn, cập nhật và làm rõ những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn, phát hiện và phản biện kịp thời những chính sách không còn phù hợp. 5) Nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tế, tiếp tục làm sáng tỏ hơn mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, luận giải và làm rõ những vấn đề thực tiễn xây dựng, phát triển đất nước đang đặt ra, xây dựng cơ sở khoa học và thực tế phục vụ tốt cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Để thực hiện tốt 5 phương hướng trên, cần thực sự đổi mới tư duy lý luận, đổi mới phương pháp nghiên cứu, tổng kết thực tiễn,

vận dụng những phương pháp, cách tiếp cận hiện đại. Đặc biệt, “các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở” phải “đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc” theo yêu cầu mà Đại hội XII của Đảng đề ra là “khoa học, tập thể, dân chủ, gần dân, trọng dân, vì dân, bám sát thực tiễn, nói đi đôi với làm”<sup>(4)</sup>. Những phương pháp, phong cách đó là cần thiết đổi với hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng nói chung, đồng thời cũng là điều kiện cần thiết cho việc đổi mới nội dung, phương pháp nghiên cứu, phát triển lý luận nói riêng.

Ba là, đổi mới tổ chức hệ thống các cơ quan nghiên cứu và xây dựng, sử dụng đội ngũ cán bộ, chuyên gia lý luận.

Báo cáo Chính trị tại Đại hội XII của Đảng đã chỉ rõ yêu cầu: “Đổi mới mô hình tổ chức, phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan nghiên cứu lý luận của Đảng; đầu tư thích đáng cho việc xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ lý luận, nhất là những chuyên gia đầu ngành”<sup>(5)</sup>. Trên thực tế, mô hình tổ chức các cơ quan nghiên cứu lý luận của Đảng đã được hình thành trong quá trình đổi mới, đến nay chưa có thay đổi, cơ chế vận hành của hệ thống có nhưng chuyển biến nhất định nhưng nhiều vấn đề chưa rõ ràng, nhất là cơ chế vận hành, sự phân định trách nhiệm, các điều kiện cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, quan hệ giữa các cơ quan nghiên cứu trong cả nước. Hoạt động nghiên cứu, phát triển lý luận còn tách rời với hoạt động tham mưu về chính sách. Vì thế, việc đổi mới mô hình tổ chức, cơ chế vận hành

**“Thực sự đổi mới tư duy lý luận, đổi mới phương pháp nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, vận dụng những phương pháp, cách tiếp cận hiện đại. Đặc biệt, “các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở” phải “đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc” theo yêu cầu mà Đại hội XII của Đảng đề ra là “khoa học, tập thể, dân chủ, gần dân, trọng dân, vì dân, bám sát thực tiễn, nói đi đôi với làm”.**

của các cơ quan nghiên cứu, phát triển lý luận theo tinh thần Đại hội XII của Đảng là cấp bách.

Việc xây dựng, sử dụng đội ngũ cán bộ, chuyên gia lý luận, từ công tác đào tạo ban đầu, đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia, đến chế độ sử dụng, đãi ngộ với cán bộ nghiên cứu lý luận nhất là cán bộ khoa học đầu ngành cần được đổi mới đồng bộ. Cần có chính sách thu hút nhân tài vào các ngành đào tạo, nghiên cứu lý luận chính trị thông qua chính sách đãi ngộ thích đáng và nhiều biện pháp ưu đãi khác. Đổi với các chuyên gia đầu ngành, cần có chính sách sử dụng thống nhất, chế độ đãi ngộ thích hợp, khuyến khích đổi với các thành tựu nghiên cứu.

Cần có chính sách sử dụng, khai thác hợp lý đối với những cán bộ, chuyên gia lý luận đã quá tuổi lao động nhưng còn có sức khỏe và năng lực làm việc tốt.

Bốn là, đổi mới về cơ chế, chính sách, chế độ trong công tác lý luận.

Cần thiết phải đổi mới chính sách đầu tư, phân bổ nguồn lực tài chính, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và điều kiện làm việc cho công tác nghiên cứu lý luận. Về quản lý tài chính đổi với hoạt động nghiên cứu lý luận cần chuyển sang chế độ đặt hàng, quyết toán đầu tư theo kết quả nghiên cứu, kiên quyết cắt bỏ những khâu thủ tục hành chính, giấy tờ phức tạp và không có ý nghĩa thực tế. Các kết quả nghiên cứu phải có địa chỉ sử dụng hoặc gắn liền với yêu cầu hoạch định chính sách. Cần có sự chỉ đạo, đánh giá chung, thống nhất trong cả hệ thống để tránh sự chồng chéo, trùng lặp đề tài, gây lãng phí nguồn lực đầu tư.

Bên cạnh đó, để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu lý luận cần có chính sách, chế độ đầu tư, đảm bảo các điều kiện hạ tầng kỹ thuật như thông tin, tư liệu, thư viện, không gian làm việc cho các cơ quan lý luận, các nhà khoa học, nhất là các chuyên gia đầu ngành. □

(1) (2) (3) (4) (5) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, H, tr.75, 67, 98, 51,201.

(\*) Bài viết trích đăng từ phát biểu đề dẫn Thảo luận chuyên sâu “Công tác lý luận: Thực trạng, vấn đề và giải pháp” do Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức (12-2017).

# NGHỊ QUYẾT 27 VỀ TRÍ THỨC - ĐÚNG VÀ TRÚNG NHƯNG GIAN NAN THỰC HIỆN

□ BÙI THANH



Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng gặp mặt đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ trước thềm năm mới 2018

Trong những ngày này, các địa phương, bộ, ngành, đơn vị đang khẩn trương thực hiện Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 6-8-2008 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X về “Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

Mới đây, Ban Tuyên giáo Trung ương đã tổ chức cuộc Tọa đàm đánh giá những vấn đề đặt ra trong việc triển khai Nghị quyết 27. Nhiều ý kiến nhận định, đây là một nghị quyết hay và trúng về

trí thức, nhưng trong quá trình thực hiện, nhận thức còn chưa thông, hành động còn chưa quyết liệt, con đường thể chế hóa thành cơ chế, chính sách còn nhiều khoảng trống phải trả nợ.

## KHÔNG CHỈ LÀ 10 NĂM

Với Nghị quyết 27, không đơn thuần chỉ là câu chuyện “đến hẹn lại lên” về tổng kết, nhiều chuyên gia cho rằng, không chỉ là tổng kết 10 năm, đây là thời điểm đánh dấu bước chuyển quan



Tập thể các nhà khoa học nữ của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam nhận giải thưởng Kovalevskaia năm 2016

trọng sang một giai đoạn mới, rất cần có sự nhín lại, điều chỉnh và thực hiện quyết liệt công tác trí thức trong bối cảnh ngày nay.

10 năm trước đây, nhiều khái niệm còn vô cùng xa lạ. Chúng ta mới chỉ nói đến kinh tế tri thức, cách mạng khoa học và công nghệ. Giờ đây, những khái niệm cách mạng công nghiệp 4.0, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp thông minh, thành phố thông minh, kết nối thông minh, internet kết nối vạn vật, nền kinh tế số... trở nên phổ biến, chi phối mạnh mẽ tới từng quốc gia, dân tộc trên thế giới. Tri thức của con người vốn đã được khẳng định là quan trọng lại càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Thậm chí, người ta còn nói đến chiến tranh trí tuệ. Sự cạnh tranh quốc gia phụ

thuộc hàm lượng chất xám mà quốc gia đó sở hữu và sử dụng có hiệu quả hay không. Trong chiến lược phát triển của các quốc gia, xây dựng và phát huy trí tuệ của đội ngũ trí thức là chiến lược mang tính thời đại.

Sau hơn 30 năm đổi mới, nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực, trong đó có vai trò then chốt của đội ngũ trí thức, nguồn lực con người luôn ở vị trí trung tâm. Xây dựng và bảo vệ đất nước trong giai đoạn hiện nay, trước những thời cơ to lớn và thách thức ngày càng gay gắt của thời đại, động lực tăng trưởng mới được xác định là đến từ những kiến tạo và phát kiến. Nhiều nhiệm vụ đang đặt lên vai trí thức, đòi hỏi phải phát huy mạnh mẽ lực lượng này để đây

thực sự là “nguồn lực đặc biệt”, là “động lực cho phát triển”.

Vậy thái độ tiếp cận với giai đoạn mới - thời kỳ chuyển đổi này như thế nào? GS. TS. Phùng Hữu Phú, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương nhấn mạnh: Việc đánh giá lại đội ngũ trí thức đến nơi, đến chốn, thẳng thắn, khoa học, nghiêm túc, mạnh mẽ là cần thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay. Tổng kết sớm, có thể kịp thời phục vụ Hội nghị Trung ương 7 khóa XII tới đây bàn về xây dựng đội ngũ cán bộ chiến lược.

## MỘT NGHỊ QUYẾT HAY VỀ TRÍ THỨC

Vấn đề trí thức luôn luôn được Đảng, Nhà nước ta quan tâm trong suốt quá trình cách mạng, bảo vệ và xây dựng đất

nước. Trong hơn 30 năm đổi mới cũng đã ban hành một số chủ trương, chính sách liên quan đến trí thức, tạo điều kiện để trí thức phát triển và hoạt động sáng tạo. Nhưng với Nghị quyết 27, lần đầu tiên Đảng có một Nghị quyết chuyên đề riêng bàn tổng thể về xây dựng và phát huy đội ngũ trí thức, giải quyết một cách căn bản hơn những vấn đề liên quan đến trí thức, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ phát triển mới.

Trong đợt kiểm tra thực hiện Nghị quyết 27 sau 3 năm ban hành, tức là cách đây 7 năm, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: “Cùng với các nghị quyết khác thì Nghị quyết 27 của Đảng về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước có vai trò rất quan trọng, thể hiện sự quan tâm, tin cậy, đánh giá cao của Đảng đối với đội ngũ trí thức trong điều kiện hội nhập quốc tế và phát triển mạnh khoa học, công nghệ...”.

GS. TSKH. Phạm Thị Chân Trâu - Chủ tịch Hội nữ trí thức Việt Nam bày tỏ: “Tôi đọc lại Nghị quyết 27 thấy sao mà hay thế, đầy đủ thế, nói đâu trúng đấy. Những quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết đến nay còn nguyên giá trị. Chúng ta thực hiện nghiêm túc được Nghị quyết 27 thì vô cùng quý báu rồi”.

GS. TS. Phùng Hữu Phú, người tham gia xây dựng Nghị quyết đồng tình là cho đến nay, sau 10 năm, những quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp mà Nghị quyết nêu còn nguyên giá trị, viết đến thế là “hết tầm đại bác”, không còn câu chữ nào hay hơn, đúng và trúng hơn. Nghị quyết khẳng định, đội

ngũ trí thức là “lực lượng nòng cốt sáng tạo và truyền bá tri thức”, trở thành “nguồn lực đặc biệt quan trọng” tạo nên sức mạnh của mỗi quốc gia trong chiến lược phát triển. Nghị quyết cũng tôn vinh và xác định rõ: “Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị. Đầu tư cho trí thức là đầu tư cho phát triển bền vững”.

### ... NHUNG GIAN NAN THUC HIEN

Nghị quyết 27 đặt ra mục tiêu: “Đến năm 2020, xây dựng đội ngũ trí thức lớn mạnh, đạt chất lượng cao, số lượng và cơ cấu

hợp lý”. Nhưng dường như, sẽ còn gian nan để thực hiện được mục tiêu này, bởi còn quá nhiều vấn đề đặt ra.

Sau 10 năm, câu chuyện chiến lược tổng thể về phát huy vai trò của đội ngũ trí thức vẫn còn để ngỏ. Nhiều chủ trương, chính sách về trí thức chậm đi vào cuộc sống, thiếu hiệu quả, có nơi thực hiện không nghiêm túc, có nơi tích cực hiện thực hóa nhưng lại vướng cơ chế, pháp luật hiện hành và cũng chưa thể tháo gỡ. GS. TS. Phùng Hữu Phú thẳng thắn nhận định: Nghị quyết rất sáng tỏ, nhưng cho đến giờ, nhận thức vẫn chưa thông, chưa chuyển hóa được thành hành động, thể chế hóa thành văn bản có tính đột phá cao.





**“Đội ngũ trí thức là “lực lượng nòng cốt sáng tạo và truyền bá tri thức”, trở thành “nguồn lực đặc biệt quan trọng” tạo nên sức mạnh của mỗi quốc gia trong chiến lược phát triển”.**

Theo đánh giá, số lượng trí thức ngày càng đông, trình độ được nâng lên, nhưng chất lượng lại không được bao nhiêu, chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển của đất nước. Vẫn thiếu các chuyên gia đầu ngành tầm cỡ quốc tế, thiếu các nhóm nghiên cứu mạnh, tập thể nghiên cứu mạnh và thiếu trầm trọng những chuyên gia làm được tổ chức khoa học, đóng vai trò là “tổng công trình sư” liên kết các ngành.

Cơ chế, chính sách với đội ngũ trí thức đến nay chưa có

gì đặc biệt, đột phá, còn có sự vênh giữa chủ trương - chính sách. Các giải pháp còn thiếu hệ thống, thiếu đồng bộ, cơ chế phát hiện, tuyển cử, tuyển chọn, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài còn nhiều lúng túng. Và ai cũng hiểu, khi chính sách đãi ngộ, sử dụng trí thức còn chưa thỏa đáng, thì chưa thể thật sự tạo được động lực phát huy năng lực chuyên môn, mong muốn được cống hiến của trí thức. Câu chuyện lãng phí, chảy máu chất xám không chỉ là người Việt Nam giỏi đi ra nước ngoài làm

việc, mà ngay cả tại môi trường trong nước cũng có sự lãng phí trong sử dụng nhân lực. Việc thu hút, sử dụng nguồn lực trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài dù đã có những chuyển biến tích cực song vẫn chưa khai thác hết tiềm năng.

Bị tác động bởi mặt trái của cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế, một bộ phận trí thức chưa tâm huyết, còn thiếu trách nhiệm với sự nghiệp phát triển của đất nước, tinh thần say mê nghề nghiệp, lòng tự trọng bị giảm sút, có biểu hiện suy thoái về đạo đức và tư tưởng chính trị, có biểu hiện tiêu cực, tham nhũng trong khoa học... Những biểu hiện tiêu cực đó dẫn đến nguy cơ tụt hậu trong trí thức, mà khi trí thức tụt hậu, thì cũng có thể trở thành vật cản trong quá trình phát triển, di lên của đất nước, kéo lùi những bước đi của thời đại.

### CẨN RỘ THÊM VỀ NỘI HÀM TRÍ THỨC

Trong thực tế, để thống kê được số lượng, thành phần trí thức thường gặp khó khăn và được hiểu theo cách là trí thức bao gồm những người có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên. Nhiều ý kiến cho rằng, nếu hiểu theo tiêu chí dựa vào học vấn thì không phản ánh đầy đủ nội hàm trí thức. Trong điều kiện ngày nay, trình độ học vấn tối thiểu ở mức nào thì được coi là trí thức, đó cũng là vấn đề đáng phải quan tâm. Có những người lao động trí óc, có đóng góp lớn cho xã hội nhưng trình độ dưới cao đẳng, đại học vậy có được tính là trí thức không?

Những người tham gia soạn thảo Nghị quyết cho hay, định

nghĩa như trong Nghị quyết 27 đã bao hàm cả những người đào tạo có bằng cấp và những người tự học, tự đào tạo: “*Trí thức là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu tri thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội*”.

Trong Nghị quyết, cũng đã cho thấy việc định vị “đội ngũ trí thức” là những người hoạt động và có thành tựu phủ trên nhiều lĩnh vực: làm chính sách, làm giáo dục, văn học, nghệ thuật, khoa

học và công nghệ... Nghị quyết có nêu đích danh “bộ phận trí thức tham gia công tác lãnh đạo, quản lý”, “đội ngũ trí thức trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh”, “trí thức trẻ” và “trí thức Việt Nam ở nước ngoài”. Một số từ dùng khác trong những đánh giá của Nghị quyết cũng cho thấy quan niệm về trí thức đã “chạm” đến tính khu biệt hơn như “trí thức tinh hoa và hiền tài”, “chuyên gia đầu ngành”...

Tuy khái niệm trí thức trong Nghị quyết có tính khái quát một số đặc điểm cơ bản, phổ quát nhưng vì chưa cụ thể hóa,

### GS.TS. PHÙNG HỮU PHÚ: Có cơ chế phù hợp để trọng dụng, tôn vinh trí thức

Tôi cho rằng, 4 nhân vật trung tâm, cấp chiến lược dẫn dắt cả một dân tộc, một đất nước phải bao gồm: 1) chính khách, 2) cán bộ điều hành, tham vấn tầm chiến lược (chuyên gia), 3) các tướng lĩnh tài ba, 4) các nhà quản trị tài năng. Lâu nay ta tập trung vào số 1 mà bỏ quên số 2,3,4. Cho nên, về nhận thức, trong quan niệm về đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, phải có trí thức đầu ngành.



Phải thay đổi hệ thống, căn bản, toàn diện cơ chế chính sách để người trí thức tập trung, say sưa vào chuyên môn thay vì đắm đapse lên nhau làm lãnh đạo. Tiêu chuẩn đềbat, trọng dụng, đai ngộ ảnh hưởng đến động cơ phấn đấu, nếu cơ chế khuyến khích làm quan mạnh hơn thì động lực để làm chuyên gia giảm đi. Nếu cơ chế, chính sách dành cho một nhà khoa học đầu ngành ngang với một ông bộ trưởng thì lúc đó người ta sẽ phấn đấu làm chuyên môn, bởi làm khoa học tự do hơn, say mê hơn mà đai ngộ tương xứng thì trí thức đầu ngành sẽ phấn đấu để lao động và cống hiến. Vậy phải nhận thức cho đúng, phải nuôi dưỡng, phát triển, có cơ chế chính sách trọng dụng, đai ngộ và tôn vinh xứng đáng. Như vậy, tự khắc những biểu hiện tiêu cực sẽ bớt đi, bớt đấu đá, bớt lèm nhèm đi.



Các chuyên gia kiều bào hỗ trợ Thành phố Hồ Chí Minh triển khai một số dự án như Dự án Giáo dục, Dự án Thành phố thông minh - Dữ liệu mở, Dự án Cơ chế thúc đẩy đầu tư...

xác định rõ các tiêu chí đối với trí thức trong các lĩnh vực khác nhau, thời kỳ khác nhau nên nhiều ý kiến cho rằng, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết, có lúc, có nơi còn có sự lẩn lộn giữa trí thức nói chung với “nhân lực khoa học công nghệ”, “nhân lực chất lượng cao”, trí thức tinh hoa, trí thức nòng cốt chưa được khu biệt để có chính sách trọng tâm. Sự không phân định rõ trong nhận thức, dẫn đến sự lúng túng, cào bằng trong cơ chế, chính sách. Vì thế, mà cũng ít tạo ra được đột phá.

PGS. TS. Lê Phước Minh - Phó Chủ tịch Hội trí thức và khoa học trẻ Việt Nam cho rằng, phải có định nghĩa tốt hơn về hình mẫu người trí thức. Trí thức không thể chỉ xét vào bằng cấp, học hàm, học vị. Và cũng nên có khái niệm “trí thức nòng cốt” (trí thức tinh hoa) để phân định với trí thức phổ rộng. Có như vậy mới xác định được cơ chế, chính

sách đặc thù để thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và大专 trí thức cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

#### **SỬA NHẬN THỨC THÌ MỚI SỬA ĐƯỢC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH**

Trong bối cảnh ngày nay, xây dựng đội ngũ trí thức là trách nhiệm chung của xã hội, của hệ thống chính trị, trong đó trách nhiệm của Đảng, Nhà nước giữ vai trò quyết định, đúng như Nghị quyết đã nêu. Đồng thời, trí thức có vinh dự và bốn phận trước Tổ quốc và dân tộc, không ngừng phấn đấu, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn, đóng góp nhiều nhất cho sự phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Muốn vậy, phải thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghề

**Bổ sung  
những nội  
dung không  
còn phù hợp, nhất là  
về cơ chế, chính sách,  
tạo tiềm lực vật chất và  
tinh thần để phát huy  
mạnh hơn nữa tiềm  
năng, trí tuệ của đội  
ngũ trí thức, thu hút và  
tập hợp được trí thức  
trong và ngoài nước”.**

nghiệp của trí thức. Trọng dụng trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến; có chính sách đặc biệt đối với nhân tài của đất nước.

Nghị quyết cũng đã nêu rõ quan điểm, để cụ thể hóa những nội dung của Nghị quyết phải bổ sung những nội dung

**Đồng chí ĐẶNG THỊ THU HÀ** (Vụ Quan hệ kinh tế, khoa học và công nghệ - Ủy ban Nhà nước về Người Việt Nam ở nước ngoài, Bộ Ngoại giao):

## Kết nối để thu hút trí thức Việt kiều

Hiện nay, có khoảng hơn 400.000 chuyên gia, trí thức trong số khoảng 4,5 triệu người Việt Nam ở nước ngoài. Họ tập trung ở các nước phát triển, có cơ hội nắm bắt thông tin, kinh nghiệm mới nhất của các nước tiên tiến. Đây là nguồn lực quan trọng, là cơ hội cho đất nước.

Sau khi Nghị quyết 27 được ban hành, để thể chế hoá và đưa Nghị quyết vào cuộc sống, Bộ Ngoại giao đã kiến nghị và Chính phủ đã ban hành Nghị định 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014. Thực hiện Nghị định, hằng năm Bộ có tổng kết và đánh giá trên cơ sở báo cáo về việc sử dụng chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài của các bộ, ngành, địa phương.

Chúng tôi nhận thấy, những năm gần đây, đóng góp của trí thức Việt Nam ở nước ngoài ngày càng trực tiếp hơn. Từ thế hệ 2 - 3 đã xuất hiện các nhóm kết nối mạnh như Chương trình Sáng kiến Việt Nam là một trung tâm toàn cầu về chính sách phát triển cho Việt Nam đặt tại Đại học Indiana với mạng lưới gồm các giáo sư, chuyên gia người Việt và người nước ngoài đến từ hơn 40 trường đại học, các trung tâm, viện nghiên cứu quốc tế tại Mỹ và trên toàn thế giới, các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế và các viện nghiên cứu hàng đầu ở Việt Nam. Hội các nhà khoa học và chuyên gia Việt Nam toàn cầu (AVES



Global), bắt đầu từ nhóm các nhà khoa học và chuyên gia Việt Nam ở Pháp này đã mở rộng kết nối ở phạm vi toàn cầu, hiện đang tham gia tư vấn cho các dự án về đặc khu ở Vân Đồn, Phú Quốc, đóng vai trò cầu nối giữa trong và ngoài nước tới các đối tượng hàng A nước ngoài. Mới đây, AVSE Global đã phối hợp với Bộ Kế hoạch - Đầu tư tổ chức diễn đàn về phát triển bền vững, thu hút nhiều chuyên gia nổi tiếng thế giới tham dự. Hiện nay, trong Tổ tư vấn của Chính phủ có 4 người là người Việt Nam ở nước ngoài.

Tuy nhiên, việc phát huy nguồn lực tri thức của người Việt Nam vẫn chưa xứng với tiềm năng. Trí thức người Việt Nam ở nước ngoài cần có môi trường làm việc tốt và cần được tôn trọng. Họ không đặt nặng việc đai ngộ, tuy vậy, chính sách đai ngộ cũng cần ở mức phù hợp để thể hiện sự trân trọng. Nghị định 87 có quy định về việc thỏa thuận nhưng điều này chỉ phù hợp với doanh nghiệp có khả năng tự chủ, còn với những cơ quan nhà nước sẽ khó vận dụng.

Thêm vào đó, cần có sự phối hợp thông tin giữa trí thức ngoài nước với trong nước để đáp ứng nơi đang cần... Bộ Ngoại giao đang xây dựng trang thông tin điện tử kết nối chuyên gia trí thức toàn cầu, hy vọng sẽ giải quyết được bài toán cung - cầu này.

không còn phù hợp, nhất là về cơ chế, chính sách, tạo tiềm lực vật chất và tinh thần để phát huy mạnh hơn nữa tiềm năng, trí tuệ của đội ngũ trí thức, thu hút và tập hợp được trí thức trong và ngoài nước, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi thông qua đai ngộ thỏa đáng để

trí thức cống hiến cho đất nước. Trong tổ chức thực hiện, Nghị quyết 27 cũng có mở ra một chiếc "then cài" quan trọng: "Rà soát hệ thống luật pháp và các văn bản liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đai ngộ và tôn vinh trí thức để sửa đổi, bổ sung, ban hành mới phù hợp

với Nghị quyết". Song, dường như, đó lại là một câu chuyện khác, rất gian nan mới thành hiện thực. Khi tư duy hành chính đài nặng cả về nhận thức và cơ chế thì trước tiên, việc sửa mạnh nhận thức mới có thể mở ra cánh cửa sửa mạnh được cơ chế, chính sách. □

# THU HÚT TÀI NĂNG TRẺ CẨN CÓ CƠ CHẾ ĐẶC THÙ

□ THU THANH (thực hiện)



Chính phủ vừa ban hành Nghị định 140-2017/NĐ-CP về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ làm việc tại cơ quan nhà nước. Nghị định có hiệu lực ngày 20-1-2018. Phóng viên Tạp chí Tuyên giáo đã có cuộc trò chuyện với đồng chí VŨ ĐĂNG MINH - Vụ trưởng Vụ Công tác thanh niên (Bộ Nội vụ) xung quanh Nghị định được người trẻ rất quan tâm này.

## NÂNG CAO NĂNG LỰC, TRÌNH ĐỘ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

\* *Thưa đồng chí, đây có phải là lần đầu tiên Chính phủ ban hành một văn bản quy phạm pháp luật quy định một chính sách quốc gia về trọng dụng, dãi ngộ người có tài năng, đặc biệt là người trẻ?*

- Đúng vậy, đây là lần đầu tiên có một văn bản quy phạm pháp luật quy định một chính sách quốc gia về trọng dụng, dãi ngộ người có tài năng. Trước đây, Điều 6 Luật Cán bộ công chức có quy định Nhà nước có chính sách để phát hiện, thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và dãi ngộ xứng đáng đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ, như vậy

chính sách này chỉ ở phạm vi hẹp và dành cho đối tượng là công chức, còn những người trong đơn vị sự nghiệp chưa được đề cập. Song nội dung này của Luật chưa được cụ thể hóa để triển khai thực hiện.

Nghị định 140 là văn bản thể chế hóa Kết luận 86-KL/TW ngày 24-1-2014 của Bộ Chính trị, một văn bản có rất nhiều điểm đột phá về chủ trương của Đảng, quyết tâm của Bộ Chính trị và tinh huyết của những nhà lãnh đạo cao nhất của đất nước mình muốn có những phát kiến mới để xây dựng một đội ngũ trí thức, bồi dưỡng nhân tài trở thành lực lượng lao động có chất lượng cao, chuyên gia giỏi, chuyên gia đầu ngành trong tất cả các lĩnh vực.

Khi đề xuất thực hiện Đề án thí điểm triển khai Kết luận 86, dư luận rất phấn khởi. Nhiều bạn trẻ trong nước, ngoài nước viết email cho tôi bày tỏ rất mong muốn đây là cơ hội tốt để trở về cống hiến cho đất nước. Các địa phương đón nhận rất hào hứng, nhất là những cơ quan của Đảng, Nhà nước. Một số địa phương như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội,... đã mạnh dạn triển khai theo tinh thần của Kết luận 86. Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản triển khai với nhiều cơ chế, chính sách đột phá mạnh, có động lực thu hút mạnh hơn so với Kết luận 86 do Thành phố có tiềm lực để làm. Nhưng khi đưa ra triển khai, Sở Nội vụ nói chưa có



nghị định, chưa thực hiện được.  
Rất đáng tiếc!

\* **Các chính sách trong Nghị định 140 có đủ mạnh, đủ đột phá để thu hút tài năng trẻ không, thưa đồng chí?**

- Nghị định quy định khá chi tiết từ khâu phát hiện, tạo nguồn tới ưu đãi tuyển dụng, tạo điều kiện nâng cao nghiệp vụ, nhất là chế độ tiền lương. Chúng tôi cho rằng những chính sách này cơ bản là đủ mạnh. Vì ngoài lương, người được tuyển dụng còn được hưởng phụ cấp tăng thêm bằng 100% mức lương hiện hưởng. Theo đó:

Sinh viên tốt nghiệp đại học khi được tuyển dụng hưởng mức lương và phụ cấp tăng thêm với hệ số là  $2,34 \times 2 = 4,68$ , cao hơn

cả lương bậc 1 chuyên viên chính (hệ số 4,4).

Cán bộ khoa học trẻ có trình độ thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp I, bác sĩ nội trú, được sĩ chuyên khoa cấp I hưởng mức lương và phụ cấp cao hơn lương bậc 2 chuyên viên chính. Cán bộ khoa học trẻ có trình độ tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp II, được sĩ chuyên khoa cấp II cũng hưởng mức lương và phụ cấp tăng thêm gần tương đương lương bậc 1 chuyên viên cao cấp. Trong khi đó, để thành một chuyên viên cao cấp, nếu tuân tự theo quy trình như hiện tại sẽ bình quân mất khoảng 20 năm công tác.

Đối tượng thu hút sau 3 năm công tác sẽ được đặc cách cử đi

dự thi nâng ngạch chuyên viên chính và tương đương; đồng thời đủ điểm đạt kết quả là được bổ nhiệm vào ngạch (không phải cạnh tranh). Trong khi, nếu bình thường, muốn thi chuyên viên chính thì phải có thời gian công tác ở ngạch chuyên viên và tương đương tối thiểu là 9 năm.

Ngoài ra, chính sách còn dành một số chế độ về đào tạo khác, hay trong quy hoạch sẽ có định hướng để đặc cách đưa vào bổ nhiệm sớm, để những người có tài năng dù tuổi còn trẻ nhưng đã có thể giữ vị trí quan trọng.

\* **Theo Nghị định, sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ không phải thi tuyển mà chỉ xét tuyển. Vậy, liệu quy trình xét chọn có đủ chặt chẽ để tránh tình**

**“...Vẫn còn  
những hạn  
hẹp chưa  
vượt thoát ra khỏi cái  
tôi cá nhân để nhìn  
bằng cái tầm chiến  
lược, nhìn bằng cái  
tâm dành cho hưng  
thịnh của quốc gia,  
dân tộc... Nhất là với  
những người làm chính  
sách, nếu suy nghĩ hạn  
hẹp thì dù quan điểm  
có tiến bộ, chính sách  
cũng sẽ lại bị bó buộc”.**

*trạng đưa con cháu, người nhà  
không đủ năng lực vào bộ máy?*

- Theo Nghị định, sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ không phải thi tuyển mà chỉ xét tuyển. Nội dung xét tuyển gồm kết quả học tập và nghiên cứu (nếu có); phỏng vấn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Nghị định 140 đặt ra yêu cầu rất cao với người được thu hút, tạo nguồn cán bộ theo chính sách này. Sinh viên tốt nghiệp đại học xuất sắc không thôi chưa đủ, mà phải tính cả quá trình học tập tốt ở bậc THPT, đạt một trong các giải từ giải Ba trở lên trong kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, hoặc quốc gia, hoặc trong cuộc thi Olympic, hoặc thi khoa học - kỹ thuật quốc gia, hoặc quốc tế ở các môn: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Ngoại ngữ. Đồng thời phải ở trong độ tuổi nhất định, cụ thể: Đối với sinh viên, người có



trình độ thạc sĩ phải trong độ tuổi thanh niên (không quá 30 tuổi), riêng tiến sĩ không quá 35 tuổi.

Sau khi được tuyển dụng, công chức, viên chức diện thu hút phải tập sự ít nhất 3 tháng và không quá 12 tháng. Nếu người thuộc diện thu hút có hai năm liên tiếp hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực, hoặc có một hoặc hai năm không hoàn thành nhiệm vụ thì bị bố trí công tác khác và thôi hưởng phụ cấp tăng thêm. Nếu hai năm liên

tiếp không hoàn thành nhiệm vụ, họ bị cho thôi việc, hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc.

Chính phủ giao cho các cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm phát hiện, lập danh sách sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hai bộ là Bộ Giáo dục - Đào tạo và Bộ Ngoại giao (với sinh viên, cán bộ trẻ học ở nước ngoài) có trách nhiệm tổng hợp danh sách gửi về Bộ Nội vụ để đưa vào diện thu hút. Ngoài ra, Bộ Nội vụ



phải xây dựng cơ sở dữ liệu sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ và giới thiệu đến cơ quan nhà nước để tuyển dụng.

### **GIAN NAN CON ĐƯỜNG THỂ CHẾ HÓA NGHỊ QUYẾT**

\* Từ chủ trương của Đảng, sau 4 năm mới được thể chế hóa thành văn bản pháp luật của Nhà nước chắc hẳn là một con đường rất gian nan. Mừng đầy nhưng điều gì vẫn khiến đồng chí nuối tiếc?

- Tinh thần dự thảo ban đầu có rất nhiều điểm đột phá nhưng vướng vào luật hiện hành nên phải “gọt” đi khá nhiều, chúng tôi nói vui là “gọt chân cho vừa giày”.

Thành thật mà nói, ra được Nghị định chúng tôi mừng vì cũng đóng gói được thành phẩm, nhưng cảm thấy vẫn còn nhiều điều tiếc nuối. So với ban đầu, phải “gọt” đi những ngón trọng yếu. Đó là bỏ quy định về nhà ở công vụ, bỏ quỹ đào tạo sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa

học trẻ, bỏ việc cấp học bổng cho phát hiện, nuôi dưỡng tài năng từ học sinh triển vọng ngay từ năm cuối cấp THPT, bỏ một số chính sách quy hoạch, bổ nhiệm đặc cách,...

Việc tuyển dụng không qua thi tuyển cũng phải bàn rất nhiều mới đi được đến quyết định cuối cùng. Có ý kiến cho rằng, nếu quyết định sẽ trái với Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, chỉ cho tuyển dụng không qua thi với người tình nguyện làm việc



Phó Chủ tịch Thường trực Quốc hội Tòng Thị Phóng tặng quà cho các cá nhân đoạt giải Quả cầu vàng và nữ sinh viên tiêu biểu lĩnh vực kỹ thuật 2017

Ảnh: Tuổi Trẻ

vùng sâu, vùng xa trong 5 năm như quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Cán bộ, công chức.

Chúng tôi phải kiên trì bảo vệ để chính sách về tuyển dụng không qua thi tuyển được chấp thuận. Cần phải hiểu, chính sách này không áp dụng đại trà mà là chúng ta đang mời người có triển vọng trở thành tài năng vào làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước... Chúng ta cần xác định rằng, đây là chính sách đặc thù áp dụng đối với đối tượng đặc thù. Nhiều khi chủ trương rất táo bạo, quyết liệt, đột phá, nhưng khi triển khai thì vẫn còn phải rón rén.

#### \* *Đâu là nguyên nhân thưa đồng chí?*

Đó là vấn đề của năng lực làm chính sách, đó cũng là vấn

đề về nhận thức. Câu chuyện ở đây vẫn là con người, mà cụ thể là những người đứng đầu các ngành, các địa phương, đơn vị có mạnh dạn và có tầm nhìn hay không. Vấn đề trí thức, nhân tài là “nguyên khí quốc gia”, là “động lực của phát triển”... ai cũng biết, nhưng không phải ai cũng hiểu đúng tính chất, mức độ. Cho nên sự ưu tiên, quan tâm cũng chưa đồng bộ, nhất quán. Nhiều khi, còn chưa cởi mở, chưa bao dung và đủ rộng rãi, vẫn còn tâm lý “hơn thì ghét, kém thì khinh, bằng mình thì kèn cựa”, vẫn còn suy nghĩ kiểu, chúng tôi cũng tài, cũng cống hiến nhiều mà chưa được đãi ngộ tốt như thế thì làm sao cái bọn vắt mũi chưa sạch ấy lại được trọng dụng cao thế... Vẫn còn những hạn hẹp chưa vượt

thoát ra khỏi cái tôi cá nhân để nhìn bằng cái tâm chiến lược, nhìn bằng cái tâm dành cho hưng thịnh của quốc gia, dân tộc... Nhất là với những người làm chính sách, nếu suy nghĩ hạn hẹp thì dù quan điểm có tiến bộ, chính sách cũng sẽ lại bị bó buộc.

Về nhận thức, chúng ta làm chính sách cho đối tượng đặc thù, là trí thức tinh hoa, là tài sản của quốc gia, dân tộc. Để có được vài trăm người trong số hàng triệu công chức, viên chức phải có cơ chế đặc biệt để lựa chọn, bồi dưỡng, đào tạo, thì họ mới trở thành những người phát kiến ra chủ trương, chính sách cho bộ máy. Đây là những người vừa có tố chất vừa có cả phẩm chất. Để đạt được những thành tích đó phải trải qua một quá trình tôi

luyện, thông minh, sáng tạo thôi chưa đủ, mà còn phải chăm chỉ, say mê, nghiêm túc với việc học tập và nghiên cứu... Những nhân tố đáng giá ngàn vàng như vậy, làm sao có thể đại trà, cao bằng cho được. Trong thể thao, một tích tắc thôi cũng là vời vợi rồi, có người cả đời không đến được, có khi gục xuống trước khi chạm vạch, nhưng cũng có người chạm vạch, cầm lấy cúp, giơ cao. Nội lực hơn người đó, phải được ứng xử theo cách riêng.

\* **Được biết Bộ Nội vụ cũng mở nhiều diễn đàn trao đổi với sinh viên. Tâm tư, băn khoăn của những người trẻ tài năng là gì, thưa đồng chí?**

- Họ băn khoăn hai điều. Thứ nhất là, họ không có nhiều thông tin, kiến thức và hiểu biết về bộ máy hành chính, cơ chế vận hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước. Thứ hai, họ lo lắng, sau khi được thu hút vào rồi thì họ được sử dụng thế nào để không bị thui chột đi.

\* **Lo lắng về môi trường làm việc là có cơ sở. Trong thực tế, cũng sẽ phát sinh những tình huống không được như mong muốn? Vậy làm thế nào để chính sách có tính bền vững?**

- Để chính sách có tính bền vững, các quy định cũng phải rõ ràng về việc giao việc đúng chuyên môn, hướng dẫn đến nơi đến chốn về quy trình, thủ tục... Tới đây, các cơ quan phải có kế hoạch, thuyết minh rõ ràng nhu cầu, mục đích tìm đúng người, đúng việc. Khi đã tuyển dụng được phải bố trí đúng như cam kết, phân công người hướng dẫn trong thời gian hướng dẫn. Trong Luật Cán bộ, công chức có phân công người hướng dẫn

tập sự, được hưởng 0,3 % lương, nhưng thực tế, có nơi, có chỗ người hướng dẫn tập sự làm chưa tròn trách nhiệm, chưa có phương pháp sư phạm để hướng dẫn cái gì trước, cái gì sau. Đối với những người có tài, thường có cá tính, rất tự trọng, không quy lụy, rất đứng mực trong quan hệ. Thế nên, người hướng dẫn cũng phải hiểu tâm thế đấy.

Ở một số nơi, việc thu hút nhân tài chưa thành công. Việc trải thảm đỏ, thu hút một thời gian, sau đó các em lại bỏ đi. Ở đây cũng có nguyên nhân do hai bên chưa gặp nhau, rào cản của nhà quản lý là học giỏi chắc gì đã làm giỏi, tuyển người tài nhưng lại giao việc thường thường, không phát huy được cái tài của người ta mà còn làm cùn mòn người ta. Hay “anh tài thì anh làm đi”, rồi ngồi đó soi xét, đánh giá không khách quan. Các cụ ta có câu: “ngày đầu chưa quen đường cày đâu thẳng ngay”, người được tuyển có thể có tố chất tốt, nhưng mới đầu chưa nắm được cơ chế vận hành của hệ thống chính trị, chưa nắm bắt được trình tự, thủ tục hành chính,...; có thể ban đầu họ chưa là nhân tài, nhưng với tố chất tốt, phải bồi dưỡng để họ trở thành những tài năng của bộ máy.

Chúng ta học Bác, học một điều rất dung dị thôi, đó là “Phải tin tưởng thanh niên, giao cho họ trọng trách lớn lao để họ thể hiện”. Chúng ta cũng cần thống nhất luận điểm rằng, đây không phải là chế độ ưu tiên, mà Nhà nước đang rất cần người tài thì nhất thiết phải có cơ chế thu hút, dãi ngộ, trọng dụng người tài năng một cách xứng đáng.

\* Xin cảm ơn đồng chí! □

**\* Theo đồng chí, để hiện thực hóa những chủ trương, quan điểm về thu hút, dãi ngộ, trọng dụng tài năng trẻ, điều gì là mấu chốt?**

- Theo tôi, có mấy điểm:

*Một là*, phải làm thật mạnh, thật tốt công tác truyền thông về chính sách này để nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền và tạo đồng thuận trong xã hội.

*Hai là*, từ nhận thức về vị trí, vai trò đặc biệt của trí thức, nhân tài đối với đất nước phải biến thành quyết tâm chính trị là phải làm bằng được. Nói là phải làm, để ra là phải thực hiện.

*Ba là*, các cơ quan làm chính sách, muốn có người tài, dùng được người tài phải mạnh dạn điều chỉnh các văn bản pháp luật có liên quan còn vướng mắc.

*Bốn là*, phải đầu tư tối hạn nguồn lực kể cả con người và vật chất để thực hiện bằng được. Phải thực hiện nhất quán nguyên tắc công khai, minh bạch và công bằng ở tất cả các khâu từ phát hiện, tuyển dụng, bố trí, sử dụng và thực hiện chính sách dãi ngộ và tôn vinh.

*Năm là*, đối với các bạn trí thức trẻ tài năng, muốn tham gia vào hệ thống chính trị thì cần tìm hiểu trước, đọc, nghiên cứu, tìm tòi để có thông tin về bộ máy, “thăm vấn” rồi mới “bán thuyền”, xem cơ chế như vậy, chính sách như vậy có phù hợp với trình độ, năng lực và sở trường của mình không để còn yên tâm làm “dâu hiền, rể thảo”.

# MÂY ĐEN SAO CHE NỒI MẶT TRỜI

□ NGUYỄN HỒNG HẢI

**Đầu năm 2018, thời điểm Việt Nam công khai ra mắt Bộ tư lệnh tác chiến không gian mạng trực thuộc Bộ Quốc phòng, nhiều báo điện tử ở nước ngoài cũng như trên một số blog và mạng xã hội đã xuất hiện những bài viết xuyên tạc bản chất, chức năng, nhiệm vụ của lực lượng này. Nhưng các bài viết bị đặt đó chỉ như những đám mây đen, không thể che khuất sự quang minh chính đại của lực lượng bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng.**

## "SÁCH TRẮNG" VỀ MỘT LỰC LƯỢNG QUANG MINH, CHÍNH ĐẠI

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã diễn ra và đang đưa khoa học công nghệ phát triển với tốc độ cấp số nhân. Một lĩnh vực phát triển mang tính đột phá trong cuộc cách mạng này là sự kết nối mạng với số lượng khổng lồ của các thiết bị công nghệ thông tin, tạo ra một không gian hoạt động hoàn toàn mới của con người. Đó là không gian số hay còn gọi là không gian mạng. Không gian mạng bao gồm một mạng lưới các thiết bị công nghệ thông tin (máy tính, máy in, máy chủ, máy tính bảng, điện thoại...) kết nối với nhau, mỗi thiết bị có một định danh. Trên không gian mạng tồn tại nhiều cộng đồng mạng chia sẻ những dịch vụ khác nhau. Hiện nay, các dịch vụ này đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với toàn bộ đời sống xã hội của mọi quốc gia trên thế giới.

Chính vì tầm quan trọng của không gian mạng đối với mỗi quốc gia nên đã và đang xuất hiện một nguy cơ an ninh phi truyền thống mới - nguy cơ mất an toàn trên không gian mạng. Các hoạt động bất hợp pháp như lừa đảo, trộm cắp, đe dọa, tấn công mạng xảy ra với tần suất ngày càng nhiều. Vào giữa năm 2010, một loại mã độc đã lây nhiễm vào hệ thống máy tính điều khiển và máy li tâm làm giàu uranium của cơ sở hạt nhân Iran, tuy không gây ra vụ nổ nào nhưng đã gây ra tổn thất to lớn đối với Iran mà các nhà khoa học ví là ngang với thiệt hại của một chiến dịch không kích lớn. Hay từ trước đó, năm 2005-2006, thế giới đã ghi nhận những cuộc tấn công mạng có chủ đích xuất phát từ Mỹ và Anh vào hệ thống thông tin của các tổ chức. Vũ khí tấn công là những mã độc được thiết kế riêng trên cơ sở các đặc tính của hệ thống thông tin bị tấn công, do vậy rất khó chống đỡ. Riêng lĩnh vực kinh tế, theo đánh

giá của công ty McAfee, tổn thất hàng năm do các cuộc tấn công mạng đối với các doanh nghiệp là gần 400 tỷ USD. Trong lĩnh vực quân sự, trong năm 2017, quân đội Đức ước tính bị tấn công mạng khoảng 300.000 lần... Điều này đã đòi hỏi mọi quốc gia phải tổ chức lực lượng bảo vệ chủ quyền, duy trì an ninh, an toàn xã hội trên không gian mạng. Từ đó, khái niệm tác chiến không gian mạng (TCKGM) dần hình thành. Đầu tiên là Mỹ với Bộ tư lệnh tác chiến không gian mạng (TCKGM) được thành lập năm 2009. Mỹ xác định TCKGM là một trong năm phạm vi tác chiến chủ yếu của quân đội trong thế kỷ 21 gồm: trên bộ, trên biển, trên không, trong vũ trụ và TCKGM. Nhưng việc thành lập Bộ tư lệnh TCKGM không nói hết được tinh thần chủ động của các quốc gia đối với loại hình tác chiến mới này. Theo báo cáo



**“ Không gian  
mạng đã  
và đang  
trở thành vùng lãnh  
thổ mới... Tác chiến  
không gian mạng đã  
trở thành một phương  
thức tác chiến cơ bản  
giữ vai trò quan trọng  
trong các cuộc chiến  
tranh có áp dụng các vũ  
khi công nghệ cao...”**

quốc phòng của nhiều nước, mới chỉ tính đến cuối năm 2008, trên thế giới đã có hơn 140 quốc gia có các chương trình phát triển lực lượng và phương tiện TCKGM

ở những quy mô khác nhau.

Điểm qua như vậy để thấy rằng, việc Bộ Quốc phòng Việt Nam thành lập Bộ tư lệnh TCKGM là việc làm cần thiết, mang tính phổ biến để bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian số. Phát biểu tại buổi lễ ra mắt Bộ tư lệnh TCKGM, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc nhấn mạnh: “Không gian mạng đã và đang trở thành vùng lãnh thổ mới... Tác chiến không gian mạng đã trở thành một phương thức tác chiến cơ bản giữ vai trò quan trọng trong các cuộc chiến tranh có áp dụng các vũ khí công nghệ cao... việc bảo vệ không gian mạng góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia được Đảng, Nhà nước ta xác định rõ và quan tâm chỉ đạo từ sớm. Trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Đảng ta đã nhận định nguy cơ xảy ra chiến tranh

mạng, mất an ninh thông tin ngày càng tăng và đặt ra mục tiêu phải chủ động phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả chiến tranh mạng”.

Bộ tư lệnh TCKGM, thực sự là lực lượng “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”, là nòng cốt của toàn dân trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền Tổ quốc trên không gian mạng. Sự xuất hiện của lực lượng này là quang minh, chính đại và nhất định không một thế lực nào có thể xuyên tạc, bịa đặt về tính chính danh của nó.

#### **NHỮNG TRÒ “CHỌC GẬY BÁNH XE”**

Ngay khi Việt Nam công khai ra mắt Bộ tư lệnh TCKGM thì nhiều báo điện tử ở nước ngoài, cũng như một số blog, trang mạng xã hội của một số cá nhân đã xuyên tạc, bịa đặt về lực lượng này. Các luận điệu dù

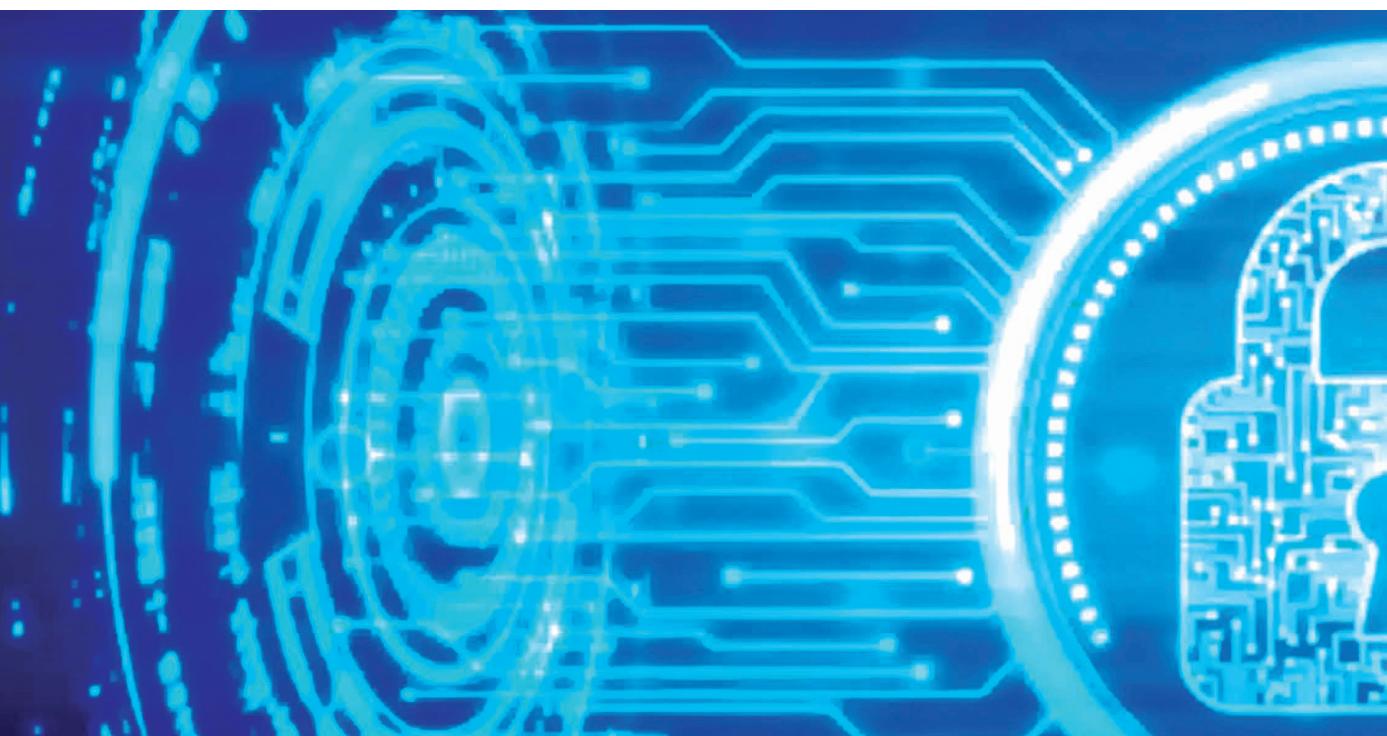
“múa may” với những ngôn từ khác nhau, nhưng rốt cục cho rằng, đây là lực lượng ngăn chặn tự do internet, tự do ngôn luận trên mạng xã hội của Việt Nam. Một số phần tử cơ hội, quá khích còn gán cho lực lượng TCKGM là “lực lượng dư luận viên kiểu mới với sự tiêu tốn khổng lồ tiền thuế của dân”. Báo điện tử VOA (Mỹ) thì bình luận: “Tình trạng quá trổng vắng thông tin về mục đích, nhiệm vụ, tổ chức và phương thức hoạt động của Bộ tư lệnh TCKGM đã khiến dư luận xã hội không khỏi nghi ngờ đây là một tổ chức bí ẩn, thậm chí bí mật và thiếu tính chính danh”. Lại có luận điệu xuyên tạc rằng đây chính là “lực lượng 47” của quân đội với nhiệm vụ phòng, chống “diễn biến hòa bình” trên mạng nhưng thực chất là tổ chức tình báo bí mật, săn sàng tấn công hệ thống máy chủ các nước khác

cũng như các tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới?

Những nhận định phiến diện, thiếu căn cứ, những yêu cầu trên thật nực cười. Bộ tư lệnh TCKGM là một tổ chức quân sự nhằm bảo vệ chủ quyền quốc gia, một vấn đề thuộc về bí mật quân sự mà bất kỳ một quốc gia nào cũng phải giữ gìn. Hơn nữa, tất cả các chuyên gia công nghệ thông tin trên thế giới đều công nhận: TCKGM là sự đối kháng máy tính trên không gian internet. Đại tá Trần Danh Bảng, một người đã dành nhiều thời gian nghiên cứu về TCKGM khẳng định: “Không nhìn thấy hành vi, không nhận biết được trực tiếp đối phương” là một đặc điểm của TCKGM. Biện pháp về tổ chức, biên chế có thể nhận biết được, còn về giải pháp công nghệ, cụ thể hơn là các giải pháp thuật toán thì khó có thể mô tả. Vả lại, nếu có viết lên

được cũng đã là “hàng quá hạn”, vì công nghệ IT phát triển như gió lốc và người viết không là... hacker. Đành phải chấp nhận như một điều cực bí mật”. Khi công bố công khai Bộ tư lệnh TCKGM là một đơn vị quân đội, trực thuộc Bộ Quốc phòng cũng có nghĩa là Bộ tư lệnh TCKGM sẽ tuân thủ chính sách quốc phòng của Việt Nam là hòa bình và tự vệ. Lực lượng này không đe dọa hoặc sử dụng sức mạnh quân sự trong quan hệ quốc tế nhưng sẵn sàng và kiên quyết giáng trả mọi hành động xâm phạm chủ quyền quốc gia.

Về sự “lập lờ đánh lận con den” của một số tờ báo khi cho rằng Bộ tư lệnh TCKGM cũng chính là “lực lượng 47” trên thực tế đã được trả lời công khai và “lực lượng 47” hoàn toàn không phải là “lực lượng khủng bố” trên mạng hay lực lượng “dư

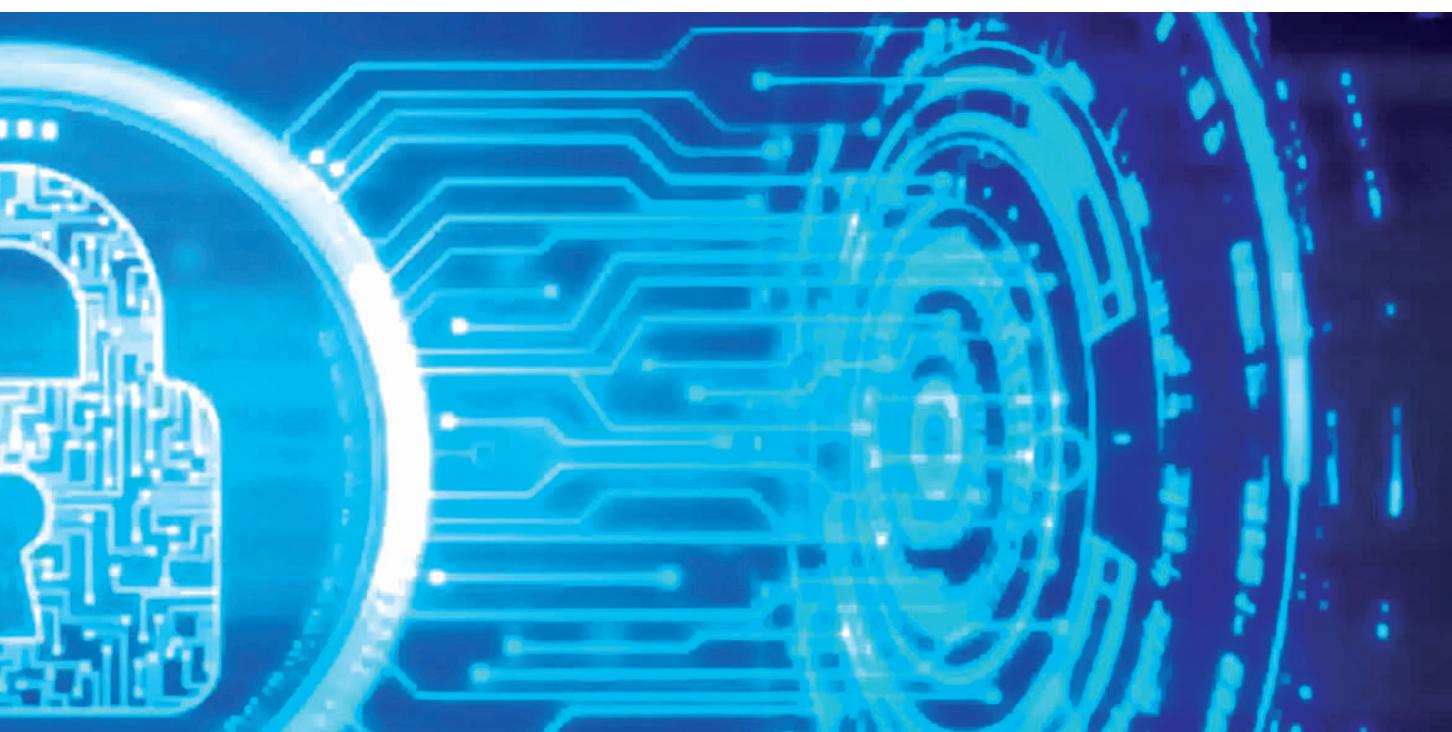


luận viên kiểu mới” như một số báo điện tử nước ngoài đồn thổi. “Lực lượng 47” bao gồm những người Việt Nam yêu nước chân chính, những người mong muốn góp phần xây dựng một không gian mạng có văn hóa. Hoạt động của “lực lượng 47” là tự nguyện và tự giác. Những cán bộ, chiến sĩ quân đội khi tham gia mạng xã hội đều được giáo dục ý thức kỷ luật, tinh thần thượng tôn pháp luật cùng quyết tâm bảo vệ bản sắc và truyền thống văn hóa dân tộc. Cần phải nhấn mạnh rằng, cán bộ, chiến sĩ quân đội khi tham gia mạng xã hội, đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc, bịa đặt, những thông tin xấu độc trên mạng hoàn toàn tự giác, hoạt động trong giờ nghỉ, ngày nghỉ, sử dụng phương tiện, thiết bị cá nhân chứ hoàn toàn không có một sự dâng ngô nào của Nhà nước. Có tình gán ghép, quy

chụp lực lượng này là “dư luận viên kiểu mới”, “hưởng lương 3 triệu/tháng” là sự xuyên tạc hình ảnh và cố ý hạ thấp tinh thần yêu nước chân chính của công dân Việt Nam khi tham gia mạng xã hội.

Về những luận điệu cho rằng, sự ra đời của Bộ tư lệnh TCKGM là một bước lùi về tự do internet ở Việt Nam, thiết nghĩ sự phát triển internet ở Việt Nam đã là một câu trả lời. Năm 2017, kỷ niệm tròn 20 năm internet vào Việt Nam. Đến nay, Việt Nam đứng vào hàng “cường quốc” sử dụng internet, với 62 triệu người dùng, đứng thứ 18 trên thế giới, là một trong số ít quốc gia mà số người dùng internet nhiều hơn số người không dùng. Internet đã len lỏi vào mọi ngõ ngách của đời sống xã hội, trở thành nền tảng kết nối mọi vấn đề. Đảng, Nhà nước ta nhận thức nhất quán

rằng, sự phát triển của công nghệ thông tin, của internet góp phần rất quan trọng vào sự phát triển chung của đất nước và vì thế, rất cần chủ động bảo vệ an ninh, an toàn xã hội trên không gian mạng. Nghị quyết Đại hội XII của Đảng đã xác định: “Chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch... sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, an ninh mạng”. Như vậy, sự ra đời của Bộ tư lệnh TCKGM hoàn toàn nằm trong chủ trương chiến lược của Đảng, Nhà nước ta, bảo đảm cho Tổ quốc không bị bất ngờ trong mọi tình huống. Những chiêu trò “chọc gậy bánh xe” hay những luận điệu xuyên tạc, bịa đặt về lực lượng này chắc chắn sẽ tự sụp đổ trước sức mạnh từ tính chính danh này. □



# KINH TẾ TƯ NHÂN - ĐỘNG LỰC QUAN TRỌNG THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM

□ TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG - PHẠM PHÚ MINH

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

**Khu vực kinh tế tư nhân (KTTN) ở nước ta hiện nay đóng vai trò là động lực trong tăng trưởng và phát triển kinh tế, với 43,22% GDP, 39% vốn đầu tư toàn xã hội; tạo ra khoảng 62% việc làm trong năm 2017.**

## NHỮNG YẾU TỐ HẠN CHẾ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KTTN

Một trong những yếu tố tác động tới vai trò động lực của KTTN chính là năng lực nội tại của KTTN. Khu vực này thiếu hụt lao động có kỹ năng, năng suất lao động còn thấp. Cách thức quản trị của nhiều doanh nghiệp còn theo kiểu gia đình, ít tiếp cận hiện đại, thông lệ quốc tế. Nhiều doanh nghiệp thành công dựa vào quan hệ không lành mạnh với giới hoạch định chính sách, khai thác lợi thế đất đai, tài nguyên... ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Hết quả là doanh nghiệp khu vực tư nhân chịu sức ép cạnh tranh kém.

Việc tiếp cận tín dụng của doanh nghiệp khu vực tư nhân còn nhiều khăn. Chỉ có 40% trong tổng số doanh nghiệp đang hoạt động có khả năng tiếp cận vốn vay từ ngân hàng. Nhiều doanh nghiệp khó đáp ứng quy

định cho vay của các tổ chức tín dụng do chưa minh bạch, rõ ràng về tình hình tài chính của mình.

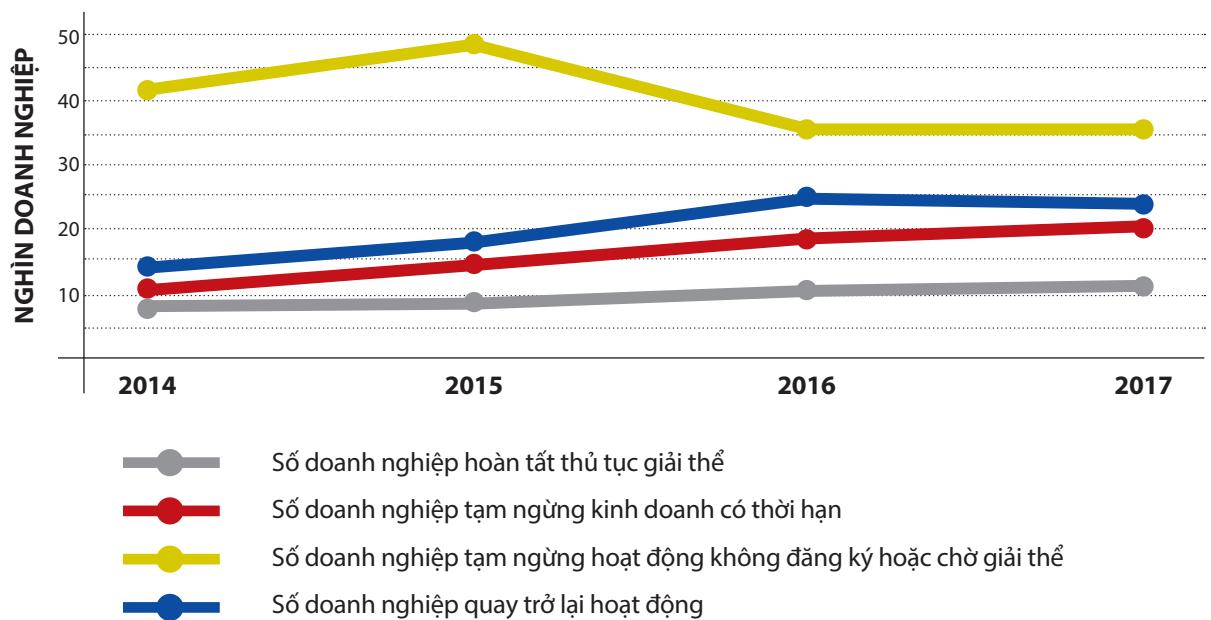
Các yếu tố khách quan từ thể chế, chính sách còn tồn tại cũng cản trở sự phát triển của KTTN. Đó là, thủ tục hành chính còn phức tạp; liên thông giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp còn bất cập; còn những điểm không thống nhất giữa Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Đấu thầu... hoặc chưa phù hợp với thực tiễn, làm chậm quá trình đầu tư phát triển của KTTN.

Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại nhiều rào cản điều kiện đầu tư kinh doanh. Theo thống kê sơ bộ của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương tháng 6-2017, có hơn 3.500 điều kiện kinh doanh tương ứng với 243 ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Nhiều ngành nghề, điều kiện đầu tư kinh doanh không đáp ứng tiêu chí về sự cần thiết quy định tại Điều 7

Luật Đầu tư. Các điều kiện đầu tư kinh doanh được quy định chung chung, không rõ ràng, có ngành nghề còn quy định ở nhiều nghị định khác nhau. Điều này tạo ra rào cản gia nhập thị trường, hạn chế cạnh tranh và tác động bất lợi đến doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN).

Thị trường, cơ hội đầu tư chưa có cơ chế để khai thác triệt để. Tỷ lệ các gói thầu chào hàng cạnh tranh và đấu thầu rộng rãi áp dụng đấu thầu qua mạng chỉ chiếm lần lượt 5,7% và 4,4% trong khi quy định tối thiểu là 20% và 10%. Ngoài ra, một số ngành nghề vẫn do doanh nghiệp nhà nước (DNNN) nắm giữ và việc quản lý chất lượng hàng hóa từ nước ngoài chưa hiệu quả dẫn tới sức ép cả trong và ngoài nước về cơ hội kinh doanh cho doanh nghiệp khu vực tư nhân.

Khả năng tiếp cận đất đai hạn chế. Thủ tục giải phóng mặt bằng, thu hồi đất tốn thời gian, ảnh



Tình hình hoạt động của doanh nghiệp tính đến tháng 11 hàng năm giai đoạn 2014 - 2017 (Nguồn: Cục Phát triển doanh nghiệp).





hướng đến kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp. Phương pháp tính giá đất, thủ tục cấp phép, thông tin quy hoạch còn gây nhiều bức xúc, cản trở tốc độ thu hồi và bàn giao đất sạch cho các nhà đầu tư. Mặt khác, giá cho thuê đất cao, thiếu chính sách hỗ trợ DNVVN (cho đến trước khi Luật Hỗ trợ DNVVN được ban hành và có hiệu lực) cũng hạn chế khả năng tiếp cận đất đai sản xuất, kinh doanh của nhiều doanh nghiệp khu vực tư nhân.

Chi phí kinh doanh cao làm giảm khả năng cạnh tranh. Chi phí vận tải cao (ước tính, chi phí vận chuyển 1 container từ cảng Hải Phòng về Hà Nội gấp 3 lần chi phí vận chuyển từ Hàn Quốc,

Trung Quốc về Việt Nam). Chi phí kiểm nghiệm lô hàng trước khi xuất khẩu tăng trung bình từ 1,5-2 lần so với trước đây, thời gian kéo dài từ 7-10 ngày. Mặt khác, chi phí nhân sự cũng là một gánh nặng lớn. Tốc độ tăng lương tối thiểu thời gian qua từ 8-12% nhưng tốc độ tăng năng suất lao động chỉ đạt 4-5%. Mức đóng bảo hiểm 22% lương tháng là cao so với Malaysia chỉ là 13%, Philippines là 10%.

### **ĐỂ KTTN THỰC SỰ LÀ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM**

Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII về “Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng

xã hội chủ nghĩa” đã khẳng định: “Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với KTTN là nòng cốt để phát triển một nền kinh tế độc lập, tự chủ”. Như vậy, vai trò của KTTN được nâng lên, là nòng cốt của nền kinh tế, bên cạnh kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, thay vì chỉ là một trong những động lực của nền kinh tế như trước đây và được xác định là một động lực quan trọng của nền kinh tế.

Để KTTN thực sự là động lực phát triển kinh tế trong giai đoạn tới, cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như:

Nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực



cho doanh nghiệp, đổi mới mô hình quản trị phù hợp với thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó, hỗ trợ KTTN nâng cao trình độ khoa học công nghệ, hợp tác, chuyển giao công nghệ sạch, công nghệ tiên tiến từ các nền kinh tế phát triển.

Đơn giản hóa thủ tục, nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng của khu vực KTTN. Cần xây dựng các chương trình, gói tín dụng với lãi suất hợp lý, đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng. Cùng với đó, cần đẩy mạnh hơn nữa hoạt động của Quỹ Phát triển DNVVN, Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNVVN, các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo... để mở rộng số kênh hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp.

Đảm bảo thông suốt, thống nhất các quy định, chính sách, pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm. Rà soát, sửa đổi, đơn giản hóa các quy định về đầu tư kinh doanh, đảm bảo thông suốt, thống nhất với Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và các luật liên quan.

Mở rộng cơ hội kinh doanh cho tất cả các thành phần kinh tế. Cần sớm hoàn thiện chiến lược tổng thể phát triển thị trường trong nước giai đoạn đến 2025, tầm nhìn đến 2035, thúc đẩy sản xuất và khuyến khích tiêu dùng hàng Việt Nam. Sửa đổi, bổ sung các quy định liên

quan đến thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, phương pháp định giá đất và khả năng tiếp cận đất đai cho doanh nghiệp. Cần sớm có cơ chế hỗ trợ vấn đề tích tụ ruộng đất để phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

Xây dựng các giải pháp quyết liệt nhằm giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp. Với chi phí vận tải, cần rà soát, khắc phục ngay các bất cập trong quản lý dự án BOT, mức thu phí, vị trí thu phí; chuyển sang thu phí điện tử không dừng, áp dụng công nghệ để giám sát thu phí; đấu thầu công khai trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án BOT...



**Chính phủ sẽ tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân tham gia vào quá trình cơ cấu lại DNNN**

Hoàn thiện hệ thống thông tin thu thuế điện tử để thu thuế đúng, đủ, nhất là với hộ kinh doanh lớn. Ngoài ra, sớm ban hành chính sách thu thuế và chế độ kế toán đơn giản, phù hợp với DNVVN, doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh; hoàn thiện quy định về hóa đơn, chứng từ điện tử để cơ bản thực hiện trong năm 2018 đối với toàn bộ nền kinh tế.

Đổi mới phương thức kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo hướng kiểm tra trên cơ sở đánh giá mức độ rủi ro của hàng hóa và mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp, đảm bảo tỷ lệ hàng hóa xuất nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành ở mức

**“Nâng cao  
năng lực nội  
tại của doanh  
nghiệp. Nâng cao chất  
lượng đào tạo nguồn  
nhân lực cho doanh  
nghiệp, đổi mới mô  
hình quản trị phù hợp  
với thông lệ quốc tế”**

không quá 20% tổng số lô hàng xuất nhập khẩu.

Ưu tiên giải quyết các vấn đề ngắn hạn ảnh hưởng đến KTTN (đất đai, tiếp cận tín dụng và bộ máy hành chính); nhưng đồng

thời, lưu ý đến cả các giải pháp cho những điểm nghẽn trung hạn (tính ổn định của chính sách vĩ mô, nhất là lạm phát, tỷ giá và lãi suất, hiệu quả thực thi hợp đồng) và dài hạn (nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng, thể chế - môi trường cạnh tranh bình đẳng, và ứng dụng khoa học công nghệ).

Để KTTN thực sự là động lực của nền kinh tế, ngoài việc hoàn thiện thể chế liên quan đến vấn đề này, việc triển khai các quyết sách của Đảng và Nhà nước là rất quan trọng. Hơn nữa, nhận thức xã hội về vai trò động lực của nền kinh tế cũng đóng một phần hết sức quan trọng. Chỉ khi ba khía cạnh này đạt được, khu vực tư nhân mới thực sự là động lực của nền kinh tế. □

# CỘNG ĐỒNG NÔNG THÔN - NGUỒN LỰC QUAN TRỌNG ĐỂ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

□ TS. ĐĂNG KIM SƠN

Ở khu vực nông thôn có một nguồn lực “tiềm năng”, rất đặc biệt, đã tồn tại từ hàng ngàn năm nay, giúp cho cư dân nông thôn luôn vượt qua mọi khó khăn thách thức của thiên tai địch họa, vững vàng sản xuất và xây dựng cuộc sống ổn định. Đó chính là nguồn lực - sức mạnh quan hệ cộng đồng.

1 Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giữa khu vực đô thị và khu vực nông thôn có một khoảng cách lớn về điều kiện và cơ hội phát triển. Nhà nước tập trung phần lớn đầu tư công cho phát triển cơ sở hạ tầng và những dịch vụ quan trọng tại khu vực đô thị nhằm hình thành tiền đề thu hút các nhà máy công xưởng, tạo lập các khu vực sản xuất chính, cung cấp hoạt động dịch vụ quan trọng nhất như quản lý nhà nước, phát triển thương mại. Các thành phố được biến thành các trung tâm kinh tế - khoa học công nghệ quan trọng nhất của đất nước. Chính vì thế, lực lượng lao động trẻ được đào tạo và tăng lớp trí thức có năng lực đều tập trung về đây, tạo nên nguồn tài nguyên con người quan trọng cho các vùng đô thị lớn của đất

Nhiều kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, bên cạnh cơ chế thị trường và sức mạnh quyền lực của nhà nước, quan hệ cộng đồng có thể được sử dụng như cơ chế thứ ba để điều chỉnh hành vi và phối hợp hành động trong xã hội. Trong khi cơ chế thị trường tạo ra động lực lợi ích đồng thời gây tâm lý ích kỷ vụ lợi của cá nhân, thiết chế nhà nước giúp ổn định và tạo trật tự cho xã hội nhưng cũng tạo ra tâm lý thụ động của người dân, thì mối quan hệ cộng đồng là giải pháp trung gian quan trọng đóng vai trò tái lập công bằng, gìn giữ giá trị đa dạng của cuộc sống con người. Vừa bảo vệ các mặt tốt của cơ chế thị trường và thiết chế nhà nước; đồng thời giúp khắc phục những yếu kém của chúng - đây là yếu tố quan trọng để bổ sung cho quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

nước. Đây cũng chính là lý do mà hầu hết đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước đều tập trung vào thành phố lớn. Khu vực này trở thành động lực phát triển, kéo theo kinh tế cả nước, đóng góp phần lớn lực lượng sản xuất

và nguồn thu ngân sách, đặc biệt là vùng xung quanh Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Mặc dù Nhà nước đã áp dụng những chính sách tái phân phối xã hội nhưng việc đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn

vẫn gặp nhiều khó khăn. Do cán cân ngân sách luôn ở trong tình trạng thiếu hụt và phải thường xuyên đáp ứng nhiều mục tiêu đầu tư khác nhau, trong khi đội ngũ cán bộ thiếu và yếu về năng lực, quản lý kém hiệu quả nên nhìn chung, các hoạt động đầu tư phát triển cho khu vực nông thôn chưa đáp ứng được đầy đủ so với yêu cầu đặt ra. Về phía người dân, đa số nông dân Việt Nam là các hộ tiểu nông có quy mô sản xuất nhỏ bé, hầu như không có khả năng tự tích lũy tái sản xuất mở rộng.

Tuy nhiên ở khu vực này lại có một nguồn lực “tiềm năng”, rất đặc biệt, đã tồn tại từ hàng ngàn năm nay, giúp cho cư dân nông thôn luôn vượt qua mọi khó khăn thách thức của thiên tai địch họa, vững vàng sản xuất và xây dựng cuộc sống ổn định. Đó chính là nguồn lực - sức mạnh quan hệ cộng đồng - mối quan hệ hình thành tự nhiên giữa những con người, những gia đình nhiều thế hệ sinh sống quây quần trên cùng một địa bàn, trong cùng một hoàn cảnh.

**2** Khác với nhiều nước trong khu vực, quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam trải qua một giai đoạn chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trước đây, trong kinh tế kế hoạch, đơn vị sản xuất chủ đạo ở nông thôn là các hợp tác xã và nông trường quốc doanh. Do vậy, các cơ quan nhà nước quản lý trực tiếp sản xuất, cung cấp trực tiếp khoa học kỹ thuật, điều khiển trực tiếp thị trường vật tư và nông sản...

Khi đất nước chuyển sang cơ chế thị trường, các thành phần kinh tế trong xã hội trở nên đa dạng hơn. Nông trường quốc doanh được cổ phần hóa, hợp tác xã giải thể hoặc chuyển đổi mô hình nông dân trở thành đơn vị sản xuất chủ yếu, xuất hiện thêm loại hình kinh tế tư nhân với sự góp mặt và phát triển rất nhanh của đội ngũ doanh nghiệp trong nước và ngoài nước. Nhà nước lãnh đạo nền kinh tế nhiều thành phần một cách gián tiếp thông qua quy hoạch, chính sách, chiến lược; mọi quyết định cụ thể trực tiếp thuộc về quyền chủ động của mọi thành viên trong xã hội. Hình thức hoạt động và vai trò vị thế của các tổ chức chính trị - xã hội hầu như tách ra khỏi các hoạt động tổ chức sản xuất kinh doanh cụ thể của nhân dân.

Trong bối cảnh vận hành mới như vậy, ở nông thôn có hiện tượng xuất hiện những khoảng trống về quản lý và điều hành giữa các tổ chức nhà nước, đoàn thể đối với hoạt động của đông đảo người sản xuất kinh doanh; dẫn đến tình trạng xuất hiện những yếu tố mặt trái của cơ chế thị trường, những yếu kém lỏng lẻo trong quản lý xã hội, những hiện tượng tiêu cực trong tổ chức sản xuất. Ví dụ như tình trạng phá hoại môi trường, khai thác tài nguyên cạn kiệt, gian lận thương mại, vi phạm quy định vệ sinh an toàn thực phẩm...

Các quốc gia phát triển trải qua giai đoạn công nghiệp hóa, đô thị hóa như Việt Nam hiện nay đều từng đương đầu với những thách thức tương tự. Cách giải quyết hiệu quả nhất đã được áp dụng là quay trở lại phát triển các tổ chức của cộng

**Đã đến lúc chúng ta không thể dồn mọi trách nhiệm về quản lý kinh tế - xã hội - môi trường nông thôn lên lực lượng của cấp hành chính cuối cùng là xã, phường, mà không tính đến việc huy động và tăng cường năng lực của cộng đồng nông thôn một cách đầy đủ, thông qua phân cấp trao quyền cho các tổ chức cộng đồng, các hợp tác xã, các tổ chức ngành nghề do người dân lập ra và điều hành. Để thực hiện có chất lượng hiệu quả điều đó, một trong những giải pháp cần thiết mà chúng ta phải làm là cải tiến một cách khoa học, bài bản hình thức tổ chức và phương thức hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội đang có. Đây sẽ là cánh tay nối dài để tuyên truyền, vận động quần chúng, làm tốt vai trò là người đại diện bảo vệ và phục vụ cho quyền lợi chính đáng của các tầng lớp nhân dân, nhất là cư dân khu vực nông thôn theo đúng định hướng và chiến lược của Đảng và Nhà nước.**

đồng, đưa sự tham gia của toàn thể nhân dân - thông qua các tổ chức đại diện của mình - phối hợp với các cơ quan nhà nước để cùng nhau quản lý, điều hành và tổ chức phát triển xã hội trong cơ chế thị trường và cơ chế nhà nước hiện đại.

Ở Việt Nam, chính sự thiếu hụt về vai trò của những tổ chức này đã khiến cho các mối liên kết



#### Nên đẩy mạnh đầu tư và phát triển vào nông nghiệp công nghệ cao

"2 nhà", "4 nhà" chậm được hiện thực hóa và phát huy hiệu quả trên quy mô lớn, đồng thời khiến cho những hoạt động liên kết đơn giản như liên kết về đất đai giữa doanh nghiệp và nông dân trở thành khó khăn.

Thực tế thì, không có cơ quan quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm nào có thể sâu sát tốt hơn chính cộng đồng những người sản xuất, thương mại và tiêu dùng - thông qua các hiệp hội của người sản xuất, người kinh doanh, người chế biến, người tiêu dùng và các hợp tác xã - tự giám sát lẫn nhau và giám sát chéo. Ví dụ, cộng đồng nông dân sản xuất rau quả, chăn nuôi tự giám sát nhau về việc sử dụng phân bón thuốc trừ sâu, các loại chế phẩm - hóa chất, cũng như

điều kiện canh tác của chính mình. Nhiều quốc gia trên thế giới đã sử dụng các hiệp hội ngành nghề để kiểm tra về điều kiện cung cấp dịch vụ, trình độ tay nghề, mức độ thực hiện các tiêu chuẩn phục vụ của thành viên trong các tổ chức sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Các cơ quan quản lý của nhà nước chỉ chịu trách nhiệm cấp phép và kiểm tra chất lượng hoạt động của những cơ quan tổ chức đại diện cho các hiệp hội ngành nghề...

Nông thôn Việt Nam hiện nay đang phải đổi mới với những vấn đề như tình trạng bất cập, yếu kém và thiếu chuyên sâu trong công tác chuyển giao công nghệ, công tác đào tạo nghề, hoạt động khuyến nông... Nông dân trong nhiều trường hợp phải tự

tìm tòi, nghiên cứu, cải tiến kỹ thuật để giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn sản xuất. Do hoạt động bảo hiểm còn rất hạn chế, đa số nông dân phải tự xoay xở đối phó với những rủi ro trong sản xuất như thiên tai, dịch bệnh. Nhiều nơi, nông dân chưa được tiếp cận với những thông tin thị trường và các phân tích kinh tế đáng tin cậy. Mặc dù hệ thống ngân hàng thương mại đã phát triển rộng khắp, nhưng hoạt động tín dụng của nông dân trong nhiều trường hợp vẫn phải dựa vào những mối cho vay nặng lãi bên ngoài cũng như khả năng tự tích lũy của bản thân...

Thực tế, trong hơn 30 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới thực hiện thành công công nghiệp hóa mới có một số nền



**“Quan hệ cộng đồng - mối quan hệ hình thành tự nhiên giữa những con người, những gia đình nhiều thế hệ sinh sống quây quần trên cùng một địa bàn, trong cùng một hoàn cảnh”.**

kinh tế ở châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc, Singapore đạt được tới trình độ quốc gia phát triển. Một trong những kinh nghiệm thành công ở các nền kinh tế này là thiết

thực, triệt để gắn liền mục tiêu phát triển với quyền lợi của người dân, kết hợp với đường lối vận động quần chúng thiết thực và khéo léo. Tuy xuất phát từ mục tiêu chính trị nhưng công tác vận động quần chúng, tổ chức và trao quyền, tăng cường năng lực cho cư dân nông thôn, năng lực cộng đồng nông thôn... ở các nước này và vùng lãnh thổ thực sự đã tạo ra hiệu ứng lan tỏa, phát huy tối đa nội lực.

Xét về đường lối chính trị, đây cũng là bài học rút ra từ kinh nghiệm của các đảng cộng sản trong khu vực, được áp dụng thành công để chuyển từ mục tiêu đấu tranh cách mạng sang phát triển kinh tế và xây dựng xã hội mới.

Cần nhớ rằng, xuyên suốt hai cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ của dân tộc cũng như trong

quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, nông thôn và nông dân luôn là địa bàn chiến lược và lực lượng chủ lực. Bất kỳ giai đoạn nào, nếu chúng ta xa rời nhân dân, không phát huy được năng lực cộng đồng nông thôn, áp đặt các chủ trương đường lối thiếu tính khoa học và thực tiễn, thì khi đó lập tức kinh tế sẽ sa sút và chính trị sẽ yếu kém. Một khi các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện tốt việc vận động các tổ chức đại diện cho người dân và năng lực cộng đồng nông thôn cùng với chính quyền cơ sở chủ động, sáng tạo vận hành phát triển kinh tế, xã hội, trên cơ sở lấy quyền lợi và ước vọng của nhân dân làm mục tiêu phát triển thì chắc chắn chúng ta sẽ đạt được những kết quả thắng lợi to lớn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. □

# KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ LÀ THƯỚC ĐO CỦA HỌC BÁC

■ PGS. TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA

Vụ trưởng Vụ Lý Luận chính trị,  
Ban Tuyên giáo Trung ương



Qua theo dõi kết quả thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của các địa phương, đơn vị trong cả nước, năm 2017 vừa qua, chúng tôi nhận thấy có rất nhiều cố gắng, mang lại một số kết quả đáng trân trọng sau:

**M**ột là, nhiều địa phương đã giải quyết được những vụ việc nỗi cộm, bức xúc trên địa bàn. Theo báo cáo, nhiều nơi như Tiền Giang, Thái Bình, An Giang, Hà Tĩnh... đã giải quyết được căn bản một số vụ khiếu kiện kéo dài của người dân, trong đó có những vấn đề khó, nhạy cảm, liên quan đến giải tỏa, đền bù đất dai; tập trung xử lý các dự án đầu tư chậm tiến độ, kéo dài; giải quyết các thủ tục hành chính nhanh, gọn... Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh đã ban hành nghị quyết chuyên đề về công tác phát hiện, điều tra, xử lý các vụ án tham nhũng; công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kiên Giang đã chỉ đạo tập trung giải quyết có hiệu quả nhiều vấn đề cụ thể như: kê

không để nhận diện bù điện tích lúa bị thiệt hại, giải quyết tranh chấp đất dai, khiếu kiện đông người vượt cấp... Kết quả chống tham nhũng, tiêu cực và giải quyết những bức xúc, nỗi cộm của từng tập thể, cơ quan, đơn vị, địa phương trong cả nước đã mang lại không khí đoàn kết trong nội bộ, đồng thuận trong nhân dân, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

**Hai là**, việc đẩy mạnh học tập và làm theo Bác đã tạo được những chuyển biến khá rõ nét về kỷ cương, hành chính, chấn chỉnh lề lối, tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, từ đó nâng cao niềm tin của nhân dân với chính quyền. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bến Tre đã đăng công khai bản cam kết của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy và các đồng chí thực hiện Nghị quyết Trung ương 4,

khóa XII gắn với thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW trên báo Đồng Khởi để nhân dân theo dõi, giám sát việc thực hiện. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang và nhiều địa phương trong cả nước đã chỉ đạo cấp ủy, chính quyền, đoàn thể đổi mới lề lối, tác phong làm việc, tập trung giải quyết công việc theo hướng khẩn trương, kịp thời, sâu sát cơ sở, dám làm, dám chịu trách nhiệm, được nhân dân hoan nghênh.

**Ba là**, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, từ đó nâng cao tính chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước đã chỉ đạo và hướng dẫn đưa sinh hoạt chuyên đề nội dung học tập và làm theo Bác vào các buổi sinh hoạt chi bộ hàng tháng (mỗi cuộc sinh hoạt dành từ 30 - 45 phút cho việc sinh hoạt chuyên đề). Ban Thường vụ

Tỉnh ủy Quảng Trị ban hành kế hoạch tổ chức diễn đàn về vai trò của chi bộ trong giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên để ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, thu được nhiều kết quả tích cực.

Bốn là, ngày càng có nhiều cách làm hay được các địa phương, đơn vị tổng kết rút kinh nghiệm để nhân ra diện rộng. Năm 2017, Ban Tuyên giáo Trung ương đã tổ chức 5 Hội nghị giao lưu điển hình tạo được ấn tượng tốt. Quận ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương và nhiều địa phương như Hà Nội, Hà Nam... đã tổ chức hội nghị giao lưu điển hình rất có sức thuyết phục. Quận ủy Trung ương duy trì thực hiện Cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh bộ đội Cụ Hồ”. Qua đó, đã phát hiện hàng ngàn tấm gương sáng của cán bộ, chiến sĩ trong học tập và làm theo Bác. Nhiều địa phương, như Thành phố Hồ Chí Minh, Hưng Yên... tổ chức tọa đàm về đạo đức công vụ, về đổi mới lề lối, tác phong công tác; xác định kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ là nội dung đột phá; xây dựng các mô hình “gắn dân, sát dân và giúp dân”... Ban Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh tổ chức hội thi tìm hiểu tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và lựa chọn mô hình tiêu biểu trong học tập và làm theo Bác để từ điểm, nhân ra diện rộng.

Có thể khẳng định, việc học tập và làm theo Bác đã dần dần trở thành thường xuyên,

**Chú trọng việc đăng ký và làm theo của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị cũng là một cách để đưa Chỉ thị 05-CT/TW vào cuộc sống”.**

thành thói quen, ý thức tự giác của cán bộ, đảng viên và nhiều người dân trong cả nước, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng ngành, từng cấp, từng địa phương, đơn vị. Do đó, trong kết quả phát triển kinh tế - xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh đóng phần khởi của năm 2017, có phần đóng góp tích cực không nhỏ của việc thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc học tập và làm theo Bác vẫn cần tiếp tục khắc phục các hạn chế kéo dài như: việc đưa nội dung học tập và làm theo Bác vào sinh hoạt định kỳ chưa thành nền nếp; còn nhiều cán bộ chưa thật sự gương mẫu, nói chưa đi đôi với làm; công tác kiểm tra, đánh giá việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, tác phong của cán bộ, đảng viên còn chưa thường xuyên, chưa nghiêm khắc...

Để phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, một số nội dung cần tiếp tục được triển khai thực hiện tốt trong năm 2018, cụ thể:

Một là, tăng cường công tác tuyên truyền về thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW một cách hiệu quả, bằng cách tăng tính hấp dẫn, đổi mới hình thức, nội dung tuyên truyền. Các địa phương, ngành cần tăng cường tổ chức tọa đàm, giao lưu điển hình để tạo sức lan tỏa từ các gương người tốt, việc tốt ra diện rộng. Ví dụ, giao lưu các gương điển hình thực hiện những việc nhỏ mà nghĩa lớn, rồi từ những tư liệu người thực, việc thực đó, tổ chức triển lãm về những gương điển hình học Bác, gương người tốt, việc tốt vào dịp 19-5, hoặc nhân các ngày lễ, ngày kỷ niệm của địa phương, ngành hàng năm. Hội, Đoàn Thanh niên phát động các phong trào thi đua, cổ vũ các bạn trẻ làm những việc tốt theo gương Bác.

Ngoài ra, có thể tổ chức một số diễn đàn, giao lưu trực tuyến, trả lời phỏng vấn trên truyền hình của Trung ương hoặc địa phương về những nội dung liên quan đến học và làm theo Bác nhằm tạo sức lan tỏa mạnh mẽ từ các điển hình ra toàn xã hội.

Hai là, chú trọng việc làm theo của cá nhân và tập thể. Tiếp tục lựa chọn những việc cần thiết, đang bức xúc, hoặc những việc mà người dân đặc biệt quan tâm để tập trung và quyết liệt tổ chức thực hiện có kết quả. Tiếp tục gắn chặt yêu cầu và nội dung học tập và làm theo Bác với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn của các tập thể và cá nhân cán bộ, đảng viên, nhân dân.



Học tập phong cách Hồ Chí Minh: dân chủ, quần chúng, khéo dùng người, trọng dụng người tài...

Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo Bác, nhất là gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về phòng, chống suy thoái, chống tự diễn biến, tự chuyển hóa. Trong đó chú trọng việc đăng ký và làm theo của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị cũng là một cách để đưa Chỉ thị 05-CT/TW vào cuộc sống. Đây là một việc làm hết sức khó khăn, một cuộc đấu tranh bên trong mỗi cá nhân, bên trong mỗi tập thể, nên càng đòi hỏi mỗi cá nhân, đơn vị phải nỗ lực vươn lên vượt qua chính mình.

Mặt khác, cuộc đấu tranh này đòi hỏi phải hết sức kiên trì. Kết quả của việc học Bác không

thể hiện ngay lập tức, mà nó là cả quá trình, đòi hỏi sự tích lũy những thay đổi về “lượng” để trở thành những thay đổi về “chất”. Từ đó, những thói quen xấu sẽ ít dần đi, thay thế vào đó là những thói quen tốt, hình thành những tác phong, phong cách tốt... Do vậy, thước do quan trọng nhất về việc học và làm theo Bác vẫn là kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cấp ủy đảng, cơ quan, đơn vị và việc góp phần xây dựng văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Ba là, đặc biệt quan tâm xây dựng đạo đức công vụ, trách nhiệm nêu gương, gương mẫu

của người đứng đầu, của cán bộ lãnh đạo chủ chốt, của cán bộ, công chức và đảng viên. Thời gian qua, một số hình ảnh cán bộ, đảng viên, nhất là những người có chức, có quyền sách nhiễu nhân dân, thiếu trách nhiệm với công việc, tham nhũng, nói không đi đôi với làm... đã để lại nhiều tác động xấu tới tâm trạng và dư luận xã hội. Trong bối cảnh của năm 2018, đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được cụ thể hóa thành một số nội dung của chuyên đề “xây dựng phong cách, tác phong công tác của người đứng đầu, của cán bộ, đảng viên”. Theo đó, học tập và làm theo phong cách làm việc Hồ Chí Minh



Giao lưu điển hình trong học và làm theo Bác khu vực phía Bắc và một số cơ quan Trung ương

**“Cuộc đấu tranh này đòi hỏi phải hết sức kiên trì. Kết quả của việc học Bác không thể hiện ngay lập tức, mà nó là cả quá trình, đòi hỏi sự tích lũy những thay đổi về “lượng” để trở thành những thay đổi về “chất”. Từ đó, những thói quen xấu sẽ ít dần đi, thay thế vào đó là những thói quen tốt, hình thành những tác phong, phong cách tốt...”**

với lè lói, cung cách, cách thức làm việc dân chủ, quần chúng, khoa học, nêu gương và phong cách lãnh đạo của Người bao gồm những đặc điểm quan trọng như: phong cách dân chủ, quyết đoán, sâu sát, khéo dùng người, trọng dụng người tài, cách mạng, khoa học, năng động, sáng tạo. Đây cũng chính là yêu cầu thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phòng chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa. Ngay từ những ngày đầu tiên của năm 2018, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hòa Bình và một số địa phương đã xác định khâu đột phá cho năm là: nêu cao tinh thần gương mẫu của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, địa phương, đơn vị; thực hiện tốt đạo đức công vụ; xây dựng hình ảnh người cán bộ,

đảng viên, công chức, viên chức tận tụy, liêm khiết, gần dân, trọng dân, hết lòng phục vụ nhân dân. Đảng ủy Công an Trung ương tổ chức sinh hoạt chính trị nhân 70 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh có 6 điều dạy Công an nhân dân và 70 năm Ngày Người ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc...

Học tập và làm theo Bác trong Đảng và xã hội đã có quá trình lịch sử liên tục, lâu dài. Năm 2018 là năm bản lề của nhiệm kỳ Đại hội XII với nhiều nhiệm vụ rất quan trọng trên tất cả lĩnh vực. Do đó, việc tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh sẽ góp phần quan trọng nhằm hoàn thành các nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đã xác định, đặc biệt là yêu cầu xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. □

# “ĐỐI VỚI NHÂN DÂN, PHẢI KÍNH TRỌNG, LỄ PHÉP”

□ ThS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

Bảo tàng Hồ Chí Minh

Ra đời cách đây 70 năm, 6 điều Bác dạy về tư cách người công an cách mạng đã trở thành di huấn, di sản tinh thần, là nền tảng lý luận, kim chỉ nam góp phần quan trọng làm nên những chiến công to lớn, thành tích xuất sắc trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội của lực lượng công an nhân dân (CAND).

## 1 “ĐỐI VỚI NHÂN DÂN, PHẢI KÍNH TRỌNG, LỄ PHÉP” - Ý NGHĨA GIÁO DỤC SÂU SẮC VÀ BỀN VỮNG

Ngay sau khi nước nhà giành được độc lập không lâu, ngày 21-2-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 23 “*Hợp nhất các sở cảnh sát và các sở liêm phóng bằng cơ quan Việt Nam Công an vụ*” và tên Công an ra đời từ đây. Theo Hồ Chí Minh, “CAND hoàn toàn khác công an đế quốc. Công an đế quốc là nanh vuốt của đế quốc để hà hiếp áp bức đa số nhân dân... CAND phải là kiểu mẫu, phải là người chuyên trách thi hành chính sách, phương châm của Đảng, Chính phủ cho tốt. CAND phải thực sự phục vụ nhân dân”<sup>(1)</sup>. Cũng như với Đảng, Chính phủ, lực lượng công an phải dựa vào dân và lấy dân làm gốc, vì: “Công an ta có bao nhiêu người? Dù có vài ba nghìn hay năm bảy vạn đi nữa

thì lực lượng ấy vẫn còn ít lăm, bên cạnh lực lượng nhân dân. 5 vạn người thì chỉ có 5 vạn cặp mắt, 5 vạn đôi bàn tay. Phải làm sao có hàng triệu đôi bàn tay, hàng chục triệu cặp mắt và đôi tai mới được. Muốn như vậy, phải dựa vào dân, không được xa rời dân. Nếu không thế thì sẽ thất bại”<sup>(2)</sup>.

Sau khi nhận được thư của đồng chí Hoàng Mai - Giám đốc Công an khu XII xin ý kiến về chuẩn mực đạo đức, tác phong của người cán bộ, chiến sĩ công an, ngày 11-3-1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư trả lời. Trong thư, Người khẳng định “những đạo đức và tư cách mà người công an cách mệnh phải có, phải giữ cho đúng”, gồm 6 điều là:

“Đối với tự mình, phải cần, kiệm, liêm, chính.

Đối với đồng sự, phải thân ái giúp đỡ.

Đối với Chính phủ, phải tuyệt đối trung thành.

6 điều Bác dạy về tư cách người công an cách mạng thể hiện sự thống nhất giữa tư cách đạo đức với chức trách, nhiệm vụ, giữa tình và nghĩa, giữa nhận thức và hành động, giữa sự nghiệp lớn lao và những hành vi cụ thể của người CAND. Trong đó, điều căn dặn thứ tư của Người: “Đối với nhân dân, phải kính trọng, lễ phép” được coi là một nguyên tắc đạo đức, một yêu cầu cần thiết mang tính định hướng trong xây dựng văn hóa ứng xử của lực lượng CAND.

Đối với nhân dân, phải kính trọng, lễ phép.

Đối với công việc, phải tận tụy.

Đối với địch, phải cương quyết, khôn khéo”<sup>(3)</sup>.

Người khẳng định: “Làm công an không phải làm “quan cách mạng”. Làm công an là để giữ trật tự, an ninh cho nhân dân” và “nhiệm vụ của công an là bảo vệ và phục vụ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền nhân dân”, nên công an “phải gần gũi nhân dân, dựa vào lực lượng của nhân dân, xa rời nhân dân thì dù tài tình mấy cũng không làm gì được”. Và “khi nhân dân giúp đỡ ta nhiều thì thành công nhiều, giúp đỡ ta ít thì thành công ít, giúp đỡ ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn. Dân ta rất tốt. Gặp trường hợp nguy hiểm, nếu công an khéo léo thì được dân giúp ngay. Khéo ở đây không phải là cái lối khéo bề ngoài, mà khéo có nghĩa là phải thực sự trung thành, tôn kính, thương yêu dân”<sup>(4)</sup>. Để đạt được điều đó, công an “phải toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân”, “phải đi đường lối quần chúng”, “phải làm sao cho dân yêu mến, phải nhớ rằng dân là chủ, dân như nước mình như cá, lực lượng bao nhiêu là ở dân hết. Phải làm cho dân mến, khi sắp tới dân mong, khi đi dân tiếc, chờ vác mặt quan cách mạng cho dân ghét, dân khinh, dân không ủng hộ”<sup>(5)</sup>.

Để hoàn thành nhiệm vụ của mình, mỗi cán bộ, chiến sĩ công an phải gần dân, kính trọng, lễ phép với nhân dân: thể hiện ở tinh thần tận tụy phục vụ nhân dân, thiết thực tạo môi trường xã hội ổn định, lành mạnh, giúp cho các tầng lớp nhân dân yên tâm sản xuất, sinh sống, lao động sáng tạo để thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ đất nước ngày càng giàu mạnh. Đồng thời, trong công tác không được vụ lợi, thiếu công tâm, thiếu khách quan, thiên



lệch vì lợi ích, v.v.. mà phải đi sâu tìm hiểu hoàn cảnh, đời sống, nỗi lòng, nỗi niềm, nỗi đau của nhân dân để có biện pháp giải quyết thích hợp hoặc đề nghị cấp trên, cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Trước những yêu cầu của dân, người chiến sĩ công an không được phép né tránh, bàng quan, vô trách nhiệm, bao che, để dây dưa kéo dài, hoặc sách nhiễu nhân dân... mà phải tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện nghiêm minh kỷ cương pháp luật; tôn trọng truyền thống tốt đẹp và phong tục tập quán lành

mạnh của nhân dân; đồng thời, đấu tranh không khoan nhượng với những kẻ hoạt động đi ngược lại lợi ích của nhân dân, chống lại nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

## **2 TIẾP TỤC RÈN LUYỆN THEO 6 ĐIỀU BÁC HỒ DẠY CAND**

Hiện nay, đất nước đang đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng. Sự nghiệp cách mạng nước ta đang đứng trước những thời cơ và vận hội lớn; đồng thời, cũng phải đối mặt với những khó khăn, thách thức không nhỏ.



**Làm công an không phải làm “quan cách mạng”. Làm công an là để giữ trật tự, an ninh cho nhân dân” và “nhiệm vụ của công an là bảo vệ và phục vụ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền nhân dân”, nên công an “phải gần gũi nhân dân, dựa vào lực lượng của nhân dân, xa rời nhân dân thì dù tài tình mấy cũng không làm gì được”.**

Chủ tịch Hồ Chí Minh

Đặc biệt, do tác động của mặt trái kinh tế thị trường, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đã chỉ rõ: “Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống dẫn tới “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” chỉ là một bước ngắn, thậm chí rất ngắn, nguy hiểm khôn lường, có thể dẫn tới tiếp tay hoặc cấu kết với các thế lực xấu, thù địch, phản bội lại lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc”; và lực lượng CAND cũng không là trường hợp ngoại lệ. Trong CAND, vẫn có hiện tượng quan liêu, hách dịch, sách nhiễu người dân,v.v..

Những tiêu cực đó đã và đang làm giảm lòng tin, gây nhiều bức xúc trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng và mối quan hệ giữa lực lượng công an với quần chúng nhân dân.

Để tiếp tục hoàn thành trọng trách mà Đảng giao phó, xứng đáng với niềm tin và sự kỳ vọng của nhân dân, mỗi cán bộ, chiến sĩ công an phải luôn thấm nhuần sâu sắc 6 điều Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy CAND. Cùng với việc luôn trung thành tuyệt đối với Đảng và chế độ, tận tâm, tận lực bảo vệ vững chắc Nhà nước của

nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi mưu toan của kẻ thù muố xóa bỏ hoặc thay đổi về chất Nhà nước ta, mỗi cán bộ, chiến sĩ công an còn phải góp phần tuyên truyền, phổ biến chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho nhân dân. Trong mọi hoạt động, CAND phải là tấm gương sáng trong việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; đồng thời, chủ động phòng ngừa, làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình”, hoạt động gây rối, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh ngăn chặn và xử lý có hiệu quả các hoạt động cơ hội chính trị, các loại tội phạm hình sự, nhất là tội phạm có tổ

Các ý kiến thể hiện sự giám sát của nhân dân cần phải được cơ quan, cán bộ, chiến sĩ công an tiếp nhận, trân trọng và giải quyết kịp thời, thỏa đáng. Cán bộ, chiến sĩ công an phải luôn chăm lo thực hiện tốt công tác dân vận, xây dựng mối quan hệ gắn bó máu thịt với nhân dân; phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh trật tự; đồng thời, tiếp thu ý kiến phê bình của nhân dân, để khắc phục, sửa chữa những khuyết điểm, thiếu sót trong công tác.



chức, tội phạm ma túy, tội phạm nguy hiểm có yếu tố nước ngoài, tội phạm lợi dụng công nghệ cao, sử dụng vũ khí nóng, chống người thi hành công vụ, v.v..

Bên cạnh đó, một trong những nhiệm vụ trọng yếu mà lực lượng công an phải hoàn thành tốt đó chính là tham gia tích cực, có hiệu quả vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động cứu hộ, cứu nạn, phòng chống và khắc phục thiên tai, bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân.

Đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ, trong toàn ngành, đẩy mạnh học tập và làm theo 6 điều Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy CAND gắn

liền với “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” theo Chỉ thị 05-CT/TW, với Nghị quyết Trung

ương 4 khóa XII về xây dựng và chỉnh đốn Đảng và Nghị quyết số 33-NQ/TW khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Đặc biệt, việc thực hiện Chỉ thị số 07/CT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an về “Tăng cường lãnh đạo nâng cao văn hóa ứng xử CAND trong tình hình mới” và cuộc vận động “Xây dựng phong cách người CAND bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ” gắn với phong trào “CAND học tập, thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy” chính là đột sinh hoạt chính trị sâu rộng, nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tu dưỡng, tinh thần phục vụ nhân dân và năng lực công tác của cán bộ, chiến sĩ CAND, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới...

Trong thời gian tới, lực lượng CAND cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

*Một là*, các cấp ủy đảng cần tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng cho cán bộ, chiến sĩ công an; coi đó là nhiệm vụ hàng đầu trong công tác xây dựng lực lượng CAND thời kỳ đổi mới. Nội dung giáo dục cần tập trung vào việc bồi dưỡng lý tưởng cộng sản, trau dồi đạo đức cách mạng cho cán bộ, chiến sĩ CAND. Trong đó, chú trọng xây dựng ý thức phục vụ nhân dân, giữ gìn mối quan hệ đoàn kết, gắn bó chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, sẵn sàng chiến

“  
**Một trong những nhiệm vụ trọng yếu mà lực lượng công an phải hoàn thành tốt đó chính là tham gia tích cực, có hiệu quả vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động cứu hộ, cứu nạn, phòng chống và khắc phục thiên tai, bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân”.**



dấu, hy sinh để bảo vệ tính mạng, tài sản, cuộc sống bình yên của nhân dân.

*Hai là*, mỗi cán bộ, chiến sĩ cần thực hiện nghiêm cuộc vận động “CAND chấp hành nghiêm điều lệnh; xây dựng nếp sống văn hóa vì nhân dân phục vụ” với các phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc” và “CAND học tập, thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy”; coi đó là giải pháp căn cơ, quan trọng để rèn luyện đạo đức người CAND cách mạng. Chú trọng xây dựng, rèn luyện tác phong quần chúng, dân chủ; thể hiện ở việc gương mẫu trong từng lời nói và việc làm, chấp hành nghiêm điều lệnh CAND, nâng cao ý

thức phục vụ nhân dân và trách nhiệm trong công tác..., góp phần xây dựng lực lượng CAND cách mạng, trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại.

*Ba là*, xây dựng cơ chế và phát huy vai trò tích cực và quyền làm chủ của quần chúng trên lĩnh vực an ninh trật tự. Phát huy vai trò giám sát của nhân dân tham gia quản lý nhà nước, phòng, chống quan liêu, tham nhũng.

*Bốn là*, các cấp ủy đảng và cơ quan chức năng của ngành tiếp tục rà soát, bổ sung hoàn thiện các quy định về chuẩn mực đạo đức, lối sống văn hóa, quy định về trách nhiệm nêu gương của cấp

ủy, thủ trưởng đơn vị trong thực hiện văn hóa ứng xử CAND. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kỷ luật; đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng nhanh, gọn để phục vụ nhân dân được tốt hơn; đồng thời, góp phần hạn chế, loại trừ các hiện tượng tiêu cực của cán bộ, chiến sĩ trong khi làm nhiệm vụ. □

(1), (2), (4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, xuất bản lần thứ 3, H, 2011, t.7, tr.269, 270, 270.

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr. 498 - 499.

(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.116.

# LÀM GÌ ĐỂ GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ HIỆU QUẢ

□ PHẠM VƯƠNG

Ban Tuyên giáo Thành ủy Hải Phòng

Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30-10-2016 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”, có nêu rõ: một trong những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị là: *Nhận thức sai lệch về ý nghĩa, tầm quan trọng của lý luận và học tập lý luận chính trị; lười học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.*

Trên thực tế, vấn đề này đã được nhận diện và đặt ra từ khá sớm, là nỗi trăn trở của những người làm công tác lý luận nói chung, nhất là đối với đội ngũ giảng viên, báo cáo viên của Đảng.

Vậy làm thế nào để phát huy được vai trò của giảng viên, báo cáo viên đối với việc nâng cao ý thức học tập lý luận chính trị của cán bộ, đảng viên hiện nay?

Có thể khẳng định, muốn việc học tập lý luận chính trị đạt hiệu quả cao, người học (ở đây là cán bộ, đảng viên) phải có tâm thế

chủ động, sẵn sàng tiếp nhận thông tin, kiến thức. Bởi, chỉ khi nào người học ý thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học tập lý luận chính trị thì khi đó mới tạo được cái nền, là “cánh đồng” đã được chuẩn bị sẵn để tiếp nhận sự “gieo hạt, cấy trồng”.

Điều đó phụ thuộc vào động cơ học tập. Học để làm gì? (1) Để được trang bị, bổ sung, cập nhật kiến thức... nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, tăng cường tri thức... đáp ứng có hiệu quả, chất lượng nhiệm vụ được giao? (2) Hay học tập lý luận chính trị



chỉ là để có đủ điều kiện “bằng cấp”, đáp ứng nhu cầu “thăng tiến” thuận túy trên con đường công danh cá nhân? Từ đó có thể suy ra được: Nếu động cơ là (1) thì chắc chắn việc học tập sẽ trong sáng, thuận lợi và tất yếu hiệu quả sẽ cao, bất luận khó khăn thế nào tác động đến quá trình học tập; dù đó là học tập tập trung theo chương trình lý luận chính trị quy định hay trong một đợt sinh hoạt nghiên cứu, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Còn động cơ học tập là (2) thì miễn bàn, mặc dù đó đang là một thực tế nhức nhối trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên như Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đã nhận định.

Tuy nhiên, như dân gian thường nói “Không thầy, đổ mày làm nê”. Do vậy, bên cạnh yếu tố

tự thân cán bộ, đảng viên thì vai trò của giảng viên, báo cáo viên là vô cùng quan trọng.

Từ kinh nghiệm công tác của bản thân cũng như từ thực tiễn thu lượm được, theo tôi có mấy vấn đề cần quan tâm như sau:

*Thứ nhất*, giảng viên, báo cáo viên nên được chọn lựa, bố trí từ những người từng làm nghề dạy học, hoặc là những người đáp ứng được cơ bản những tố chất của nghề dạy học. Bởi, bên cạnh phẩm chất đạo đức, nhân cách, thì yêu cầu quan trọng nhất đối với giảng viên, báo cáo viên là cần phải có là năng lực sư phạm. Đối với đối tượng người học là cán bộ, đảng viên, trong đó có những người đã hoặc đang giữ những cương vị quan trọng trong xã hội, có trình độ cao, kinh nghiệm thực tiễn phong phú, thì giảng viên,

báo cáo viên cần phải là người có vị thế về trình độ, năng lực, nhất là về nhân cách giảng dạy...

Vậy, điều đầu tiên rút ra là, muốn nâng cao ý thức học tập lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên, trước hết, giảng viên, báo cáo viên phải tự xây dựng cho mình hình ảnh của một người có độ tin cậy cao về phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực thực tiễn trong mắt học viên. Khi đã có năng lực, trình độ, lại là người có phẩm chất chính trị, đạo đức trong sáng, chan chứa nhiệt tình cách mạng thì chắc chắn, việc “truyền lửa” của giảng viên, báo cáo viên sẽ hiệu quả.

*Thứ hai*, người học lý luận chính trị hầu hết là cán bộ, đảng viên, trong đó, nhiều người có trình độ cao, kinh nghiệm thực tiễn phong phú. Nếu giảng viên,



báo cáo viên không có phương pháp truyền đạt tốt thì hiệu quả học tập, sinh hoạt chính trị sẽ không cao; người học, người nghe sẽ thất vọng, tâm lý chán nản, ngại học chính trị là không tránh khỏi. Do đó, giảng viên, báo cáo viên cần nỗ lực nghiên cứu, tìm ra cho mình phương pháp giảng dạy, truyền đạt sao cho phù hợp nhất để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của học viên. Thực tế cho thấy, đây là một trong khâu yếu nhất trong giảng dạy, truyền đạt lý luận chính trị hiện nay.

Vì vậy, giảng viên, báo cáo viên phải chủ động nắm vững chương trình, nội dung giảng dạy (đối với các lớp tập trung); nắm vững nghị quyết, chỉ thị, chuyên đề cần giới thiệu truyền đạt (trong một cuộc sinh hoạt chính trị). Không chỉ “thuộc bài” mà còn phải “biết mười, nói một”. Bởi người nghe sẽ cảm thấy nhảm chán, mệt mỏi nếu giảng viên, báo cáo viên lèn bục chỉ chăm chú nhìn giáo án, nói theo sách vở những điều họ đã biết. Bên cạnh việc chủ động về kiến thức, nội dung để có thể giảng bài theo kiểu “thoát ly giáo án” cũng cần tránh chủ quan, khinh suất, không nên bỏ qua giáo án một cách tùy tiện, thiếu tôn trọng người nghe. Mặt khác, giảng viên, báo cáo viên chính trị cần phải sớm thích ứng với những thay đổi, phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ, thông tin và hội nhập sâu rộng. Trước những thông tin, kiến thức mới được cập nhật thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng và giảng viên, báo cáo viên cần phải “cân bằng” được chính mình trước những áp lực theo 2 chiều: Một là, bị lạc

**Muốn việc học tập lý luận chính trị đạt hiệu quả cao, người học phải có tâm thế chủ động, sẵn sàng tiếp nhận thông tin, kiến thức. Bởi, chỉ khi nào người học ý thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học tập lý luận chính trị thì khi đó mới tạo được cái nền, là “cánh đồng” đã được chuẩn bị sẵn để tiếp nhận sự “giáo hạt, cấy trồng”.**

hậu trước thông tin; khi nói thì những điều cần nói, người nghe đã “biết cả rồi”. Hai là, sa đà vào những thông tin mới, nóng mà quên đi tính định hướng, nhất là đối với những thông tin “bên lề”, thiếu tính chính xác, chưa được kiểm chứng... Đây là một yêu cầu đặc thù của giảng viên, báo cáo viên chính trị. Bởi lẽ, nguyên tắc “tính Đảng” không cho phép tùy tiện, muốn nói gì thì nói, mà phải bảo đảm tính tư tưởng, tính giáo dục trong từng bài giảng. Do vậy, phải chủ động cập nhật thông tin, tránh bị lạc hậu song cũng phải biết lựa chọn thông tin, như con chim “biết chọn hạt”, không nên nói để mà nói theo kiểu “thợ nói”.

Thứ ba, cần đổi mới mạnh mẽ phương pháp truyền đạt kiến thức theo hướng chuyển mạnh từ thuyết giảng bằng lời nói là chủ yếu sang kết hợp thuyết giảng có sử dụng công nghệ thông tin. Giảng viên, báo cáo viên khi biết sử dụng thuần thục công nghệ thông tin sẽ khai thác được thế mạnh của hình ảnh, âm thanh, biểu đồ... trong diễn đạt, minh họa bài giảng. Điều đó sẽ góp phần làm sinh động hơn bài giảng, bài nói tạo sức hấp dẫn, thu hút đối với người học, người nghe.

Thứ tư, trong giảng dạy lý luận chính trị, nhất là đối với những lớp học tập trung theo chuyên đề, giảng viên, báo cáo viên cần tích cực vận dụng phương pháp sư phạm “lấy người học làm trung tâm”... Tùy theo từng chuyên đề, căn cứ đối tượng người nghe, có thể nêu các vấn đề để học viên chủ động suy nghĩ, tham gia giải quyết thông qua trao đổi, tranh luận, gắn với thực tiễn địa phương, đơn vị.

Tóm lại, ngay cả trong điều kiện thuận lợi nhất, tính hiệu quả của việc giảng dạy, học tập lý luận chính trị đã và sẽ vẫn phụ thuộc rất lớn vào vai trò của giảng viên, báo cáo viên. Giảng viên, báo cáo viên là người cung cấp kiến thức, người dẫn dắt, người “hướng đạo”... để cán bộ, đảng viên tiếp cận với lý luận chính trị theo mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra; là người dem tiếng nói của Đảng đến với cán bộ, đảng viên; cũng là người truyền ngọn lửa cách mạng đến với quần chúng. Uy tín, năng lực của họ sẽ góp phần làm cho họ trở thành “linh hồn” trong các cuộc học tập, sinh hoạt chính trị. □

# PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG Ở VIỆT NAM

■ PGS. TS. NGÔ TUẤN NGHĨA

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Sự vận hành của thị trường dịch vụ công phản ánh trình độ văn minh của một quốc gia. Thị trường dịch vụ sự nghiệp công ở nước ta đang bộc lộ những hạn chế cần chú trọng thực hiện một số giải pháp.

## MỘT SỐ HẠN CHẾ CỦA THỊ TRƯỜNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG HIỆN NAY

Nếu như thị trường hàng hóa, dịch vụ thông thường đáp ứng nhu cầu trước mắt, hằng ngày, mang

tính ngắn hạn của các thành viên trong xã hội, thì thị trường dịch vụ sự nghiệp công tác động tới không chỉ trước mắt mà còn trong dài hạn, không chỉ tới một hoặc một số người mà là các thế hệ người trong xã hội. Chất

lượng dịch vụ giáo dục, chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng dịch vụ văn hóa, khoa học có tác động tới tư duy, tầm nhìn, trí tuệ và thể chất của các thế hệ. Do vậy, xét về lâu dài, xã hội có trở nên văn minh trong tương



Góc báo, tạp chí trong Thư viện Đại học Tôn Đức Thắng được đầu tư trang thiết bị hiện đại



Một ca phẫu thuật tại bệnh viện Vinmec

lai được hay không phụ thuộc rất chặt chẽ vào chất lượng của dịch vụ sự nghiệp công và sự vận hành của thị trường dịch vụ sự nghiệp công hiện nay.

Thị trường dịch vụ sự nghiệp công ở nước ta đang bộc lộ những hạn chế như:

Thứ nhất, thể chế cho sự vận hành của thị trường chưa hoàn thiện.

Sự chưa hoàn thiện này thể hiện trước hết ở hệ thống văn bản quy phạm pháp luật còn thiếu. Các văn bản mang tính thể chế cho sự vận hành của thị trường

Dịch vụ sự nghiệp công được hiểu là dịch vụ trong các lĩnh vực giáo dục đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa thể thao và du lịch, thông tin truyền thông và báo chí, khoa học công nghệ, kinh tế ...

dịch vụ sự nghiệp công hiện chủ yếu dựa vào Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về “*Cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập*”; Nghị định 141/NĐ-CP của Chính phủ quy định về “*Cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác*”;

còn nhiều bộ, ngành và Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố chưa ban hành đầy đủ văn bản để xác định danh mục sự nghiệp công của ngành, địa phương mình. Hiện còn thiếu nhiều thể chế liên quan tới các khía cạnh như: các quy định liên quan tới

cơ chế phối hợp, thực thi vai trò của các chủ thể tham gia thị trường dịch vụ sự nghiệp công chưa được xây dựng và ban hành; các quy định về chủ thể tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp công và vai trò quản lý của nhà nước trên thị trường dịch vụ sự nghiệp công còn rất chung, làm cho tính khả thi thấp.

*Thứ hai*, các quan hệ thị trường còn kém lành mạnh, chất lượng dịch vụ sự nghiệp công thấp.

Biểu hiện dễ nhận thấy nhất của sự kém lành mạnh và chất lượng dịch vụ sự nghiệp công còn thấp tập trung ở hai lĩnh vực y tế, giáo dục. Đối với dịch vụ sự nghiệp giáo dục, với bậc học cung ứng dịch vụ để có nhân lực chất lượng cao, hiện tượng hàng trăm ngàn sinh viên ra trường không kiếm được việc làm; hàng chục vạn người lao động (trong đó có cả nông dân) được đào tạo nghề qua các trung tâm dạy nghề công sử dụng ngân sách nhà nước, sau khi hoàn thành khóa đào tạo không phát huy được tay nghề... Điều này phản ánh sự thiếu ăn khớp giữa đào tạo với nhu cầu thị trường lao động, sự vắng bóng vai trò của Nhà nước trong điều tiết thị trường. Với bậc học phổ thông thì sự không trung thực trong cung ứng dịch vụ công đang diễn ra rất phổ biến. Dạy thêm, học thêm tràn lan không thể quản lý. Việc thành lập các trung tâm giáo dục ngoài công lập không phải vì mục đích cung ứng dịch vụ giáo dục tốt hơn cho học sinh mà chủ yếu để lách quy định hạn chế dạy thêm của ngành giáo dục. Điều đáng bàn là, nhiều trung tâm được mở ra phần lớn là thuê đất

**Tính cạnh tranh trong cung ứng dịch vụ sự nghiệp công còn thấp. Cơ chế thuận lợi cho việc tham gia thị trường của các thế ngoài Nhà nước chưa rõ, thiếu và vướng mắc khi vận dụng. Đây cũng là nguyên nhân lý giải cho việc chất lượng dịch vụ sự nghiệp công chưa được tốt hiện nay ở nước ta”.**

hoặc nhà của người dân, không được thiết kế công năng giáo dục cho nên rất nhếch nhác, thiếu môi trường sư phạm. Đây là một kiểu quan hệ thị trường dịch vụ rất kém văn minh. Tương tự như vậy, đối với lĩnh vực y tế, còn không ít méo mó, thiếu lành mạnh trong cung ứng và tiêu dùng dịch vụ sự nghiệp y tế. Điều rất đáng quan ngại là sự thiếu lành mạnh kể cả trong lĩnh vực dịch vụ giáo dục cũng như dịch vụ y tế có xu hướng trở thành phổ biến.

*Thứ ba*, các chủ thể tham gia thị trường dịch vụ sự nghiệp công thiếu đa dạng, vai trò điều tiết của Nhà nước trong thị trường dịch vụ sự nghiệp công chưa được phát huy tốt. Nhìn chung, hiện nay, đa phần các chủ thể tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp

công phần lớn vẫn đang sử dụng ngân sách nhà nước.

Về phía chủ thể quản lý nhà nước, vai trò điều tiết của Nhà nước thông qua việc định ra tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật để làm căn cứ cho sự vận hành của thị trường còn rất mờ nhạt. Tiêu chí đánh giá hiệu quả của chủ thể hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công làm căn cứ để đấu thầu, tuyển lựa công khai chủ thể cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa được ban hành đồng bộ.

Tác động cộng hưởng của các hạn chế nêu trên đang đặt thị trường dịch vụ sự nghiệp công ở nước ta đứng trước mâu thuẫn là: hệ thống chủ thể cung ứng dịch vụ sự nghiệp công có chất lượng phát triển chưa đa dạng, thiếu cân đối, chưa đầy đủ, dịch vụ sự nghiệp công chất lượng thấp, vai trò quản lý nhà nước chưa được phát huy tốt trong khi yêu cầu được thụ hưởng dịch vụ sự nghiệp công của nhân dân đòi hỏi ngày càng cao, dân chủ, minh bạch và công bằng hơn. Mâu thuẫn này nếu không sớm được giải quyết sẽ tác động ảnh hưởng rất tiêu cực tới tiến trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Vì vậy, trong nội dung về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5, khóa XII nhấn mạnh: “Hoàn thiện thể chế, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đầy đủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập về phạm vi hoạt động, tổ chức bộ máy, biên chế,

nhân sự và tài chính gắn với cơ chế đánh giá độc lập. Thực hiện xã hội hóa tối đa các dịch vụ công, bảo đảm quyền bình đẳng giữa các đơn vị sự nghiệp công lập và các đơn vị ngoài công lập tham gia cung cấp dịch vụ công theo cơ chế thị trường". Đây là định hướng quan trọng cho việc thúc đẩy sự phát triển thị trường dịch vụ sự nghiệp công trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

### **GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG**

Sự vận hành của thị trường dịch vụ công phản ánh trình độ văn minh của một quốc gia. Do đó, khi thúc đẩy phát triển thị trường dịch vụ sự nghiệp công ở Việt Nam, cần chú trọng thực hiện một số giải pháp sau:

*Thứ nhất*, hoàn thiện các cơ chế để thu hút sự tham gia đa dạng của các chủ thể cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

Mặc dù thị trường dịch vụ sự nghiệp công có vai trò quan trọng, nhu cầu lớn, song khi tham gia thị trường lại đòi hỏi các chủ thể ngoài nhà nước phải có năng lực chuyên môn, chuyên ngành cao. Điều này cần có thời gian, do đó, để có thể thu hút được đông đảo các chủ thể tham gia nhằm tạo sự cạnh tranh và sự minh bạch thị trường, Nhà nước cần xây dựng và hoàn thiện các thể chế cho sự tham gia thị trường của các chủ thể. Trong đó có thể chế về tiếp cận nguồn lực

**“Việc đấu thầu minh bạch sẽ tạo cơ hội cho nhiều chủ thể tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp công. Tuy nhiên, muốn minh bạch, tránh hiện tượng thông thầu, “quân xanh, quân đỏ”, lạm dụng đấu thầu để hình thành lợi ích nhóm trong cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cần có cơ chế chịu trách nhiệm giải trình đối với chủ thể tổ chức đấu thầu”.**

như đất đai, tín dụng, thuế, thủ tục thành lập đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công. Quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể và điều kiện tổ chức, hoạt động của đơn vị sự nghiệp công, sắp xếp chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công theo quy hoạch đã được các cấp có thẩm quyền giao, giao quyền tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công trực thuộc; quy định về chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công sang đơn vị sự nghiệp ngoài công lập hoặc doanh nghiệp; cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công. Các thể chế này cần được minh bạch hóa, tạo sự thông thoáng và tiết kiệm thời gian tối đa khi tiến hành thủ tục lập doanh nghiệp tham gia thị trường.

*Thứ hai*, phát huy vai trò quản lý của Nhà nước thông qua xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế về tiêu chuẩn kỹ thuật, quy hoạch, cơ chế tính giá dịch vụ.

Để thực hiện tốt vai trò điều

tiết của Nhà nước, các khía cạnh thể chế liên quan tới quản lý của nhà nước cần được hoàn thiện gồm: Hoàn thiện thể chế về các loại dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích môi trường cạnh tranh bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế có thể tham gia; Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, ban hành định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng cho lĩnh vực sự nghiệp công do Nhà nước quản lý, quy định về điều kiện đấu thầu, giao nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công; Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, hiệu quả của đơn vị sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; Quy định lộ trình tính giá, phí để đơn vị sự nghiệp công thực hiện và hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng chính sách sử dụng dịch vụ sự nghiệp công. Hiện nay, lộ trình tính giá theo Nghị định 141/2016/NĐ-CP quy định: đến năm 2018, tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp và chi phí quản lý (chưa tính khấu hao tài sản cố định); đến 2020, tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp và chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định. Tuy nhiên những quy định chi tiết cho việc tính đúng, tính đủ cần sớm được ban hành để các đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công áp dụng thống



nất. Đi liền với cơ chế về tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật, cơ chế về thanh tra, kiểm tra, xử phạt trong hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cũng cần sớm được hoàn thiện nhằm tạo môi trường lành mạnh trong cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

Thứ ba, thực hiện mạnh phương thức đấu thầu minh bạch, trách nhiệm giải trình của chủ thể cung ứng dịch vụ sự nghiệp công đối với một số loại dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước.

Bên cạnh đó cần hoàn thiện thể chế về phương thức lựa chọn

nà thầu. Cần căn cứ vào tiêu chí tổng thể, trong đó coi chất lượng cung ứng dịch vụ công tốt nhất, mang tính dài hạn, chứ không hẳn chỉ là giá bỏ thầu thấp nhất. Đi liền với hoàn thiện quy chế đấu thầu cần hoàn thiện quy chế giám sát hoạt động của nhà thầu trong cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, giảm thiểu hiện tượng sau khi trúng thầu lại không rõ trách nhiệm cung ứng dịch vụ sự nghiệp tốt nhất cho người dân. Thực hiện nguyên tắc lấy kết quả đầu ra để làm căn cứ lập dự toán và tính giá dịch vụ.

Thị trường dịch vụ sự nghiệp công có vai trò quan trọng, liên quan chặt chẽ tới tính chất định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam. Tuy nhiên, để thúc đẩy phát triển thị trường dịch vụ sự nghiệp công một cách hiệu quả, hệ thống thể chế liên quan đến sự tham gia và rút khỏi thị trường, thể chế quy định vai trò của Nhà nước, thậm chí thể chế quy định các phương thức cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cần sớm được hoàn thiện. □

# TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI - HIỆN THỰC VÀ HƯỚC CẤU

■ PGS. TS. NGUYỄN VĂN DÂN

Trong hơn 30 năm đổi mới, đặc biệt là trong những năm gần đây, đề tài lịch sử trở thành một chủ đề được quan tâm nhiều trong sáng tác văn học nước nhà. Nhiều nhà văn đã mạnh dạn đề xuất những cách nhìn mới về lịch sử, mở rộng tầm nhìn với những “chiều cạnh” mới trong quá khứ, tạo cơ sở cho tiểu thuyết lịch sử phát triển phong phú, đa dạng với những xu hướng khác nhau.

## MỘT SỐ XU HƯỚNG CHỦ YẾU CỦA TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

**V**ới cái nhìn tổng thể về bức tranh sáng tác tiểu thuyết lịch sử trong nền văn học Việt Nam đương đại, và xét theo góc độ mục đích và quan niệm nghệ thuật, chúng tôi cho rằng có ba xu hướng rõ nét trong tiểu thuyết lịch sử như sau.

### Tiểu thuyết lịch sử chương hồi khách quan

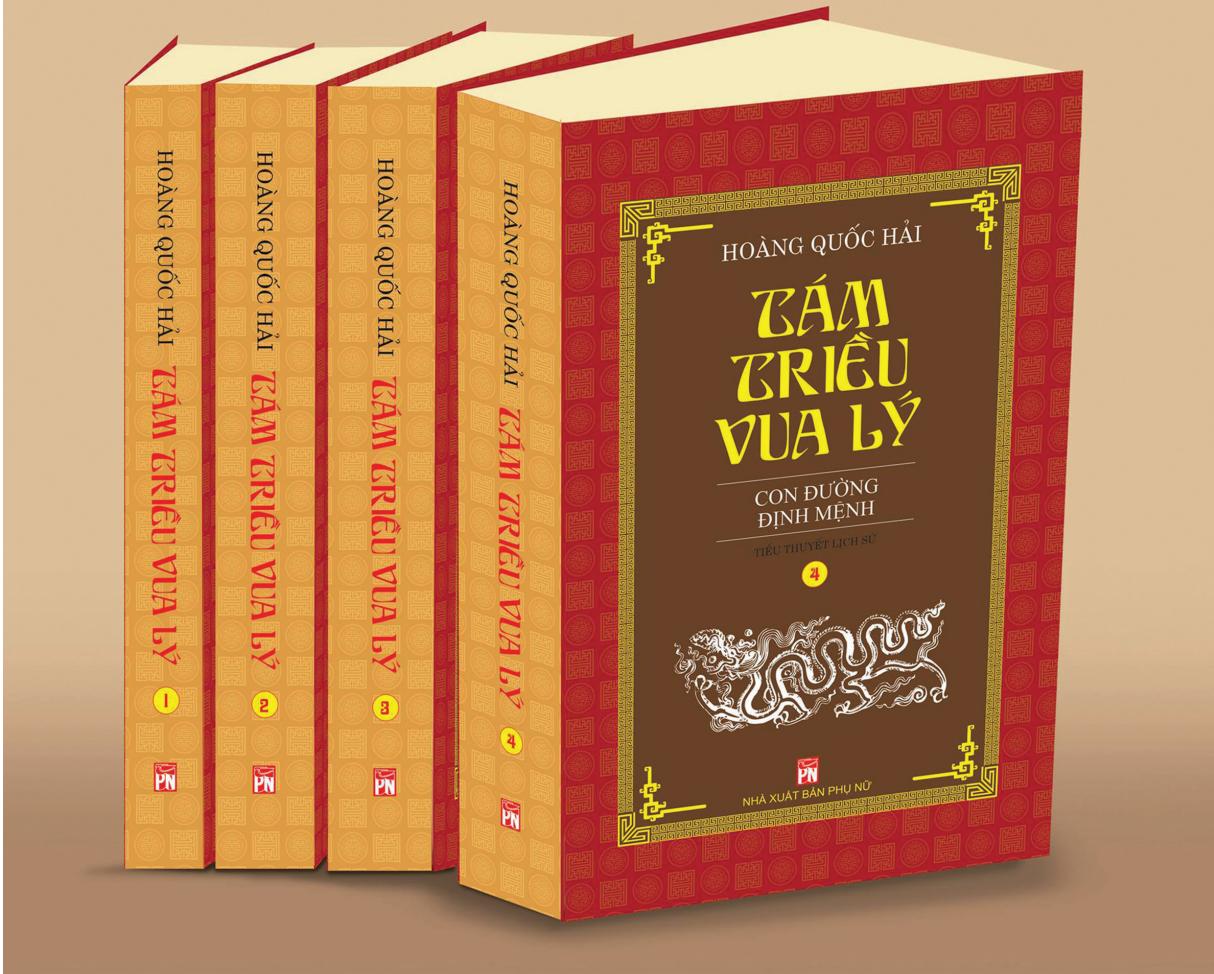
Nằm trong vùng văn hóa - văn học Đông Á, tiểu thuyết lịch sử nước ta ban đầu cũng chịu ảnh hưởng của tiểu thuyết lịch sử chương hồi Trung Quốc. Có thể nhận thấy mô hình tiểu thuyết lịch sử chương hồi của La Quán Trung (Trung Quốc) đã để dấu ấn trong nhiều bộ tiểu thuyết lịch sử của nước ta từ cuối thế kỷ XVII đến nay, rõ nét nhất là *Hoàng Lê nhất thống chí*

- cuốn tiểu thuyết lịch sử tiêu biểu của Ngô gia văn phái.

Thời kỳ đương đại, một số nhà văn vẫn tiếp tục khai thác đề tài lịch sử theo cấu trúc tiểu thuyết chương hồi. Điển hình cho xu hướng này là nhà văn Ngô Văn Phú với *Gươm thần Vạn Kiếp* (1991), *Ấn kiếm trời ban* (1998), *Cờ lau dựng nước* (1999), *Uy Viễn tướng công* (2003), *Lý Công Uẩn* (2006). Tất nhiên, cũng giống như Nguyễn Huy Tưởng trước đó, bút pháp của Ngô Văn Phú và các nhà văn hiện đại đã có sự cách tân - không “rập khuôn máy móc” theo tiểu thuyết chương hồi trước đây. Điều này cũng được thể hiện rất rõ trong bộ tiểu thuyết *Tây Sơn bi hùng truyện* của Lê Đình Danh (2 tập, Nxb. Văn hóa - Thông tin, 2006), mặc dù vẫn giữ nguyên tắc và “tinh thần chung” của mô hình tiểu thuyết lịch sử chương hồi. nhưng tác giả cũng chỉ đặt ra các “chương” chứ không gọi là “hồi” và mặc dù ở đầu mỗi chương, tác

giả vẫn đặt hai câu văn đối ngẫu (như tiểu thuyết chương hồi cổ điển) nhưng về cơ bản, văn phong và cấu trúc đã được làm mới một cách cần thiết.

Nhìn chung, từ những tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Huy Tưởng cho đến các tác giả thời kỳ đương đại như Ngô Văn Phú, Lê Đình Danh... mặc dù việc tái hiện lịch sử vẫn trên “lăng kính” chủ quan của người viết, nhưng các tác giả đều đã cố gắng thực hiện nhiệm vụ *tái hiện tuần tự* các sự kiện lịch sử theo một bút pháp khách quan, tránh can thiệp trực tiếp dẫn đến bóp méo hoặc làm sai lệch những giá trị nhân văn và nội dung cơ bản của lịch sử. Các tác giả để cho sự kiện và nhân vật tự thể hiện bối cảnh, tinh thần và ý nghĩa của thời đại *theo diễn biến tuyến tính của thời gian thực tế*. Người viết chỉ đóng vai kể chuyện ở ngôi thứ ba, còn lại là các đoạn đối thoại giữa các nhân vật. Chính điều đó giúp cho



nội dung của tiểu thuyết diễn ra như một bộ phim lịch đại. Bởi sức hấp dẫn của nó nằm ở các sự kiện và hành động của nhân vật, chứ không phải ở yếu tố bình luận của tác giả, cho dù là bình luận thông qua lời nhân vật. Vì thế ý nghĩa giáo dục lịch sử của tiểu thuyết thương hối nghiêm về tính thụ động, tức là phụ thuộc vào năng lực cảm thị và sự tiếp nhận của độc giả. Nhưng có lẽ vì vậy mà kiểu viết cổ điển này có vẻ như ít hấp dẫn các tác giả hiện đại.

**Tiểu thuyết lịch sử giáo huấn**  
Đa số các tác giả ngày nay muốn cải tiến cách viết về đề tài

lịch sử bằng lối viết *kể chuyện* *giáo huấn* mang tính sư phạm chủ động. Trong xu hướng này, Hoàng Quốc Hải là một đại diện.

Từ năm 1987 đến năm 1994, Hoàng Quốc Hải đã liên tục cho ra mắt độc giả bốn cuốn tiểu thuyết về triều Trần. Tiếp đó, hướng tới Kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội, ông lại miệt mài bắt tay viết bộ tiểu thuyết bốn tập *Tâm triều vua Lý* với độ dày khoảng 3.000 trang, bắt đầu từ năm 1994 và hoàn thành vào năm 2009. Thời gian này ông cũng viết bổ sung thêm hai tập tiểu thuyết về triều Trần (*Đuối quân Mông - Thát, Huyết chiến Bạch Đằng*) để cùng với bốn tập cũ làm thành

bộ *Bão táp triều Trần* hoàn chỉnh (cùng xuất bản với *Tâm triều vua Lý* năm 2010).

Trong các tác phẩm của mình, thông qua tuyến nhân vật, Hoàng Quốc Hải dành khá nhiều trường đoạn để biểu đạt, tự sự mang tính giáo huấn về nhân tình thế thái, về vai trò lịch sử của dân tộc. Đồng thời đưa ra những lời giáo huấn về nhân cách, đạo làm người, đạo nhân nghĩa. Theo ý kiến chủ quan của chúng tôi, việc Hoàng Quốc Hải thực hiện “văn chương hóa lịch sử” theo tinh thần giáo huấn là một đóng góp quan trọng cho xã hội nói chung và cho thể loại tiểu thuyết lịch sử nói riêng.

## *Tiểu thuyết lịch sử luận giải*

Nhà văn Nguyễn Xuân Khánh cho rằng tiểu thuyết lịch sử phải đi sâu khai thác các yếu tố như luận đề, tâm lý. Còn nhà văn Nguyễn Quang Thân thì nhấn mạnh đến sự tự do phóng khoáng của trực giác. Thực tế, qua tác phẩm của hai tác giả trên, có thể thấy, cùng với mục đích đổi mới bút pháp (không lựa chọn cách viết sứ phạm) Nguyễn Xuân Khánh và Nguyễn Quang Thân đã lựa chọn những giai đoạn và sự kiện lịch sử "có vấn đề" để khai thác và luận giải. Căn cứ vào đó, chúng tôi nêu lên một xu hướng thứ ba là *tiểu thuyết lịch sử luận giải* mà Nguyễn Xuân Khánh và Nguyễn Quang Thân là đại diện.

Mặc dù còn nhiều vấn đề phải bàn luận về nghệ thuật hư cấu, nhưng xu hướng thứ ba này dường như phù hợp với một quan điểm của giới nghiên cứu nước ngoài, khi đề cao phương châm chỉ đạo của triết học lịch sử và triết học văn hóa trong tiểu thuyết lịch sử, đồng thời cũng phù hợp với tâm lý đón nhận của công chúng thời hiện đại. Tuy nhiên, xu hướng này không giữ vị trí độc tôn, mà nó bổ sung cho hai xu hướng kia, qua đó góp phần nâng cao tính đa dạng, đa chiều và gia tăng sức hấp dẫn của tiểu thuyết lịch sử.

## **TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ VỚI VẤN ĐỀ HƯ CẤU**

Với xu hướng thứ ba nói trên, *hư cấu* lại trở thành một vấn đề cần phải bàn kỹ. Nếu như trong tiểu thuyết thông thường, hư cấu là kỹ thuật đương nhiên của nhà viết tiểu thuyết, thì đối với tiểu thuyết lịch sử, nghệ thuật hư cấu chính là lĩnh vực chủ yếu

**Hư cấu trong  
tiểu thuyết  
lịch sử có  
một nét đặc thù riêng  
(không giống với hư  
cấu của tiểu thuyết nói  
chung), đó là phải căn  
cứ vào sự kiện và nhân  
vật lịch sử có thật. Cho  
nên, phải khẳng định  
rằng, dù hư cấu ở mức  
độ nào thì cũng chỉ để  
góp phần tạo ra các  
tình tiết - giống như  
“chất phụ gia” cho lịch  
sử - chứ không thể và  
không được làm sai  
lệch hay xuyên tạc, phủ  
nhận lịch sử”.**

để nhà văn thể hiện sự sáng tạo của mình; để tác phẩm đúng là một cuốn tiểu thuyết lịch sử, chứ không phải là một công trình sử ký. Thông qua các sự kiện hư cấu còn thể hiện quan điểm của tác giả đối với lịch sử.

Tuy nhiên, hư cấu trong tiểu thuyết lịch sử có một nét đặc thù riêng (không giống với hư cấu của tiểu thuyết nói chung), đó là phải căn cứ vào sự kiện và nhân vật lịch sử có thật. Cho nên, phải khẳng định rằng, dù hư cấu ở mức độ nào thì cũng chỉ để góp phần tạo ra các tình tiết - giống như “chất phụ gia” cho lịch sử - chứ không thể và không được

làm sai lệch hay xuyên tạc, phủ nhận lịch sử.

Chính vì thế, theo quan điểm chung của các nhà lý luận thế giới cũng như của Việt Nam, hư cấu trong tiểu thuyết lịch sử phải có giới hạn. Hư cấu không được phép mâu thuẫn với lôgic của các sự kiện và cốt truyện lịch sử, phải đảm bảo tính chân thực lịch sử trong tiểu thuyết lịch sử. Bởi nếu không nó sẽ không phải là tiểu thuyết lịch sử mà chỉ là tiểu thuyết hư cấu thuần túy dựa trên sự vay mượn một đề tài hoặc truyền thuyết lịch sử. Giống như loại truyện viết về đề tài Faust của thế giới, hay loại truyện viết về đề tài Thúy Kiều của Trung Quốc và Việt Nam.

Theo chúng tôi, giới hạn của hư cấu trong truyện lịch sử chính là các sự việc và thời gian. Nghĩa là sự việc phải có thật, thời gian phải chính xác. Tất nhiên là sự việc đó xảy ra như thế nào thì nhà văn có thể “thêm bớt”, nhưng không được làm thay đổi bản chất của sự việc - sự kiện, hay nói khác đi là phải tôn trọng lịch sử. Tôn trọng sự sáng tạo là một nguyên tắc, nhưng nguyên tắc lớn hơn, cao cả hơn đối với tiểu thuyết lịch sử vẫn phải là lấy tính chính xác làm yếu tố nòng cốt. Bởi những chi tiết và sự kiện thiếu chính xác có thể sẽ dẫn đến những đánh giá sai lệch và những suy diễn chủ quan, làm cho người đọc hiểu sai lịch sử.

Gần đây, truyện ngắn *Bắt đầu và kết thúc* của Trần Quỳnh Nga đăng trên báo Văn nghệ số 50 năm 2017 đã gây ra nhiều tranh luận trên mạng xã hội và khiến dư luận, công chúng bạn đọc phản ứng mạnh, xung quanh chi tiết hư cấu về Trần Ích Tắc.



Chính sử đã ghi Trần Ích Tắc dù là hoàng thân nhà Trần, có tài văn võ, nhưng luôn nuôi mưu đồ tạo phản, bất trung với tham vọng thay thế ngôi vị của Thánh Tông và Nhân Tông. Khi nhà Nguyên xâm lược Đại Việt năm 1285, Trần Ích Tắc dẫn gia quyến xin hàng với hy vọng sau khi quân Nguyên đánh thắng quân dân nhà Trần, ông ta sẽ được nhà Nguyên phong làm vua Đại Việt. Tuy nhiên, quân Nguyên liên tiếp thất bại khiến Trần Ích Tắc tan vỡ kế hoạch và phải sống lưu vong ở Đại Nguyên đến hết đời.

Rõ ràng, dù xét ở góc độ nào thì Trần Ích Tắc cũng là một tội nhân bất trung và trên hết là tội phản bội Tổ quốc. Thế nhưng trong truyện, tác giả lại “gỡ tội” cho Trần Ích Tắc bằng tình tiết gắn vào miệng Thoát Hoan câu nhận định: “Chiêu Văn vương Trần Ích Tắc, một kẻ ngông cuồng,

một kẻ vì nước mà hy sinh cả tiền tài, danh vọng và thân phận của mình (chúng tôi nhấn mạnh) để làm một kẻ nội gián đáng chết.”

Sự việc Trần Ích Tắc đầu hàng là có thật. Trước khi đầu hàng, Trần Ích Tắc đã từng gửi thư riêng cho khách buôn ở Vân Đồn xin quân Nguyên xuống phía Nam. Như vậy, nếu có hư cấu thì chỉ có thể “thêm bớt” các tình tiết đầu hàng của Trần Ích Tắc chứ không thể cho rằng Trần Ích Tắc đầu hàng để làm nội gián, cho dù có đặt ý đó vào câu nói của Thoát Hoan. Vì sự thực lịch sử là Trần Ích Tắc vẫn được nhà Nguyên trọng dụng, phong nhiều chức tước và sống ở Đại Nguyên đến cuối đời. Cách đổi xử này không phải là sự “trả thù tội nội gián” như lời Thoát Hoan nói trong truyện. Ở đây, tác giả đã nhầm lẫn tình tiết với bản chất. “Nội gián” không phải là tình tiết của sự đầu hàng mà là bản chất ngược lại

của sự việc đầu hàng. Sự nhầm lẫn này đã vi phạm nguyên tắc hư cấu của truyện lịch sử.

Và có lẽ, điều cuối cùng cần lưu ý: hư cấu còn xuất phát từ quan niệm nghệ thuật của tác giả. Do đó, cũng không nên tuyệt đối hóa hư cấu khi đánh giá thành công nghệ thuật của nhà văn. Có nhà văn chủ trương trung thành với lịch sử, có nhà văn đề cao sự sáng tạo hư cấu... nhưng trên hết vẫn là sự tôn trọng sự thật khách quan; không thể vì nghệ thuật mà phủ nhận giá trị của lịch sử và danh dự - lợi ích quốc gia-dân tộc, hoặc làm đảo lộn lịch sử - “lập lờ đánh lận con den” giữa công và tội... Chính vì thế, dù theo trào lưu, trường phái nào, dù ở thời đại hay quốc gia nào, thành công nghệ thuật cũng cần phải được đánh giá một cách toàn diện từ nhiều góc độ, chứ không phải chỉ căn cứ vào nghệ thuật hư cấu. □

# TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ LỄ HỘI DÂN GIAN

■ PGS. TS. NGUYỄN HỮU THÚC

Lễ hội dân gian là bộ phận không thể thiếu trong đời sống tinh thần của nhân dân. Bên cạnh những nét đẹp văn hóa thể hiện ứng xử của con người, lễ hội dân gian cũng bộc lộ những hạn chế, những biến tướng đòi hỏi phải có sự tổ chức, quản lý chặt chẽ.

Theo thống kê của Cục Văn hóa cơ sở, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, ở nước ta hiện nay có khoảng 7.039 lễ hội dân gian trong tổng số 7.966 lễ hội (chiếm 88,36%).

## LỄ HỘI DÂN GIAN - VUI NHUNG NHIỀU YẾU KẾM

Hoạt động lễ hội dân gian diễn ra sôi động trên khắp cả nước, thu hút đông đảo nhân dân tham gia, nhất là những lễ hội có quy mô lớn, ở một số địa phương như Đền Hùng (Phú Thọ), Chùa Hương (Hà Nội), Đền Trần, Phủ Dầy (Nam Định), Côn Sơn-Kiếp Bạc (Hải Dương), Cố đô Hoa Lư (Ninh Bình), Yên Tử (Quảng Ninh), lễ hội núi Bà Đen (Tây Ninh), lễ hội Bà Chúa Xứ núi Sam (An Giang), lễ hội Huyền Trân công chúa (Thừa Thiên - Huế), lễ hội Lăng Ông Nam Hải (thị trấn Sông Đốc - Cà Mau), lễ hội Nghinh Ông (Cần Giờ - Thành phố Hồ Chí Minh)... Một số lễ hội dân gian của đồng bào các

dân tộc thiểu số được phục hồi, tổ chức theo nghi thức truyền thống, mang đậm dấu ấn tộc người và vùng, miền trong đó có những lễ hội đặc sắc được phục dựng như lễ hội Đập trống của người Ma Coong (Quảng Bình), lễ hội Nàng Han (Lai Châu, Lạng Sơn), lễ hội Cấp sắc (Cao Bằng), lễ hội dòng họ Mùa dân tộc Mông (Điện Biên), lễ hội Hao Trôi Va của người S'tiêng (Bình Phước), lễ hội Cầu mùa của dân tộc Tà Ôi (Thừa Thiên-Huế)...

Nhiều địa phương đã thực hiện có chất lượng, hiệu quả việc tổ chức lễ hội dân gian gắn với hoạt động du lịch, thu hút đông đảo du khách trong nước và ngoài nước, hình thành nhiều tour du lịch lễ hội dân gian, du lịch tâm linh gắn với di tích và lễ hội. Tiêu biểu như lễ hội khao lè thế lính Hoàng Sa tại huyện đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi); lễ hội Tháp Bà Ponagar (Khánh Hòa); lễ hội trên mây Sa Pa (Lào Cai); lễ hội chợ tình Khau Vai ở Mèo Vạc (Hà

Lễ hội dân gian phần lớn là những hoạt động do nhân dân là chủ thể tổ chức và hưởng thụ, được tổ chức định kì, lặp đi lặp lại với những sinh hoạt văn hóa tương đối ổn định, mang đậm bản sắc vùng, miền, địa phương; là bộ phận không thể thiếu trong đời sống tinh thần của nhân dân.

Giang); lễ hội đua bò ở Tịnh Biên (An Giang)...

Hầu hết lễ hội dân gian gắn với di tích, nhân vật lịch sử được tổ chức trang trọng, phát huy tốt ý nghĩa tưởng nhớ, tôn vinh các nhân vật lịch sử có công với nước, có nghĩa với dân, thẩm đạm chủ nghĩa yêu nước, nhân văn. Bên cạnh đó, việc tổ chức lễ hội dân gian đã tạo môi trường bảo tồn và phát huy các giá trị của di sản văn hóa dân tộc, đồng thời là dịp giới



Hát quan họ ở Bắc Ninh

thiệu những tinh hoa văn hóa của nhân loại. Thông qua đó cũng nhân lên tinh thần yêu nước, tình yêu quê hương, tính gắn kết cộng đồng, dân chủ làng xã, đoàn kết các dân tộc...; năng lực sáng tạo văn hóa của nhân dân cũng được phát huy tối đa từ lễ hội truyền thống. Các sinh hoạt văn hóa truyền thống trong lễ hội dân gian như tín ngưỡng, trò diễn, mỹ thuật, âm nhạc, ẩm thực, văn nghệ dân gian.... là tài sản vô giá, được ví như văn hóa “gốc”, văn hóa “cội nguồn”, “nguồn sữa mẹ”, của văn hóa dân tộc. Nhiều lễ hội

dân gian đã góp phần giải quyết việc làm và mang lại nguồn lợi kinh tế đáng kể cho địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc tổ chức lễ hội dân gian ở nước ta thời gian qua vẫn chưa khắc phục triệt để được một số hạn chế, yếu kém. Chỉ thị số 06/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 20-2-2017 “Về việc chấn chỉnh công tác quản lý, tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm” đã chỉ rõ: “Hoạt động tổ chức lễ hội vẫn còn biểu hiện thương mại hóa, lợi dụng lễ hội để trục lợi. Một số địa phương còn tùy

tiện trong việc cấp phép, nâng cấp, tăng tần suất, mở rộng quy mô tổ chức lễ hội; phục dựng lễ hội truyền thống không đúng, làm sai lệch các nghi thức truyền thống. Một số lễ hội còn tồn tại những tập tục cũ không phù hợp, gây phản cảm...; tranh giành, deo bám khách du lịch làm mất an ninh trật tự; lợi dụng các trò chơi biến tướng sang đánh bạc trả hình; việc thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội còn yếu kém...; công tác vệ sinh môi trường và thu gom rác thải một số nơi làm chưa tốt”.



Trống hội mùa Xuân

Thực tế hiện nay, hoạt động lễ hội dân gian vẫn đang diễn ra với nhiều biểu hiện tiêu cực như: “lễ” lấn “hội”; “nhà nước hóa lễ hội”. “thương mại hóa” lễ hội; ganh đua, tổ chức phô trương thanh thế dòng họ, làng xã trong lễ hội...

Một số nơi nhận thức sai lệch về mục đích tổ chức lễ hội, coi di tích và lễ hội là nguồn lợi riêng của địa phương nên tập trung khai thác giá trị kinh tế,

hoạt động dịch vụ, làm giảm tính nhân văn – văn hóa truyền thống của lễ hội. Cùng với việc xuất hiện trở lại hiện tượng mê tín dị đoan - truyền bá duy tâm thần bí, tình trạng dâng cúng thức ăn chín, bày biện dâng đồ lễ tối kém vẫn diễn ra ở nhiều nơi.

Không gian hội đang bị thu hẹp do đô thị hóa. Không gian thiêng của lễ và hội bị không gian dịch vụ sinh lời lấn át. Hiện tượng nâng giá, ép giá, lưu hành

ấn phẩm không được phép xuất bản, hành khất, đeo bám khách du lịch, trộm cắp, cờ bạc... chưa giảm ở một số lễ hội lớn, ảnh hưởng mỹ quan môi trường, an ninh trật tự. Hiện tượng đặt lễ và giắt tiền, thả tiền ở nơi thờ tự, giếng nước vẫn tiếp diễn. Một số nơi thờ tự trong khuôn viên lễ hội còn đặt nhiều hòm công đức, bàn ghi phiếu công đức... Cơ sở hạ tầng ở nhiều lễ hội chưa đáp ứng, năng lực quản lý, điều hành



**“Việc cấp giấy phép mở hội được thực hiện nghiêm theo quy chế tổ chức lễ hội; hướng dẫn lễ hội tổ chức phù hợp với truyền thống văn hóa và điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương. Các tổ chức chính trị - xã hội đã tích cực vận động, giáo dục hội viên thực hiện nghiêm nếp sống văn minh khi tham gia tổ chức và hành lễ ở các lễ hội dân gian”**

hạn chế nên ách tắc giao thông diễn ra phổ biến v.v..

### CÔNG TÁC QUẢN LÝ LỄ HỘI DÂN GIAN

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo sát sao đối với công tác quản lý và tổ chức lễ hội. Việc cấp giấy phép mở hội được thực hiện nghiêm theo quy chế tổ chức lễ hội; hướng dẫn lễ hội tổ chức phù hợp với truyền thống

văn hóa và điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương. Các tổ chức chính trị - xã hội đã tích cực vận động, giáo dục hội viên thực hiện nghiêm nếp sống văn minh khi tham gia tổ chức và hành lễ ở các lễ hội dân gian. Hầu hết địa phương đã quan tâm đến công tác quảng bá, tuyên truyền giá trị của lễ hội dân gian, gắn lễ hội với phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Các phương tiện thông tin đại chúng đã bám sát cơ sở, phản ánh kịp thời những giá trị tiêu biểu, cũng như tích cực phê phán những hiện tượng, sự việc tiêu cực trong lễ hội...

Tuy vậy, việc quản lý lễ hội dân gian trong thời gian qua vẫn

còn không ít yếu kém đặt ra yêu cầu cần sớm chấn chỉnh.

*Thứ nhất*, các cấp ủy Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể cần nâng cao trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác quản lý lễ hội dân gian.

*Thứ hai*, khẩn trương hoàn thiện khung pháp lý về quản lý lễ hội dân gian; điều chỉnh, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng chế tài xử lý những vi phạm; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra lễ hội; đầu tư nghiên cứu sâu làm rõ cơ sở khoa học liên quan đến thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội để ứng dụng vào thực tiễn. Chấn chỉnh việc nhân danh xã hội hóa lễ hội để trục lợi; khuyến khích người dân, cộng đồng tự quản tổ chức các lễ hội truyền thống, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc; kiên quyết bài trừ tệ nạn xã hội, các tiêu cực滋生 sinh tại lễ hội; uốn nắn hiện tượng phô trương, lăng phí trong tổ chức lễ hội.

*Thứ ba*, đẩy mạnh công tác tuyên truyền dưới nhiều hình thức, nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức của toàn xã hội về thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội; giới thiệu các giá trị lịch sử, văn hóa của lễ hội, tôn vinh người tốt việc tốt, các điển hình tiên tiến; định hướng dư luận xã hội và giáo dục thẩm mĩ về lễ hội trong các tầng lớp nhân dân. Đồng thời, tạo dư luận mạnh mẽ phê phán các hành vi tiêu cực, vụ lợi trong tổ chức và quản lý lễ hội. Hướng dẫn, tuyên truyền để các tầng lớp nhân dân hiểu đúng về giá trị của những tập tục, lễ nghi, lễ thức, trò diễn... trong lễ hội dân gian. Cơ



Dâng bánh chưng, bánh giày cúng giỗ Tổ Hùng Vương

quan quản lý ở các địa phương cần liên hệ mật thiết với các cơ quan nghiên cứu văn hóa, khoa học và người dân nhất là những bậc cao niên, những người am hiểu sâu về phong tục tập quán để tổ chức hội thảo, tọa đàm... để “giải mã” chỉ ra giá trị đích thực của các sự vật, hiện tượng văn hóa trong lễ hội dân gian.

Thứ tư, củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức văn hóa cấp xã làm tốt chức năng tham mưu về quản lý lễ hội dân gian.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sớm tiến hành điều tra, đánh giá đúng thực trạng phẩm chất, năng lực quản lý, từ đó, tập trung nâng cao trình độ của đội ngũ công chức văn hóa cấp xã trên địa bàn toàn quốc. Đây là một nhiệm vụ trọng tâm, xuyết suốt trong xây dựng đời sống văn hóa cơ sở ở nước ta hiện nay.

Thứ năm, các địa phương cần quan tâm khai thác các nguồn lực xã hội hóa một cách hợp lý, hiệu quả và khoa học trong công

tác tổ chức lễ hội. Tranh thủ các nguồn tài trợ của các doanh nghiệp đóng trên địa bàn, các tổ chức xã hội, cá nhân có lòng hảo tâm, đồng thời động viên dân chúng, nhất là lớp trẻ tự nguyện tham gia lễ hội.

Thứ sáu, công tác quản lý lễ hội cần xử lý hài hòa, hợp lý mối quan hệ giữa tổ chức lễ hội dân gian đáp ứng nhu cầu văn hóa của người dân với việc quảng bá thu hút khách và quản lý du khách đến với lễ hội. □

# DU LỊCH VIỆT NAM HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

□ NGUYỄN VĂN TUẤN

Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch

Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; có tính chuyên nghiệp, có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, cạnh tranh được với các nước trong khu vực.

## NHỮNG DẤU ẨN CỦA DU LỊCH VIỆT NAM

Giai đoạn 2011-2017, ngành du lịch bước vào tăng trưởng nhanh, đặc biệt trong 2 năm 2016 và 2017. Số lượng khách du lịch quốc tế tăng 2,1 lần, trung bình 14%/năm, (từ hơn 6 triệu lượt

năm 2011 lên hơn 12,9 triệu lượt năm 2017); khách du lịch nội địa tăng 2,4 lần, trung bình 16%/năm, (từ 30 triệu lượt năm 2011 lên 73,2 triệu lượt năm 2017); tổng thu từ khách du lịch tăng 3,9 lần, trung bình 36%/năm, (từ

130.000 tỷ đồng năm 2011 lên 511.000 tỷ đồng năm 2017). Đóng góp trực tiếp của ngành du lịch ước đạt 7,5% GDP.

Khép lại năm 2017, bên cạnh những con số nổi bật, là những



Phong Nha - Kẻ Bàng  
(Quảng Bình)



**Hang Sơn Đoòng (Quảng Bình)**

sự kiện, dấu ấn đáng nhớ trong lịch sử ngành du lịch: Nghị quyết số 08-NQ/TW ban hành ngày 16-01-2017 của Bộ Chính trị “Về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn” (Nghị quyết 08-NQ/TW ban hành); Luật Du lịch 2017 được Quốc hội phê chuẩn, có hiệu lực từ năm 2018; sự phát triển mạnh mẽ của du lịch Việt Nam với nhiều dự án đầu tư du lịch hiện đại, quy mô lớn, chất lượng cao được phê duyệt ở các địa bàn trọng điểm như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Phú Quốc, Khánh Hòa, Quảng Ninh, Đà Nẵng. Trong đó nổi bật

vai trò của các nhà đầu tư chiến lược trong nước như Sun Group, Vin Group, Muong Thanh Group, FLC, CEO Group, BIM Group và nhiều nhà đầu tư quốc tế lớn; du lịch Việt Nam gặt hái nhiều giải quốc tế lớn như Giải thưởng “Nhà điều hành tour du lịch trọn gói hàng đầu thế giới năm 2017” cho Vietravel, giải thưởng “Khu nghỉ dưỡng sang trọng bậc nhất thế giới” lần thứ 4 liên tiếp cho Khu nghỉ dưỡng InterContinental Danang Sun Peninsula Resort, giải thưởng “Khu nghỉ dưỡng mới đẳng cấp nhất thế giới” cho Khu nghỉ dưỡng JW Marriott Phu

Quoc Emerald Bay, Việt Nam được bình chọn là “Điểm đến du lịch golf hấp dẫn nhất khu vực châu Á - Thái Bình Dương năm 2017” và được Hiệp hội phóng viên du lịch Thái Bình Dương bình chọn là “Điểm đến đang nổi đối với du lịch sang trọng”...

Thành công của du lịch Việt Nam trong những năm qua, đặc biệt là năm 2017 là kết quả từ sự quan tâm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước trong việc ban hành những chủ trương, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch; cùng sự nỗ lực của các địa phương, doanh nghiệp đã

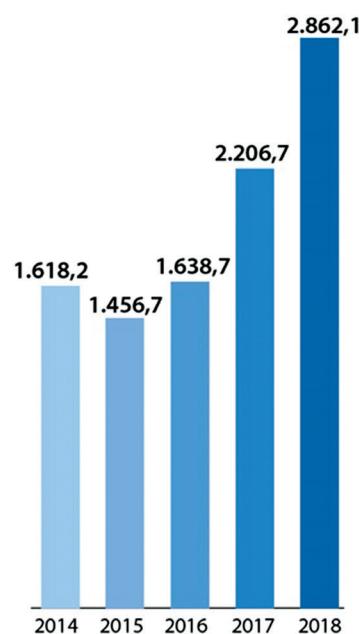


## 2 tháng đầu năm 2018, khách quốc tế tăng 29,7%

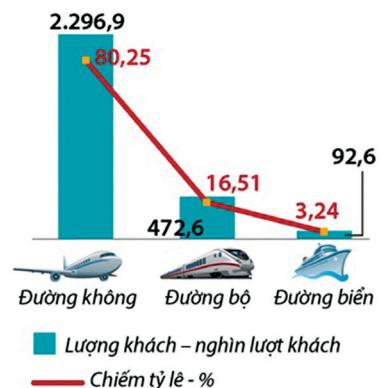
Tính chung 2 tháng đầu năm 2018, khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 2.862,1 nghìn lượt người, tăng 29,7% so với cùng kỳ năm trước.



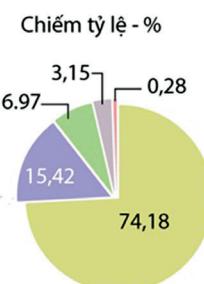
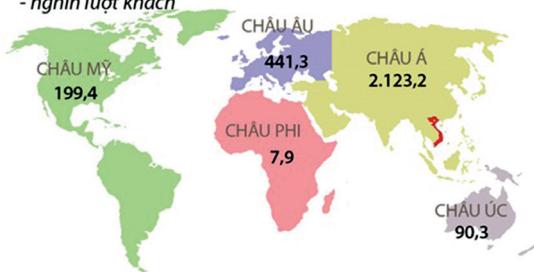
LƯỢNG KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM  
TRONG 2 THÁNG ĐẦU NĂM  
nghìn lượt khách



LƯỢNG KHÁCH QUỐC TẾ TRONG 2 THÁNG  
ĐẦU NĂM 2018 THEO PHƯƠNG TIỆN



LƯỢNG KHÁCH QUỐC TẾ TRONG 2 THÁNG ĐẦU NĂM 2018 THEO KHU VỰC  
- nghìn lượt khách



hình thành hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch tương đối hiện đại, đạt đẳng cấp quốc tế. Các bộ, ngành, địa phương đã có sự phối hợp chặt chẽ hơn trong chiến lược, kế hoạch phát triển du lịch. Hoạt động xúc tiến quảng bá và giao lưu kinh tế, thương mại, văn hóa giữa Việt Nam với các thị trường thế giới được phát huy hiệu quả.

### NHIỆM VỤ CỦA NGÀNH DU LỊCH TRONG THỜI GIAN TỚI

Đến nay, nền tảng về định hướng và khung chính sách phát triển du lịch đã được hình thành,

Nguồn: Tổng cục Thống kê

<http://infographics.vn>

© TTXVN  
Vietnam News Agency



trụ cột là Nghị quyết 08-NQ/TW; Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết 08-NQ/TW; Luật Du lịch năm 2017 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn.

Để đưa các chính sách và những quy định pháp luật vào cuộc sống, ngành du lịch cần triển khai nhiều nhiệm vụ, trong đó trọng tâm là: 1) Điều chỉnh chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển du lịch; 2) Cơ cấu lại ngành du lịch; 3) Liên kết chuỗi giá trị đầu vào của các ngành hình thành sản phẩm du lịch; 4) Nâng cao hiệu quả xúc tiến, quảng bá du lịch; 5) Ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch; 6) Nghiên cứu, đề xuất mô hình hệ thống tổ chức, quản lý ngành du lịch.

Từ giữa năm 2017 đến nay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã triển khai xây dựng Đề án Cơ cấu lại ngành du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn, trong đó tập trung

vào các nhóm nhiệm vụ chính như sau:

*Một là*, cơ cấu lại nguồn lực phát triển, phân định rõ cơ cấu của các nguồn lực, sự tham gia, đóng góp của các chủ thể tham gia vào hoạt động du lịch.

*Hai là*, chú trọng phát triển sản phẩm du lịch theo định hướng thị trường và dựa trên thế mạnh của du lịch Việt Nam với yêu cầu chất lượng tầm cỡ quốc tế, có giá trị gia tăng cao, đem lại lợi ích kinh tế lớn; phát triển các sản phẩm du lịch chuyên biệt, sáng tạo, du lịch giải trí, mua sắm.

*Ba là*, tiếp tục duy trì và phát triển nguồn khách ổn định từ các thị trường Đông Nam Á, Nhật Bản, Hàn Quốc, châu Âu, Mỹ, Úc, đồng thời chú trọng thu hút khách từ các thị trường có tiềm năng lớn như Trung Quốc, Ấn Độ và những thị trường mới nổi khác.

*Bốn là*, tạo cơ chế khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp lớn đóng góp vào quá trình cơ cấu lại ngành du lịch, nhất là

các doanh nghiệp thu hút nhiều khách du lịch quốc tế đến, trực tiếp đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch; đồng thời, tạo môi trường thuận lợi để các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển.

*Năm là*, thúc đẩy sự tham gia vào công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch của các doanh nghiệp, đẩy mạnh xã hội hóa công tác phát triển nguồn nhân lực du lịch; quan tâm đào tạo cả đội ngũ lao động nghề du lịch, quản lý doanh nghiệp và quản lý nhà nước, nhấn mạnh các yêu cầu của đầu ra dựa trên nhu cầu thực tế theo tiêu chuẩn quốc tế.

*Sáu là*, nhanh chóng đưa các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Du lịch 2017 vào cuộc sống; hoàn thiện hệ thống pháp luật về du lịch và các lĩnh vực liên quan; kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về du lịch theo hướng đồng bộ, chuyên nghiệp, hiệu lực và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý liên ngành, liên vùng của hoạt động du lịch.



Bên cạnh đó, trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra mạnh mẽ, ngành du lịch toàn cầu đang có những thay đổi lớn, đòi hỏi ngành du lịch Việt Nam cần có sự thích ứng, thay đổi phương thức quản lý và kinh doanh du lịch.

### **MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐỐI VỚI NGÀNH DU LỊCH**

Theo Nghị quyết 08-NQ/TW, năm 2020, ngành du lịch phấn đấu đón 20 triệu lượt khách du lịch quốc tế; 82 triệu lượt khách du lịch nội địa; đóng góp trực tiếp trên 10% GDP. Năm 2018, du lịch Việt Nam phấn đấu đón 15-17 triệu lượt khách du lịch quốc tế, tăng 15-30% so với năm 2017; phục vụ 78-80 triệu lượt khách du lịch nội địa, tăng 7-9% so với năm 2017; tổng thu từ khách du lịch đạt 620.000 tỷ đồng, tăng 21% so với năm 2016.

Cùng với việc chú trọng các mục tiêu kinh tế, phát triển

bền vững cũng là yêu cầu đặt ra đối với ngành du lịch Việt Nam trong thời gian trước mắt và lâu dài. Mục tiêu phát triển bền vững ngành du lịch góp phần quan trọng vào thực hiện cam kết của Việt Nam đối với các nỗ lực quốc tế trong quá trình hiện thực hóa 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc. Đặc biệt là các mục tiêu số 8 (Việc làm tốt và tăng trưởng kinh tế), mục tiêu số 12 (Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm), mục tiêu số 11 (Phát triển các thành phố và cộng đồng bền vững), mục tiêu số 14 (Cuộc sống/môi trường dưới nước), mục tiêu số 15 (Cuộc sống/môi trường trên mặt đất) và mục tiêu số 16 (Hòa bình, công lý và xây dựng thể chế vững mạnh). Ngoài ra, phát triển bền vững còn gián tiếp góp phần hiện thực hóa các mục tiêu khác.

Phát triển du lịch bền vững là yêu cầu, mục tiêu quan trọng của du lịch Việt Nam nhằm duy trì và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Trong đó tập trung vào những nội dung sau đây:

***Một là***, tăng cường phát triển du lịch văn hóa gắn với các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể nổi bật của đất nước; phát huy các giá trị văn hóa từ phong tục tập quán, lối sống, sinh hoạt cộng đồng trong phát triển du lịch.

***Hai là***, đề cao công tác đánh giá, quản lý, hạn chế tối đa tác động môi trường tự nhiên đối với các dự án phát triển du lịch; kiên quyết không để phát triển du lịch làm xâm hại đến môi trường tự nhiên tại các khu du lịch.

***Ba là***, đề cao hiệu quả về việc làm và xã hội đối với phát triển du lịch, tạo điều kiện cho cộng đồng địa phương tham gia và hưởng lợi từ phát triển du lịch, phấn đấu đến năm 2020 tạo ra 4 triệu việc làm, trong đó có 1,6 triệu việc làm trực tiếp.

***Bốn là***, phát triển du lịch phải dựa trên nền tảng và đóng góp vào việc bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội. □

# CÔNG BẰNG, CHIA SẺ VÀ BAO PHỦ TOÀN DÂN LÀ ĐÍCH ĐẾN CỦA BẢO HIỂM XÃ HỘI

□ TS. NGUYỄN KIM PHƯỢNG

Ban Tuyên giáo Trung ương

**Bảo hiểm xã hội (BHXH) là một trong những trụ cột quan trọng nhất của hệ thống an sinh xã hội, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm và phát huy quyền con người, vừa là động lực vừa là mục tiêu phát triển xã hội.**

**1** Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm phát triển hệ thống BHXH để bảo đảm cho mọi người dân được tiếp cận bình đẳng, công bằng với các chính sách BHXH hiện hành.

Các quan điểm, chủ trương của Đảng, hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước về BHXH ngày càng được hoàn thiện. Qua hơn 20 năm triển khai chính sách BHXH, bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc xây dựng và thực thi chính sách này còn bộc lộ không ít hạn chế và đứng trước những thách thức lớn, đặc biệt là những thách thức trong việc hướng tới mục tiêu công bằng, chia sẻ và bao phủ toàn dân.

Thứ nhất, mở rộng và tăng nhanh diện bao phủ bảo hiểm là một trong những thách thức lớn nhất.

Tỷ lệ người dân tham gia BHXH còn thấp. Tính đến năm 2017, cả nước mới đạt 30,4% lực lượng lao động trong độ

tuổi tham gia BHXH; tỷ lệ tham gia bảo hiểm tự nguyện sau 10 năm triển khai còn thấp, chỉ có 300.000 người trong tổng số 40 triệu lao động ở khu vực phi chính thức, không có quan hệ lao động tham gia. Hiện cả nước còn 69,6% người lao động trong độ tuổi chưa tham gia BHXH. Mục tiêu đến năm 2020 đạt được 50% người lao động tham gia BHXH như đã nêu trong Nghị quyết số 21-NQ/TW của Bộ Chính trị về BHXH, BHYT sẽ khó đạt được. Mặc dù thời gian qua, số người tham gia BHXH tăng, song không nhiều và không bền vững. Chưa kể, mỗi năm có trên 600.000 lao động rút khỏi thị trường lao động và muôn nhận BHXH một lần, làm cho con số thực tế tăng không đáng kể.

Tỷ lệ bao phủ theo đối tượng, phát triển đối tượng tham gia BHXH còn dưới mức tiềm năng. Họ kinh doanh cá thể, người tự kinh doanh, người lao động làm

việc theo chế độ linh hoạt... là những nhóm đối tượng bảo hiểm cần hướng tới. Chính sách BHXH cho khu vực phi chính thức mới giới hạn ở chế độ ưu trí tử tuất; hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho đối tượng tham gia BHXH tự nguyện chưa đủ sức hấp dẫn. Diện bao phủ ở khu vực nông thôn, khu vực không có quan hệ lao động còn thấp.

Bao phủ theo tỷ lệ chi, mức chi đang đứng trước nhiều khó khăn do những thách thức từ khả năng cân đối quỹ BHXH. Tỷ lệ số chi trên số thu vào quỹ ưu trí và tử tuất có xu hướng tăng lên. Tỷ lệ hưởng lương ưu trên số năm đóng góp ở Việt Nam khá cao so với thế giới, mức tối đa là 75% cho 30 năm đối với nam và 25 năm đối với nữ. Tỷ lệ lượt người hưởng chế độ ốm đau, thai sản trên số người tham gia BHXH tăng gấp 2-3 lần sau 10 năm; số chi từ quỹ ốm đau và thai sản tăng nhanh hơn số thu; nếu không có



các giải pháp điều tiết kịp thời và kiểm soát lạm dụng, trực lợi sẽ có nguy cơ tạo gánh nặng cho ngân sách nhà nước...

*Thứ hai*, một số nguyên tắc công bằng, đóng - hưởng, chia sẻ chưa được thực hiện một cách đầy đủ.

Mức lương ưu thiết kế chưa hợp lý, nặng về nguyên tắc đóng - hưởng, chưa thực sự chú trọng đến nguyên tắc chia sẻ gây ảnh hưởng nhất định đến mức sống của những người hưởng chế độ ưu trí, làm cho sự phân hóa giàu nghèo giữa những người nghỉ hưu có xu hướng gia tăng. Với cách điều chỉnh lương hưu đồng loạt theo một tỷ lệ nhất định thì người đang hưởng lương hưu cao

sẽ có mức lương càng cao; trong khi người hưởng mức lương ưu thấp, đời sống khó khăn thì mức tăng lương ưu không đáng kể, nhiều trường hợp mức tăng không đủ bù trượt giá. Theo thống kê, hiện nước ta có trên 60% người hưởng lương ưu có mức lương ưu ở mức thấp dưới mức lương ưu bình quân. Quy định về điều kiện tối thiểu được hưởng lương ưu quá chặt chẽ dẫn đến số người đang tham gia rời bỏ hệ thống BHXH trước tuổi nghỉ hưu khá lớn. Trong khi đó, điều kiện hưởng bảo hiểm một lần lại khá dễ dàng.

Mức hưởng chế độ ốm đau, thai sản còn có sự khác biệt giữa những người lao động trong các

khu vực khác nhau trong khi quy định có cùng một mức đóng. Tình trạng nợ đọng, tình trạng lợi dụng quy định của chính sách để hưởng lợi, trực lợi quỹ BHXH với nhiều biểu hiện tinh vi, ảnh hưởng đến tính bền vững tài chính và sự công bằng trong thực hiện chính sách.

*Thứ ba*, hệ thống BHXH còn thiết kế đơn tầng, thiếu sự kết nối, chia sẻ.

Các chính sách BHXH hiện hành còn thiếu sự linh hoạt, chia sẻ, kết nối với các chính sách khác như: chính sách tạo việc làm, chính sách hỗ trợ chuyển đổi việc làm, chính sách giảm nghèo bền vững, chính sách hỗ trợ người khuyết tật...

## Thông tuyến bảo hiểm y tế: Chính sách thuận lòng dân

Thông tuyến khám chữa bệnh bảo hiểm y tế (KCB BHYT) là một trong những chính sách được dư luận hoan nghênh nhất trong năm 2016. Chính sách này đã thu hút, mở rộng đối tượng tham gia BHYT, đổi mới cung cách phục vụ của cơ sở KCB và được coi là giải pháp hiệu quả tiến tới thực hiện mục tiêu BHYT toàn dân.

Từ 1/1/2016, người tham gia BHYT đi KCB vượt tuyến tại bệnh viện tuyến huyện trong cùng địa bàn tỉnh được bảo hiểm thanh toán 100% chi phí KCB

● Năm 2015    ● Năm 2016

### THÔNG TUYẾN THÚC ĐẨY CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM ĐI VÀO ĐỜI SỐNG

Tỷ lệ dân số tham gia BH - %



76



81,7

Cơ sở KCB tư nhân tham gia KCB BHYT



504



596



8,6



18

### NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁT SINH:



Số lượt KCB BHYT ở tuyến xã giảm, tuyến huyện tăng



Tăng chi quỹ BHYT



Lạm dụng, trực lợi quỹ BHYT ở cả cơ sở KCB và người bệnh



Cạnh tranh không lành mạnh của các cơ sở KCB làm gia tăng chi phí KCB BHYT



Nguồn: Bộ Y tế, Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

<http://infographics.vn>

© **TTXVN**  
Vietnam News Agency

Chính sách bảo hiểm tai nạn, lao động, bệnh nghề nghiệp mới tập trung vào lĩnh vực trợ cấp, khắc phục rủi ro, chưa có sự kết nối linh hoạt với các chính sách an sinh xã hội khác để chủ động phòng ngừa rủi ro.

Bảo hiểm thất nghiệp chưa thực sự hỗ trợ các chính sách BHXH khác để duy trì và mở rộng độ bao phủ, bảo đảm an sinh xã hội và thúc đẩy tăng trưởng theo nghĩa rộng. Người lao động chú trọng nhận trợ cấp thất nghiệp thay vì quan tâm đến các chính sách có giá trị cốt lõi khác như: đào tạo nghề, duy trì việc làm... Do đó, bảo hiểm thất nghiệp chưa thực sự trở thành công cụ quản trị thị trường lao động.

**2** Để hoàn thiện chính sách BHXH theo hướng công bằng, chia sẻ, tiến tới bao phủ toàn dân, cần thực hiện một số nội dung trọng tâm như sau:

*Thứ nhất*, nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc triển khai thực hiện chính sách BHXH.

*Thứ hai*, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, truyền thông về thực hiện chính sách BHXH.

*Thứ ba*, tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về BHXH.

Sửa đổi Luật BHXH theo hướng mở rộng đối tượng tham gia, tiến tới thực hiện BHXH cho toàn dân; thiết kế hệ thống BHXH đa tầng, đa dạng, linh hoạt, tăng cường tính chia sẻ, tăng cường sự liên kết, chia sẻ giữa các chính sách xã hội với chính sách BHXH.

Mở rộng chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với người tham

**“Hoàn thiện  
các quy định  
về đóng -  
hưởng bảo hiểm, từng  
bước thực hiện nguyên  
tắc “đóng - hưởng”, gắn  
với việc điều chỉnh tuổi  
nghỉ hưu ở một số lĩnh  
vực, ngành nghề nhất  
định phù hợp với điều  
kiện phát triển kinh tế -  
xã hội của đất nước”.**

gia các loại hình BHXH, nhất là BHXH tự nguyện cho nông dân, lao động trong khu vực phi chính thức, đặc biệt là các đối tượng chính sách. Áp dụng thêm các loại BHXH mới phù hợp với nhu cầu nhân dân. Sửa đổi chính sách bảo hiểm thất nghiệp để bảo đảm quyền lợi chính đáng của người lao động bị thất nghiệp và tránh trực lợi bảo hiểm.

Hoàn thiện các quy định về đóng - hưởng bảo hiểm, từng bước thực hiện nguyên tắc “đóng - hưởng”, gắn với việc điều chỉnh tuổi nghỉ hưu ở một số lĩnh vực, ngành nghề nhất định phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong điều chỉnh tuổi nghỉ hưu cần hết sức cân nhắc, có lộ trình và tính toán kỹ lưỡng. Người đến tuổi nghỉ hưu nếu không đủ sức khỏe, tâm huyết thì có thể giải quyết theo chế độ hiện hành. Phát huy nguồn lực người cao tuổi có thể bằng cách bố trí các công việc phù hợp (các dịch vụ xã hội) hoặc các hình thức hợp đồng chuyên

gia, không nên gây áp lực vào ngân sách nhà nước dành cho quỹ lương.

Sửa đổi và có những quy định chặt chẽ, xử lý nghiêm các vi phạm chính sách bảo hiểm, giải quyết tình trạng lợi dụng chính sách, trục lợi chính sách, nợ đọng BHXH tồn tại trong nhiều năm qua. Đặc biệt cần chú ý hoàn thiện các quy định về thu hồi, xử lý nợ đọng bảo hiểm đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa và phá sản.

*Thứ tư*, nâng cao chất lượng dịch vụ và công tác thực hiện các chế độ, chính sách BHXH.

Đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống BHXH theo hướng phục vụ chi trả nhanh chóng, kịp thời, bảo đảm quyền lợi người tham gia bảo hiểm. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong lĩnh vực BHXH. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước hiện đại hóa hệ thống quản lý BHXH.

*Thứ năm*, tăng cường quản lý nhà nước về BHXH.

Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước và BHXH ở các cấp trong việc thực hiện chế độ, chính sách BHXH. Quản lý tốt đối tượng đóng và tham gia BHXH. Củng cố và tăng cường quản lý quỹ BHXH, bảo đảm cân đối thu chi, đầu tư tăng trưởng Quỹ hiệu quả và an toàn theo quy định của pháp luật.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BHXH; kịp thời phát hiện và xử lý các vi phạm chính sách BHXH. □

# Quan tâm (!)

## THIỆN VĂN

Mấy chiếc xe con nối đuôi nhau chạy trên đường, cuốn theo những đám bụi mù mịt. Sau vài tiếng đồng hồ vượt qua chặng đường rừng núi quanh co, hiểm trở, đoàn xe dừng lại tại một xã miền núi thuộc diện nghèo nhất, nì của tỉnh.

Thời tiết hanh khô dài. Cả một vùng đồi núi vốn xanh tươi như bị “vắt kiệt sức” sau vài tháng thiếu nước trầm trọng. Cây cối héo úa tàn tạ. Những mái nhà tranh vách nứa đơn sơ đứng nép mình lặng lẽ trên những sườn đồi cằn cỗi. Bà con nông dân mẩy ngày nay đã chạy xuôi, chạy ngược để đi kiếm từng giọt nước ăn đã thấy nhọc nhằn lắm rồi, nói gì đến việc kiếm nước tưới cho cây cối. Cảnh vật xơ xác, người cũng “xác xo” không kém. Vì cái hạn hán đến quá nhanh mà đi quá chậm.

Đoàn kiểm tra đi cơ sở lân này gồm lãnh đạo huyện và cán bộ chủ chốt một số phòng của địa phương. Trước hết, đoàn đến thăm một số gia đình, hỏi han tình hình đời sống sản xuất của bà con. Tiếp đó là những gói quà được lãnh đạo đoàn trao tặng cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn nhất.

Theo chương trình đã sắp xếp, cuối buổi, đoàn làm việc với đội ngũ cán bộ chủ chốt của cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể của xã. Một bài phát biểu chuẩn bị sẵn được lãnh đạo đoàn đọc “hung hồn” trong hội trường. Sau khi “nhiệt liệt biểu dương” cán bộ và nhân dân địa phương luôn phát

huy truyền thống kiên cường, anh dũng của quê hương, có nhiều cố gắng trong lao động sản xuất, xây dựng đời sống văn hóa, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, lãnh đạo đoàn đã cho “ý kiến chỉ đạo”. Rằng, trong thời gian trước mắt, đảng bộ, Hội đồng Nhân dân và ủy ban Nhân dân xã phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc chống hạn “làm sao” cho có hiệu quả. Rằng, phải nghiên cứu “làm sao” để thay đổi cơ cấu cây trồng, nhất là những loại cây chịu hạn tốt. Rằng, phải “làm sao” để thâm canh tăng vụ, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm không ngừng nâng cao sản lượng lương thực, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt trước mắt và lâu dài của nhân dân. Rằng, phải chú ý chăm lo đến việc học hành của trẻ em - những chủ nhân tương lai của nước nhà; chú trọng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân là đầu tư cho phát triển và quan tâm đến các đối tượng chính sách là thể hiện truyền thống, đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc ta. Rằng, phải nhận thức rõ trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước thì phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, xây dựng văn hóa là nền tảng, v.v và v.v.. Cuối cùng là những lời chúc: “Trong một tương lai gần, xã ta sẽ trở thành một điểm sáng của huyện về mọi mặt, xứng đáng là một xã vững về chính trị, giàu về kinh tế, đẹp về văn hóa, mạnh về quốc phòng- an ninh”. Đội

ngũ cán bộ của xã trong hội trường chăm chú ngồi nghe một cách “say sưa” vì lãnh đạo đoàn nói trau truốt, suôn sẻ và... hay quá!

Buổi tối hôm sau, chương trình thời sự của đài truyền hình địa phương đưa tin về đoàn kiểm tra ở xã đó. Được xem lãnh đạo đoàn hỏi han, tặng quà cho những gia đình nghèo và cho “ý kiến chỉ đạo” đội ngũ cán bộ địa phương, một số người dân ở thành phố tỏ ý “đánh giá cao” về sự quan tâm của lãnh đạo địa phương đối với đồng bào miền núi vùng sâu, vùng cao. Đúng là cũng có sự quan tâm. Nhưng tác phong làm việc như vậy thật xa thực tiễn. Đến thăm đồng bào đang bị hạn hán nghiêm trọng mà vẫn tổ chức đi thành đoàn nườm nượp như thế, những người dân nghèo nghĩ gì? Những lời hỏi thăm, động viên bà con rất xã giao; bài “phát biểu chỉ đạo” dài dòng với nội dung chung chung; đôi ba câu chúc sáo mòn quen thuộc, phải chăng đó là phong cách lãnh đạo sâu sát cơ sở?

Tuy vậy, đúng như một ý kiến của một bác cựu chiến binh đã nêu ra rằng, nếu “quan tâm” như thế thì làm lãnh đạo cũng không mấy... khó khăn lắm. Bởi chỉ cần “học thuộc” mấy câu “bài bản” theo dạng “kinh điển” đó, thì ai chỉ đạo cấp dưới cũng... “lợt tai”! Có lẽ câu nhận xét thẳng thắn này - rất đáng để những người lãnh đạo có tác phong làm việc quan liêu, hình thức - không thể không suy ngẫm một cách nghiêm túc.

### HỎI - ĐÁP

**?** Để tăng cường hướng dẫn xử lý tình huống thông tin trên báo chí và trang mạng xã hội, bảo đảm ổn định tư tưởng, chính trị, xã hội đối với các địa phương, Ban Tuyên giáo Trung ương có những “chỉ dẫn” gì?

- **Trả lời:** Ngày 22-11-2017, Ban Bí thư đã ban hành Kế luật số 23-KL/TW về “Tăng cường chỉ đạo, quản lý, phát huy vai trò của báo chí, xuất bản trong việc ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ”. Trong đó giao cho Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với các cơ quan liên quan kiến nghị sửa đổi bổ sung các quy định, quy chế về chỉ đạo, định hướng các vấn đề quan trọng, phức tạp, nhạy cảm trong nội dung thông tin báo chí, về trách nhiệm của đảng viên khi phát ngôn, viết bài trên mạng xã hội, internet...

Giao cho Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo rà soát, kiến nghị chính phủ, Quốc hội sửa đổi, bổ sung, bảo đảm tính đồng bộ trong hệ thống các văn bản của Đảng, Nhà nước, có chế tài đủ mạnh để giải quyết dứt điểm các sai phạm của cơ quan

báo chí; chỉ đạo tiến hành các giải pháp pháp lý và kỹ thuật để hạn chế, ngăn chặn việc đăng tải, phát tán tin xấu, độc trên mạng xã hội.

Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông cùng các cơ quan liên quan đã xây dựng kế hoạch để triển khai các nhiệm vụ này.

Trong năm 2017, Ban Tuyên giáo Trung ương đã xây dựng nhiều đề cương, kế hoạch tuyên truyền trên báo chí; đồng thời tích cực chỉ đạo bảo đảm thông tin báo chí đúng định hướng, cơ cấu phù hợp. Thời gian tới, Ban Tuyên giáo Trung ương sẽ chỉ đạo các đơn vị chức năng tích cực tham mưu để thực hiện hiệu quả hơn nữa nhiệm vụ này.

Tuy nhiên, đối với các tình huống xảy ra tại địa phương, Ban Tuyên giáo các tỉnh, thành ủy cần tăng cường, nâng cao chất lượng dự báo, tích cực cung cấp thông tin cho Ban Tuyên giáo Trung ương để Ban có chỉ đạo kịp thời. Đồng thời, cũng cần chủ động hơn nữa trong việc cung cấp thông tin cho báo chí; hạn chế hiện tượng “khủng hoảng truyền thông” do báo chí thiếu thông tin, không có nguồn thông tin chính xác, tin cậy.



### HỘP THU TÒA SOẠN

Trong tháng 2 năm 2018, Tòa soạn đã nhận được các bài viết của các tác giả: **Đoàn Nam Đàn, Nguyễn Anh Tuấn** (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh); **Hoàng Trung Dũng** (Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hà Tĩnh); **Phạm Công Hà, Võ Quang Đạt** (Hà Tĩnh); **Nguyễn Văn Cự, Trần Thị Hương** (Thành phố Hà Nội); **Nguyễn Xuyến** (Thành phố Huế); **Đặng Thị Phương** (Hòa Bình);

**Đặng Công Thành, Nguyễn Quang Bình** (Đại học Chính trị - Bộ Quốc phòng); **Trường Giang**, Hồng Liên (Phú Thọ); **Lê Quang Huy** (Quảng Ngãi); **Phạm Văn Chung** (Kon Tum)...

Ngoài ra, Tòa soạn đã nhận được tin bài về hoạt động tuyên giáo địa phương của các tác giả: **Lâm Hồ Sỹ** (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bạc Liêu); **Nguyễn**

**Hữu Thọ** (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai); **Phạm Bá Nhiều** (Ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh); **Lê Thị Châu Minh, Phan Ngân** (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Trị); **Trần Hữu Chất** (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hưng Yên); **Phạm Quang Chiến** (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Vĩnh Long); **Nguyễn Quốc Tuấn** (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Kiên Giang); **Nguyễn Đức Luận** (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lạng Sơn); **Trần Đình Hưng** (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hà Tĩnh); **Phạm Quang Hưng** (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hòa Bình)...

*Ban Biên tập xin chân thành cảm ơn sự cộng tác nhiệt tình của các cộng tác viên. Rất mong tiếp tục nhận được nhiều tin, bài chất lượng của các cộng tác viên và sự đồng hành của bạn đọc cùng Tạp chí Tuyên giáo.*

# VỀ CUỐN SÁCH

# “CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO

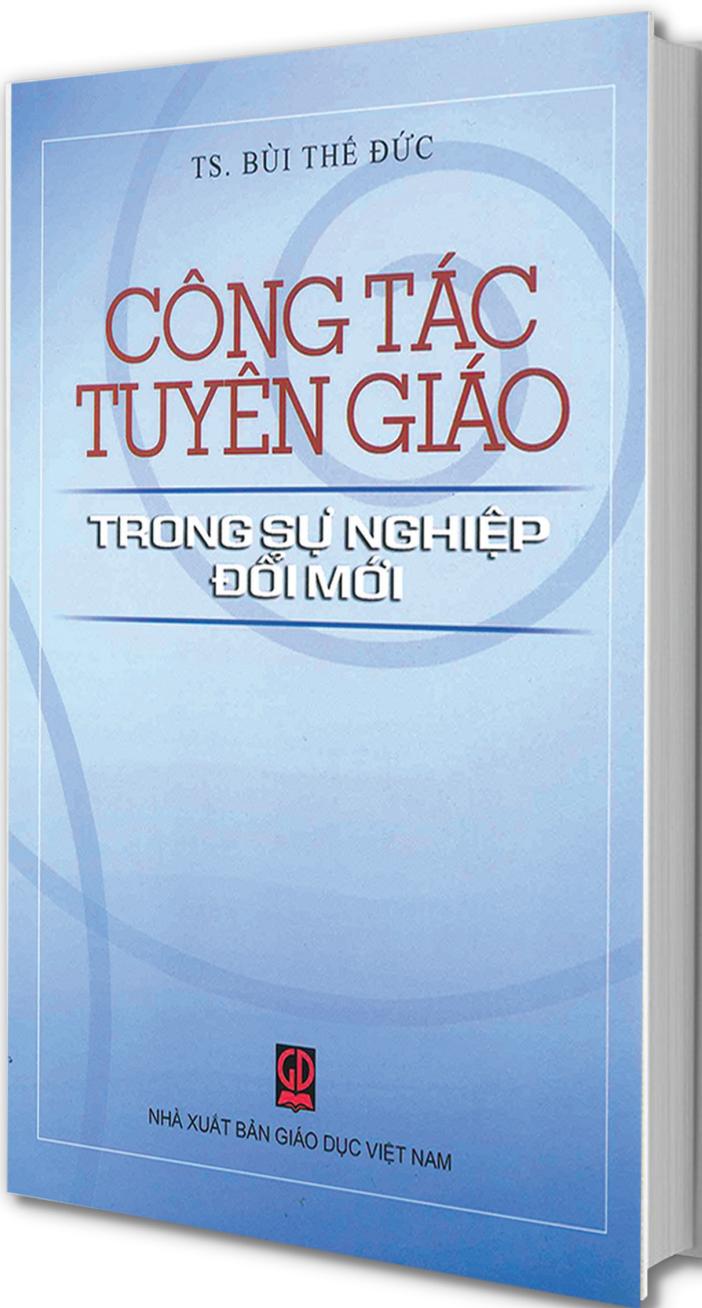
# TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI”

□ THẾ VINH

Cuối năm 2017, TS. Bùi Thế Đức ra mắt bạn đọc cuốn sách “Công tác Tuyên giáo trong sự nghiệp đổi mới” tập hợp 46 bài viết của Anh trong nhiều năm qua trên báo Nhân dân, các Tạp chí và trong các cuốn sách trước mà Anh đã xuất bản. Lần theo những bài viết, đọc và suy nghĩ tường tận, mới thấy hết được tấm lòng và công sức mà Anh bỏ ra. Từ những ý tưởng đầy tâm huyết, trăn trở dành cho cái “nghiệp” đã mang, Anh dúc kết thành những kinh nghiệm mang dấu ấn thẩm đắm hơi thở của thực tiễn.

Cuốn sách gồm có 4 phần. Phần I: “Về công tác tuyên giáo” (30 bài) tập hợp các bài viết liên quan đến các lĩnh vực mà Anh được phân công phụ trách theo dõi từ năm 2011: Tuyên truyền, Hợp tác quốc tế, Khoa học và Công nghệ, Môi trường; Đầu tranh chống “Diễn biến hòa bình” và các quan điểm sai trái, thù địch; và về các lĩnh vực được phân công trong vòng 2 năm nay: Giáo dục và Đào tạo, Dạy nghề; Văn hóa - Văn nghệ; và gần đây là Các vấn đề xã hội.

Phần II: “Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong



## **Các bài viết bám sát thực tiễn**

**sinh động của đời sống  
chính trị, bám sát  
những vấn đề xã hội  
đang quan tâm, góp  
phần định hướng dư  
luận, làm nổi bật nội  
dung công tác tuyên  
giáo trong sự nghiệp  
đổi mới”.**

cách Hồ Chí Minh” (gồm 6 bài), trong đó, đa số các bài ở mục này đã được báo Nhân dân đăng trên mục “Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII” trong thời gian vừa qua. Đặc biệt, trong phần này có hai bài viết giới thiệu hai cuốn sách quý về “Xây dựng, chỉnh đốn Đảng” (Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự Thật, 2016) của Tổng Bí thư ở “hai đầu” thời kỳ đổi mới, tập hợp những bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh và cuốn sách quý “Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt để phát triển đổi mới” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Hai cuốn sách và những bài viết dù ở hai hoàn cảnh khác nhau nhưng là tài liệu quý, thiết thực góp phần định hướng cho cán bộ, đảng viên tiếp tục rèn luyện bản lĩnh, trí tuệ, phẩm chất đạo đức và năng lực phục vụ nhân dân, kiên định lý tưởng cách mạng.

Phần III: “Về đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch” tập hợp các bài viết đăng trên các Tạp chí, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam để góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Phần IV: “Những năm tháng không quên”, là kỷ niệm về những người thầy đã dùi dắt, giúp đỡ Anh được viết bằng tấm lòng cảm tạ, biết ơn sâu sắc.

Tuy dung lượng ở những bài viết của từng phần nhiều ít khác nhau nhưng đều thể hiện rõ tư tưởng, tấm lòng nhiệt thành, đầy trân trọng của tác giả vì sự nghiệp tuyên giáo của Đảng. Các bài viết bám sát thực tiễn sinh động của đời sống chính trị, bám sát những vấn đề xã hội đang quan tâm, góp phần định hướng dư luận, làm nổi bật nội dung công tác tuyên giáo trong sự nghiệp đổi mới.

Tôi biết hiện nay Anh là Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Trung ương, Bí thư Đảng ủy Cơ quan, Phó Chủ tịch Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận phê bình Văn học, Nghệ thuật Trung ương. Tôi hỏi Anh công việc bận rộn như thế thì thời gian đâu mà viết bài? Anh nở nụ cười đôn hậu, gần gũi và có lẽ không muốn nói về mình nhiều. Anh chỉ nói đại ý: Mình viết báo, viết phê bình văn học, viết về công tác tuyên giáo vừa là trách nhiệm, vừa là công việc, vừa là niềm đam

mê. Nhưng so với các bác, các cô chú và các anh, các chị có nhiều cống hiến thì đóng góp của mình cũng như: Đứng trước biển mọi dòng sông đều nhỏ! Còn viết về những người thầy là thể hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, là xuất phát từ tình cảm chân thành thể hiện lòng biết ơn sâu sắc của mình. Anh kể rằng người thầy của Anh mất vào đúng thời điểm Anh thi nghiên cứu sinh ngoài nước và Anh đã deo tang thầy để bước vào phòng thi. Từ cuối năm 1989 đến giữa năm 1994, Anh nghiên cứu sinh về văn học nước ngoài ở Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Mat-xcơ-va mang tên Lô-mô-nô-xốp (nơi trước đây người thầy của Anh là GS. Nguyễn Đức Nam đã từng học ở đó). Cho nên tôi thực sự xúc động khi đọc những dòng Anh viết về người thầy của mình: “Và như một “giá trị đích thực” mà cả đương thời và hậu thế đã và đang khẳng định, thiết nghĩ những con người như thầy khi ra đi đã để lại “dấu vết” ở trên thế gian này chứ không phải như những thứ thảo mộc tầm thường đã sống và tồn tại kéo dài hơn cả những nỗi khổ đau của con người”!

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách “Công tác tuyên giáo trong sự nghiệp đổi mới” của Tiến sĩ Văn học, Nhà báo Bùi Thế Đức, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng. □

# GẮN KẾT GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VỚI DOANH NGHIỆP, THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

□ THANH XUÂN

Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một nhiệm vụ trọng tâm của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, trong đó gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, thị trường lao động được coi là giải pháp đột phá. Thời gian vừa qua, nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã hợp tác tốt với doanh nghiệp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và có cam kết về việc làm với thu nhập tốt cho người học, cam kết hoàn trả học phí cho người học nếu không có việc làm sau khi tốt nghiệp.

Để công tác liên kết, phối hợp đạt kết quả tốt hơn nữa trong thời gian tới, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội khuyến khích các doanh nghiệp, bao gồm cả doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng như doanh nghiệp lớn hợp tác với các trường nghề để chủ động tuyển dụng và đào tạo nhân lực cho doanh nghiệp; đảm bảo người học vào học tại nhà trường sẽ được tiếp nhận thực tập, thực tế và làm việc tại doanh nghiệp sau khi tốt nghiệp. Bài toán này giúp giảm chi phí xã hội, tránh được việc các trường tuyển sinh người

học không phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp; đào tạo những nội dung doanh nghiệp không cần; và doanh nghiệp phải đào tạo lại quá nhiều khi tuyển dụng nhân lực.

Sự hợp tác này góp phần tạo nguồn nhân lực chủ động, phù hợp và được đào tạo theo đúng nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp. Bản thân doanh nghiệp

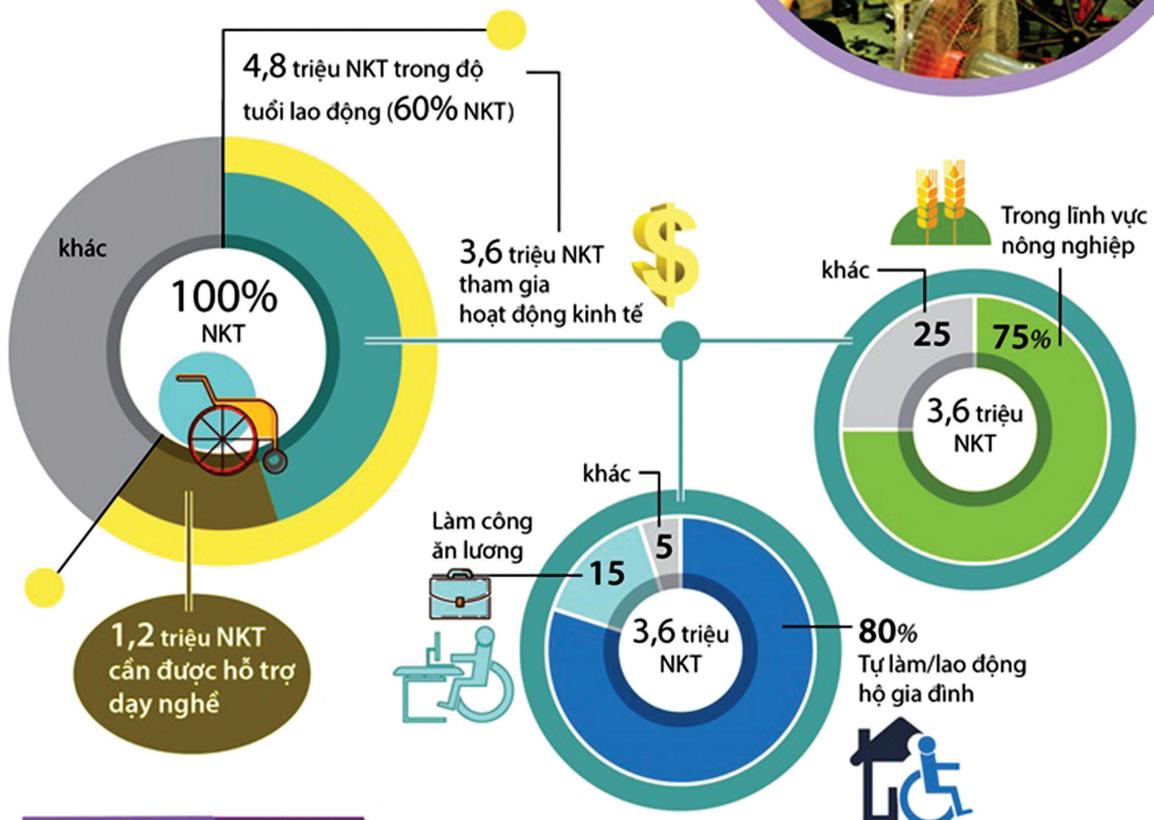
sẽ bớt được nhiều chi phí tuyển dụng nếu đứng ra tự làm, giúp giảm tỷ lệ nhân viên nghỉ việc, giúp giảm chi phí đào tạo lại và trong nhiều trường hợp, giảm cả chi phí đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Những doanh nghiệp hợp tác được hưởng ưu đãi thuế theo quy định.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kêu gọi các doanh nghiệp có nhu cầu chủ động liên hệ với các trường nghề, các sở Lao động, Thương binh và Xã hội để được hỗ trợ. Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cũng sẵn sàng tiếp nhận các yêu cầu và đơn hàng của các doanh nghiệp qua cổng thông tin của Tổng cục và qua trang Fanpage chính thức của Tổng cục. Tổng cục sẽ giới thiệu các doanh nghiệp với các đơn vị đào tạo có năng lực để phối hợp triển khai. Trong giai đoạn đầu, Nhà nước dành một phần ngân sách để hỗ trợ kết nối cung cầu thị trường dạy nghề đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp thông qua hỗ trợ kỹ thuật xây dựng chương trình đào tạo theo đặt hàng, cấp ngân sách theo đặt hàng đào tạo, hỗ trợ đào tạo giảng viên thực hành. □

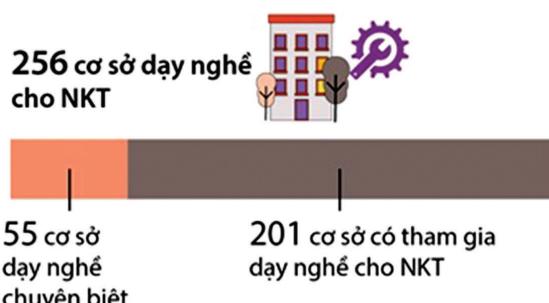
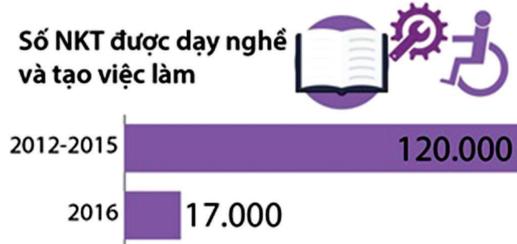
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất đặt hàng đào tạo 8.000 nhân lực cho giai đoạn 2018-2020, bao gồm các nghề: Công nghệ luyện kim, đúc kim loại, cán kéo kim loại, Điện công nghiệp, Công nghệ ô tô, Cắt gọt kim loại, Hàn, Điện tử công nghiệp, Tự động hóa công nghiệp, Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy, Sửa chữa máy tàu thủy, Chế tạo thiết bị cơ khí, Lắp đặt thiết bị cơ khí, Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí, Kế toán doanh nghiệp, Phân tích các sản phẩm lọc dầu, Kỹ thuật xây dựng.

## Thúc đẩy dạy nghề, tạo việc làm cho người khuyết tật

Việt Nam còn trên 1,2 triệu người khuyết tật (NKT) trong độ tuổi lao động còn khả năng lao động cần được hỗ trợ dạy nghề.



### TỔ CHỨC DẠY NGHỀ VÀ TẠO VIỆC LÀM CHO NKT



Nguồn: Bộ Lao động-thương binh và Xã hội

<http://infographics.vn>

© TTXVN  
Vietnam News Agency

# NGÀNH ĐIỆN TP.HCM NÂNG CAO CHỈ SỐ TIẾP CẬN ĐIỆN NĂNG

## □ TẤN HƯNG

Tuyệt hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP của Chính phủ và chỉ đạo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, trong thời gian qua, Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh (EVN HCMC) đã có nhiều nỗ lực cải thiện chỉ số tiếp cận điện năng như: triển khai thực hiện nhiều giải pháp nhằm rút ngắn thời gian cấp điện, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại để nâng cao chất lượng cung cấp điện cho khách hàng.



Các kỹ sư EVN HCMC trực vận hành trung tâm điều khiển từ xa

Nhiều giải pháp đã được EVN HCMC triển khai như: chủ động phối hợp với các sở, ngành để tiếp nhận yêu cầu của khách hàng và giải quyết tối đa không quá 5 ngày làm việc. EVN HCMC cũng đã cải tiến quy trình cấp điện chỉ thực hiện trong vòng 3 ngày làm việc khi khách hàng có nhu cầu phụ tải ≤ 160 KVA; và với khách hàng có nhu cầu phụ tải > 160 KVA, ngành điện sẽ chủ động thực hiện trong vòng 13 ngày làm việc, cũng như chịu toàn bộ chi phí (không bao gồm khách hàng mua điện trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản). Theo đó, khách hàng chỉ thực hiện thủ tục duy nhất là đăng ký cung cấp điện. EVN HCMC đã quyết liệt cải tiến các quy trình nội bộ để giảm thời gian cấp điện cho khách hàng, đẩy mạnh phân cấp cao cho đơn vị trực thuộc, xây dựng trình tự đầu tư và lập thiết kế mẫu cho các

công trình đường dây trung áp và trạm biến áp, cải cách thủ tục thực hiện, đặc biệt là thực hiện nghiêm chế độ “1 cửa” trong mọi giao dịch với khách hàng. Việc giao dịch với khách hàng được thực hiện công khai, minh bạch về trình tự, thủ tục, mọi yêu cầu của khách hàng chỉ cần đăng ký qua Tổng đài chăm sóc khách hàng theo số 1900545454 hoặc qua các hình thức: email [cskh@hcmpc.com.vn](mailto:cskh@hcmpc.com.vn), Website <http://cskh.hcmpc.com.vn>,...

Bên cạnh đó, việc ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao chất lượng cung cấp điện đã được triển khai mạnh mẽ như: xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống điện điều khiển tự động (SCADA), trung tâm điều khiển từ xa, tự động hóa lưới phân phối (DAS), sửa chữa điện trên đường dây đang mang điện (live-line) đã làm giảm đáng kể thời gian mất điện của khách hàng.

Với những nỗ lực như trên, trong năm 2017, EVN HCMC đã cấp điện cho 1.011 công trình trạm chuyên dùng với thời gian giải quyết bình quân chỉ 4,47 ngày riêng về thủ tục của ngành điện. Theo kết quả đánh giá chỉ số tiếp cận điện năng năm 2017 của Tổ chức Doing Business (Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương được chọn để đánh giá), Việt Nam đạt 78,69/100 điểm, tăng 32 bậc so với xếp hạng năm 2016 và đứng ở vị trí 64/190 quốc gia/nền kinh tế. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng là nền kinh tế có chỉ số tiếp cận điện năng cải thiện vị trí nhiều nhất trong khu vực ASEAN. Trong giai đoạn từ năm 2013-2017, chỉ số tiếp cận điện năng của Việt Nam đã liên tục cải thiện và có các chuyển biến tích cực: Số ngày thực hiện cấp điện cho khách hàng qua trạm biến áp đã giảm từ 115 ngày xuống còn 46 ngày, trong đó riêng số ngày của Điện lực giảm từ 60 ngày xuống còn 11 ngày và số thủ tục giảm từ 6 xuống còn 5 thủ tục. Chỉ số tiếp cận điện năng năm 2017 của Việt Nam đã đạt và vượt mục tiêu về yêu cầu thứ hạng của Chính phủ đề ra đã góp phần đưa môi trường kinh doanh của Việt Nam cải thiện 14 bậc so với năm 2016 để vươn lên đứng thứ 5 trong khu vực ASEAN. □